# BỘ ĐỀ TRẮC NGHIỆM & TỰ LUẬN

# ĐỊA LÍ 10

(CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)




NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HUỲNH TRÀ

# BỘ ĐỀ
# TRẮC NGHIỆM & TỰ LUẬN
# ĐỊA LÍ 10

(Chương trình cơ bản & nâng cao)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

## LỜI MỞ ĐẦU

Các em học sinh thân mến.

Cuốn sách: Bộ đề trắc nghiệm và tự luận Địa lí 10 chương trình cơ bản gồm có 2 phần:

*Phần I:* Địa lí tự nhiên

*Phần II:* Địa lí kinh tế - xã hội

Sách được viết dưới dạng từng đề của các câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm: Theo từng bài, từng chương, tạo điều kiện cho học sinh kiểm tra nhanh kiến thức sau khi học ở các bài, các chương.

- Các câu hỏi tự luận: Viết theo từng bài, từng chương, giúp học sinh hiểu sâu rộng hơn về kiến thức địa lí 10 "Chương trình cơ bản" đã có sẵn trong sách giáo khoa hoặc mở rộng.

Trả lời các câu hỏi cơ bản ở phần I và phần II là học sinh nắm vững kiến thức địa lý 10 "Chương trình cơ bản" có điều kiện hiểu thêm về các quy luật tự nhiên của trái đất đồng thời thấy được sự phát triển kinh tế-xã hội của thế giới.

Những thiếu sót trong sách là điều không thể tránh khỏi. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ phía quí thầy - cô giáo và các em học sinh.

**TÁC GIẢ**

# PHẦN I
# ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

## *CHƯƠNG I*
## BẢN ĐỒ

### ĐỀ 1

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 điểm) Hình bản đồ có mấy phép chiếu hình cơ bản?

A. Có 2 phép chiếu B. Có 3 phép chiếu

C. Có 4 phép chiếu D. Có 5 phép chiếu

**Câu 2**: (0,5 điểm) Phép chiếu phương vị là phương pháp thể hiện mạng lưới Kinh - vĩ tuyến của địa cầu lên mặt:

A. Phẳng B. Đứng

C. Nghiêng D. Các ý trên đều đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Ở bản đồ thế giới có các đường kinh tuyến, vĩ tuyến là:

A. Đường cong

B. Đường thẳng

C. Kinh tuyến đường cong, vĩ tuyến đường thẳng

D. Vĩ tuyến đường cong, kinh tuyến đường thẳng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Ở bản đồ bán cầu, đường xích đạo và đường kinh tuyến là đường thẳng còn tất cả là đường cong.

A. Đúng B. Sai

**Câu 5**: (0,5 điểm) Bản đồ là hình ảnh thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt trái đất lên mặt phẳng trên cơ sở nào?

A. Địa lí B. Toán học

C. Suy đoán của con người D. Các ý trên đúng.

**Câu 6**: (0,5 điểm) Theo phép chiếu phương vị ngang chỉ có xích đạo là đường:

A. Cong B. Thẳng

C. Cong và thẳng D. Các ý trên đều sai

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy cho biết từng phép chiếu đồ thường dùng để vẽ bản đồ ở khu vực nào?

**Câu 2**: (3 điểm) Phép chiếu hình bản đồ là gì? Nêu các phép chiếu đồ nào được sử dụng nhiều trong các bản đồ hiện nay?

### Đáp án và biểu điểm đề 1:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | A | B | A | B | B |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy cho biết từng phép chiếu đồ thường dùng để vẽ bản đồ ở khu vực nào?

+ Phép chiếu phương vị: Thường dùng để vẽ bản đồ khu vực quanh cực, bản đồ bán cầu Tây, bán cầu Đông.

+ Phép chiếu hình nón đứng: Thường dùng để vẽ bản đồ ở các vùng đất thuộc vĩ độ trung bình (khu vực ôn đới) và kéo dài theo vĩ tuyến như Liên bang Nga, Trung Quốc, Hoa Kì.

+ Phép chiếu hình trụ đứng: Thường dùng để vẽ bản đồ ở khu vực gần xích đạo, bản đồ thế giới, bản đồ châu lục.

**Câu 2**: (3 điểm) Phép chiếu hình bản đồ là gì? Nêu các phép chiếu đồ nào được sử dụng nhiều trong các bản đồ hiện nay?

a. Phép chiếu đồ hình cơ bản là gì?

- Là phép chiếu hình kinh- vĩ tuyến từ mặt ê-líp-xô-ít lên mặt phẳng bằng phương pháp Toán học.

- Có nhiều phép chiếu khác tương ứng các cách khác nhau biểu thị mạng lưới kinh- vĩ tuyến.

b. Nêu các phép chiếu đồ nào được sử dụng nhiều trong các bản đồ hiện nay

- Phép chiếu phương vị } Mỗi một phép chiếu đều có 3 cách:
- Phép chiếu hình nón } Phép chiếu đứng, Phép chiếu ngang,
- Phép chiếu hình trụ } Phép chiếu nghiêng.

Ngoài 3 phép chiếu cơ bản nêu trên, còn có phép chiếu tự do có tính qui ước để vẽ các bản đồ vì mục đích riêng.

## ĐỀ 2

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 điểm) Phép chiếu hình bản đồ là cách biểu hiện mặt cong của địa cầu lên một mặt phẳng để mỗi điểm trên mặt cong tương ứng với:

A. Một điểm trên mặt phẳng B. Một điểm trên mặt cong

C. Ý A và B đúng D. Ý A và B sai

âu 2: (0.5 điểm) Phép chiếu phương vị gồm có các phép chiếu là:

A. Ngang- Nghiêng B. Đứng- Nghiêng

C. Đứng- Ngang D. Đứng- Ngang- Nghiêng

âu 3: (0.5 điểm) Khi phép chiếu hình nón đứng ra mặt phẳng thì các kinh uyến, và vĩ tuyến?

A. Kinh tuyến là những đoạn thẳng đồng qui ở cực.

B. Vĩ tuyến là những cung tròn đồng tâm.

C. Kinh tuyến và vĩ tuyến song song vuông góc.

D. Ý A và B đúng

âu 4: (0.5 điểm) Do bề mặt trái đất cong, nếu khi thể hiện lên mặt phẳng hì các khu vực khác nhau trên bản đồ:

A. Hoàn toàn chính xác B. Không hoàn toàn chính xác

C. Tuỳ theo cách thể hiện D. Các ý trên đều đúng

âu 5: (0.5 điểm) Theo phép chiếu phương vị ngang thì mặt chiếu tiếp xúc ới mặt địa cầu:

A. Ở hai cực

B. Ở xích đạo và không song song với trục của địa cầu.

C. Ở xích đạo và song song với trục của địa cầu.

D. Ý A và B đều đúng

âu 6: (0.5 điểm) Cùng một phép chiếu, nhưng tuỳ theo vị trí của nguồn hiếu và mặt chiếu mà hình dạng kinh - vĩ tuyến.

A. Khác nhau B. Giống nhau

C. Ý A và B đúng D. Ý A và B sai

**I. Câu hỏi tự luận:**

**âu 1**: (4 điểm)

+ Nêu đặc điểm lưới kinh - vĩ tuyến của bản đồ cho phép chiếu hương vị thẳng (khi điểm tiếp xúc ở cực).

+ Vùng nào của bản đồ tương đối chính xác. Vùng nào kém chính xác?

**âu 2**: (3 điểm) Theo phép chiếu phương vị ngang. Khu vực nào trên bản đồ ương đối chính xác? Mức độ chính xác trên bản đồ thay đổi như thế nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 2:

**. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | D | D | B | C | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

+ Kinh tuyến là những đường thẳng xuất phát từ cực.

+ Vĩ tuyến là những đường tròn nhỏ dần về 2 cực.

+ Vùng tương đối chính xác là cực (vùng tiếp xúc)

+ Càng xa cực càng kém chính xác

**Câu 2**: (3 điểm)

+ Khu vực nào trên bản đồ tương đối chính xác?

• Là khu vực trung tâm nơi gặp gỡ giữa xích đạo và kinh tuyến đề thẳng ở trung tâm (khu vực tiếp xúc giữa mặt phẳng của giấy vẽ bản đồ vớ địa cầu)

+ Mức độ chính xác trên bản đồ thay đổi như thế nào?

• Càng xa khu vực trung tâm càng kém chính xác.

## ĐỀ 3

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 điểm) Theo phép chiếu phương vị đứng, mặt chiếu giấy vẽ bả đồ tiếp xúc với mặt địa cầu ở:

A. Cực. Trục địa cầu vuông góc với mặt chiếu.

B. Cực. Trục địa cầu song song với mặt chiếu.

C. Xích đạo. Trục địa cầu vuông góc với mặt chiếu.

D. Ý A và B đúng.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Theo phép chiếu phương vị nghiêng thì mặt phẳng củ giấy vẽ bản đồ tiếp xúc điểm nào trên mặt địa cầu.

A. Ở xích đạo B. Ở cực bắc

C. Ở cực nam D. Bất cứ điểm nào

**Câu 3**: (0,5 điểm) Theo phép chiếu đồ hình nón thì hệ thống vĩ tuyến và kin tuyến là:

A. Vĩ tuyến là các đường cong đồng tâm.

B. Kinh tuyến chụm đầu ở cực.

C. Vĩ tuyến và kinh tuyến là những đường thẳng.

D. Ý A và B đúng.

**Câu 4**: (0,5 điểm) Theo phép chiếu đồ hình trụ đứng thì hệ thống kinh v tuyến là:

A. Các đường thẳng song song với nhau. Các vĩ tuyến bằng nhau.

B. Các đường thẳng vuông góc với nhau. Các vĩ tuyến đều bằng nhau.

C. Các đường cong. Các vĩ tuyến khác nhau.

D. Các ý trên đều sai.

**Câu 5**: (0,5 điểm) Theo phép chiếu phương vị ngang, chỉ có xích đạo là đường thẳng, các vĩ tuyến còn lại khoảng cách:

A. Giảm dần khi càng xa xích đạo về 2 cực.

B. Tăng dần khi càng xa xích đạo về 2 cực.

C. Không thay đổi khi xa xích đạo.

D. Tăng hoặc giảm tuỳ thuộc 2 cực.

**Câu 6**: (0,5 điểm)Theo phép chiếu phương vị ngang, thì kinh tuyến gốc là đường:

A. Cong.

B. Nghiêng

C. Thẳng.

D. Các ý trên đều đúng

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Điền các nội dung thích hợp.

| Phép chiếu đồ | **Tin học thể hiện trên bản đồ** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Các đường kinh tuyến | Các đường vĩ tuyến | Khu vực chính xác | Khu vực kém chính xác |
| Hình nón đứng | | | | |
| Hình trụ đứng | | | | |

**Câu 2**: (3 điểm)

- Bản đồ được phân loại thành những nhóm chính nào?

- Theo mục đích sử dụng, theo nội dung, theo lãnh thổ, người ta chia thành những loại bản đồ nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 3:

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | D | D | B | B | C |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Điền các nội dung thích hợp.

| Phép chiếu đồ | Thể hiện trên bản đồ | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Các đường kinh tuyến | Các đường vĩ tuyến | Khu vực chính xác | Khu vực kém chính xác |
| **Hình nón đứng** | Là các đường thẳng đồng qui tại chóp hình nón | Là những đường cong tròn đồng tâm | Là toàn bộ vĩ tuyến tiếp xúc với hình nón | Càng xa vĩ tuyến tiếp xúc thì khoảng cách giữa đường chiếu và hình chiếu càng cách xa |
| **Hình trụ đứng** | Là những đường thẳng vuông góc với vĩ tuyến | Là những đường thẳng vuông góc với kinh tuyến. Càng xa xích đạo khoảng cách các vĩ tuyến càng lớn. | Gần xích đạo | Càng xa xích đạo, càng kém chính xác |

**Câu 2**: (3 điểm) Bản đồ xích đạo được phân loại thành những nhóm chính nào?

- Ngày nay, bản đồ được sử dụng rộng rãi trong xã hội với những loại hình vô cùng phong phú.

- Bản đồ có thể chia thành các nhóm chính:

+ Theo tỉ lệ.

+ Theo nội dung.

+ Theo mục đích sử dụng.

+ Theo lãnh thổ….

+ Trong từng nhóm chính lại chia thành các nhóm nhỏ với những bản đồ khác.

- Theo mục đích sử dụng: Gồm có bản đồ tra cứu, bản đồ giáo khoa, quân sự, hàng hải.

- Theo nội dung: Bản đồ địa lý nói chung, bản đồ chuyên đề.

- Theo lãnh thổ: Bản đồ thế giới, nữa cầu, các châu, các đại dương.

## ĐỀ 4

**. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**'âu 1**: (0.5 điểm) Phép chiếu đồ phương vị, nếu điểm tiếp xúc nằm trên ường xích đạo thì đường kinh tuyến gốc và đường xích đạo là:

A. Hai đường cong

B. Hai đường thẳng.

C. Kinh tuyến gốc là đường thẳng, xích đạo là đường cong.

D. Xích đạo là đường thẳng, kinh tuyến gốc là đường cong.

**'âu 2**: (0.5 điểm) Theo phép chiếu đồ phương vị ngang, thì kinh tuyến gốc à đường:

A. Cong. B. Thẳng.

C. Nghiêng. D. Ý A và B đúng.

**'âu 3**: (0.5 điểm) Khi phép chiếu hình nón thì mạng lưới kinh vĩ tuyến ua mặt địa cầu. Sau đó được triển khai mặt chiếu hình nón thành:

A. Hình tròn. B. Hình nón.

C. Mặt phẳng. D. Mặt nghiêng.

**'âu 4**: (0.5 điểm) Theo phép chiếu phương vị ngang (ngoài kinh tuyến gốc) hì các kinh tuyến khác là những đường cong. Vậy khoảng cách giữa các inh tuyến

A. Giữ nguyên khi càng xa kinh tuyến gốc.

B. Tăng dần khi càng xa kinh tuyến gốc.

C. Giảm dần khi càng xa kinh tuyến gốc.

D. Ý A và C đúng.

**'âu 5**: (0.5 điểm) Tại sao trong ngành hàng hải và hàng không thường dùng an đồ có các đường kinh - vĩ tuyến là những đường thẳng. Vì được vẽ theo hép chiếu đồ:

A. Phương vị. B. Hình trụ.

C. Hình nón. D. Hình trụ và hình nón.

**'âu 6**: (0.5 điểm) Khi triển khai phép chiếu hình nón ra mặt phẳng sẽ có ột lưới chiếu có dạng:

A. Hình tròn. B. Hình trụ.

C. Hình chữ nhật. D. Hình quạt.

**I. Câu hỏi tự luận:**

**'âu 1**: (4 điểm) Vì sao khi vẽ bản đồ phải dùng phép chiếu hình bản đồ? Vì ao lại phải sử dụng nhiều phép chiếu hình khác nhau?

**'âu 2**: (3 điểm) Nêu ba loại phép chiếu đồ hình nón, tuỳ theo vị trí của hình ón so với địa cầu.

**Đáp án và biểu điểm đề 4:**

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | B | C | B | B | D |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm)- Vì sao khi vẽ bản đồ phải dùng phép chiếu hình bản đồ?

- Phép chiếu hình bản đồ là phép chiếu hình kinh - vĩ tuyến từ mặt e líp-xô-ít lên mặt phẳng bằng phương pháp toán học.

- Thể hiện các hiện tượng địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội và các mố quan hệ giữa chúng với nhau thông qua các nội dung được trình bày các k hiệu bản đồ.

- *Vì sao phải sử dụng phép chiếu hình khác nhau:*

+ Do bề mặt trái đất cong nên khi thể hiện lên mặt phẳng, các khu vự trên bản đồ không hoàn toàn chính xác như nhau.

+ Phép chiếu hình bản đồ là cách biểu thị mặt cong của trái đất lê mặt phẳng.

**Câu 2**: (3 điểm) Có 3 phép chiếu hình nón:

- Phép chiếu hình nón đứng: Trục của hình nón trùng với trục quay củ địa cầu.

- Phép chiếu hình nón ngang: Trục của hình nón trùng với đường kín của xích đạo và vuông góc với trục quay của địa cầu.

- Phép chiếu hình nón nghiêng: Trục hình nón đi qua tâm của địa cầ nhưng không trùng với trục địa cầu, không trùng với đường kính của xích đạo.

## ĐỀ 5

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 điểm) Có các cách đo tính khoảng cách trên bản đồ:

A. Dựa vào tỉ lệ bản đồ.

B. Dựa vào lưới kinh – vĩ tuyến trên bản đồ.

C. Ý A và B đúng.

D. Ý A và B sai.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Cơ bản có những phương pháp nào thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ:

A. Kí hiệu. B. Kí hiệu đường chuyển động.

C. Chấm điểm, biểu đồ - bản đồ. D. Tất cả các ý trên đúng.

'âu 3: (0.5 điểm) Thể hiện hướng gió, dòng biển, luồng di cư với tốc độ, hối lượng khác nhau, đó là phương pháp:

A. Chấm điểm.
B. Kí hiệu.
C. Kí hiệu đường chuyển động.
D. Khoanh vùng.

'âu 4: (0.5 điểm) Thể hiện các đối tượng: các điểm dân cư, các hải cảng, ác sân bay, các mỏ khoáng sản.... Đó là cách thể hiện của phương pháp:

A. Kí hiệu.
B. Chấm điểm.
C. Đường đẳng trị.
D. Bản đồ - biểu đồ.

'âu 5: (0.5 điểm) Một quốc gia chạy dài theo kinh tuyến nằm giữa vĩ độ: $0^0$B và $43^0$B. Vậy quốc gia đó nằm trên mấy vĩ tuyến.

A. $12^0$B.
B. $13^0$B.
C. $30^0$B.
D. $43^0$B

'âu 6: (0.5 điểm) Chiều dài cung $1^0$ của kinh tuyến ở bất kỳ vĩ độ nào luôn:

A. Khác nhau.
B. Bằng nhau.
C. Khác nhau ở vĩ độ Bắc.
D. Bằng nhau ở vĩ độ Nam.

**I. Câu hỏi tự luận**:

'**âu 1**: (4 điểm) Khái quát các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí rên bản đồ.

'**âu 2**: (3 điểm) Tại sao trong ngành hàng hải và hàng không thường dùng an đồ có các đường kinh tuyến và vĩ tuyến là những đường thẳng.

## Đáp án và biểu điểm đề 5:

**. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | D | C | A | B | B |

**I. Câu hỏi tự luận**:

'**âu 1**: (4 điểm)

- Biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ có các phương pháp sau:

+ Phương pháp kí hiệu: Biểu hiện các đối tượng địa lí phân bố theo hững điểm cụ thể.

+ Phư[illegible]g pháp kí hiệu đường chuyển động: Biểu hiện sự di chuyển ác hiện tượng: tự nhiên, kinh tế - xã hội, các tốc độ và khối lượng.

+ Phương pháp chấm điểm: Biểu hiện các hiện tượng phân bố phân ản, bằng các chấm khác trên bản đồ.

+ Phương pháp biểu đồ - bản đồ: Biểu hiện giá trị tổng cộng của mộ hiện tượng địa lí trên một đơn vị do hành chánh. Đặt biểu đồ trên lãnh thổ đó.

**Câu 2**: (3 điểm) Trong ngành hàng hải và hàng không thường dùng bản đ có các đường kinh tuyến và vĩ tuyến là những đường thẳng, là vì:

- Bản đồ có các đường kinh – vĩ tuyến là những đường thẳng được v theo phép chiếu đồ hình trụ.

- Vẽ bản đồ thế giới thường sử dụng phép chiếu hình trụ thẳng đồng góc.

- Tỉ lệ theo lưới chiếu các kinh – vĩ tuyến thay đổi giống nhau liên tụ tăng dần từ xích đạo đến cực.

- Ưu điểm của phép chiếu này là góc trên bản đồ có độ lớn tương ứn bằng góc trên quả địa cầu.

## ĐỀ 6

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Một bản đồ có tỉ lệ 1/2.000.000. Vậy 1cm trên bản đ tương ứng bao nhiêu km ngoài thực địa.

A. 2 km B. 20 km C. 200 km D. 2000km

**Câu 2**: (0,5 điểm) Một quốc gia trải dài 13 vĩ độ thì tương ứng bao nhiêu km.

A. 1344,2 km B. 1434,3 km

C. 1444,3 km D. 1443,5km

**Câu 3**: (0,5 điểm) Các đối tượng không phân bố trên khắp lãnh thổ mà ch phát triển ở những khu vực nhất định thì dùng phương pháp nào biểu hiệ lên bản đồ.

A. Phương pháp chấm điểm. B. Phương pháp bản đồ - biểu đồ

C. Phương pháp kí hiệu. D. Phương pháp khoanh vùng.

**Câu 4**: (0,5 điểm) Phương pháp kí hiệu có những dạng nào?

A. Kí hiệu hình học. B. Kí hiệu chữ.

C. Kí hiệu tượng hình. D. Cả 3 ý trên đều đúng.

**Câu 5**: (0,5 điểm) Thể hiện trên bản đồ vùng có nhiều sắt, than đá, than nâ thì dùng dạng kí hiệu nào?

A. Tượng hình B. Kí hiệu chữ

C. Kí hiệu hình học D. Kí hiệu chữ và kí hiệu hình học

**Câu 6**: (0,5 điểm) Kí hiệu chữ thường dùng để thể hiện trên bản đồ:

A. Rừng nhiệt đới, rừng ôn đới

B. Than nâu, than đá.

C. Vàng, chì, crôm

D. Vùng chăn nuôi, vùng trồng cà phê.

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Bản đồ địa lí chung và bản đồ chuyên đề khác nhau ở những điểm cơ bản nào?

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy nêu tác dụng của bản đồ trong học tập và đời sống?

## Đáp án và biểu điểm đề 6:

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | C | D | D | C | C |

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Bản đồ địa lí chung và bản đồ chuyên đề khác nhau ở những điểm cơ bản sau:

- *Bản đồ địa lí chung:*

+ Thể hiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội trên mặt đất cùng một lúc, đồng đều, không nhấn mạnh yếu tố nào.

+ Thể hiện dấu hiệu bên ngoài.

- *Bản đồ chuyên đề:*

+ Có thành phần chính, thành phần phụ.

+ Đi sâu vào nội dung.

- Số lượng và các thành phần biểu hiện trên bản đồ chuyên đề hẹp hơn ở bản đồ địa lí chung, nhưng các đặc điểm chi tiết của các đối tượng chính thì rõ hơn.

**Câu 2**: (3 điểm) Bản đồ có nhiều tác dụng trong học tập và đời sống như sau:

- Trong học tập:

+ Bản đồ là phương tiện để học sinh học tập, rèn luyện các kĩ năng địa lí ở lớp, ở nhà, và làm các bài kiểm tra.

+ Bản đồ giúp học sinh biết được hình dạng, qui mô các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội của một vùng, một quốc gia,…

- Trong đời sống:

+ Bản đồ được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày.

+ Tuỳ theo mục đích sử dụng mà dùng loại bản đồ nào thích hợp nhất.

# ĐỀ 7

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0.5 điểm) Hiện nay để thăm dò đáy biển và các đại dương, người ta dùng:

A. Sự phỏng đoán.
B. Các thiết bị siêu âm.
C. Thợ lặn
D. Các ý trên đều đúng.

**Câu 2**: (0.5 điểm) Chiều dài cung $1^0$ của các kinh tuyến ở bất kì vĩ độ nào trung bình là:

A. 101.1 km
B. 110.2 km
C. 111.1 km
D. 112.2 km

**Câu 3**: (0.5 điểm) Có mấy cách tính khoảng cách dài, rộng trên bản đồ:

A. 2
B. 3
C. 4
D. 5

**Câu 4**: (0.5 điểm) Muốn xác định hướng Bắc của bản đồ phải căn cứ vào:

A. Hướng phía trên của tờ bản đồ.
B. Dựa vào các đường kinh tuyến.
C. Mũi tên chỉ hướng Bắc ở trên bản đồ.
D. Ý B và C đúng.

**Câu 5**: (0.5 điểm) Ở nước ta trung tâm cung cấp tư liệu và dịch vụ viễn thám là:

A. Bộ tài nguyên và môi trường
B. Bộ quốc phòng
C. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
D. Các ý trên đều đúng

**Câu 6**: (0.5 điểm) Trong học tập địa lí, trên cơ sở bản đồ cần phải chú ý vấn đề nào?

A. Bản đồ phù hợp với nội dung.
B. Tỉ lệ và các kí hiệu
C. Phương hướng
D. Tất cả các ý trên đều đúng.

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Để nắm vững các đối tượng địa lí trên bản đồ có những cách nào là tốt nhất.

**Câu 2**: (3 điểm) Để trình bày và giải thích chế độ nước của một con sông, cần phải sử dụng những bản đồ nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 7:

**. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | C | A | D | D | D |

**I. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Để nắm vững các đối tượng địa lí trên bản đồ có:

- Nhiều cách khác nhau, tuỳ theo kinh nghiệm của mỗi người.

- Nhưng cách chung nhất là:

+ Khi chỉ và đọc một đối tượng trên bản đồ cần chú ý đến: hình ạng, kích thước của đối tượng đó.

+ Vị trí của đối tượng đó trong mối quan hệ với các đối tượng địa lí xung quanh.

**Câu 2**: (3 điểm) Để trình bày và giải thích chế độ nước của một con sông, ần phải sử dụng những bản đồ sau:

- Bản đồ địa hình: thấy được mối quan hệ giữa hướng chảy, độ dốc, đặc iểm của lòng sông với địa hình ở khu vực đó.

- Bản đồ khí hậu: Biết tình hình phân bố lượng mưa.

- Bản đồ các vùng trồng rừng.

- Các bản đồ cùng loại của khu vực khác.

## CHƯƠNG II

# VŨ TRỤ - HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT

## ĐỀ 8

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Theo thuyết Bíc bang vũ trụ được hình thành cách đâ khoảng:

A. 10 tỉ năm B. 13 tỉ năm

C. 15 tỉ năm D. 16 tỉ năm

**Câu 2**: (0,5 điểm) Có mấy hành tinh trong hệ mặt trời.

A. 7 B. 8 C. 9 D. 10

**Câu 3**: (0,5 điểm) Mỗi thiên hà trong vũ trụ là một tập hợp của nhiều thiê thể như:

A. Các ngôi sao B. Các hành tinh, vệ tinh

C. Khí, bụi bức xạ điện từ D. Các ý trên đều đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Các hành tinh nào không phát ra ánh sáng, mà chỉ phả chiếu ánh sáng của mặt trời.

A. Thuỷ tinh, Kim tinh, Trái Đất.

B. Hoả tinh, Cuộc tinh, Thổ tinh.

C. Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh, Diêm Vương tinh

D. Tất cả 9 hành tinh

**Câu 5**: (0,5 điểm) Hiện nay các nhà vũ trụ học đều thừa nhận vũ trụ:

A. Đang thu hẹp B. Đang giãn nở

C. Không thay đổi D. Ý A và B đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Căn cứ vào đâu mà các nhà khoa học phân chia 9 hàn tinh trong hệ mặt trời thành 2 nhóm:

A. Vị trí so với Mặt Trời

B. Vào kích thước

C. Vào tính chất lí hoá của các hành tinh

D. Các ý trên đều đúng

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy tóm tắt học thuyết Bíc bang về sự hình thành vũ trụ?

**Câu 2**: (3 điểm) Vũ trụ là gì? Hệ Mặt Trời là gì? Em có những hiểu biết g về hệ Mặt Trời?

## Đáp án và biểu điểm đề 8:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | C | D | D | B | D |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy tóm tắt học thuyết Bíc bang về sự hình thành vũ trụ là:

- Vũ trụ được hình thành cách đây khoảng 15 tỉ năm.
- Sau một vụ nổ lớn từ một nguyên tử nguyên thuỷ chứa vật chất bị nén ép trong không gian nhỏ bé, nhưng đậm đặc, có nhiệt độ rất cao và ở trạng thái không ổn định.
- Về sau hình thành các ngôi sao, các thiên hà của vũ trụ.

**Câu 2**: (3 điểm)

• Vũ trụ là gì?

- Vũ trụ là khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà.
- Thiên hà chứa Mặt Trời và các hành tinh của nó.

• Hệ Mặt Trời là gì?

- Là một tập hợp các thiên thể nằm trong dải ngân hà.
- Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời ở trung tâm, cùng với các thiên thể chuyển động xung quanh Mặt Trời.

• Em có những hiểu biết gì về trái đất trong hệ mặt trời?

- Trái Đất cùng một lúc có hai chuyển động:
  + Tự quay quanh trục - từ Tây sang Đông, 1 vòng 23 giờ 56'.
  + Quay quanh Mặt Trời - từ Tây sang Đông, 1 vòng 365,25 ngày
- Trái Đất cùng một lúc có 2 tác động:
  + Tác động của nội lực.
  + Tác động của ngoại lực
- Trái Đất là hành tinh duy nhất có sự sống là vì:
  + Vị trí, kích thước, khối lượng của Trái Đất.
  + Sự chuyển động của Trái Đất.

## ĐỀ 9

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là:

A. 149,6 triệu km B. 194,6 triệu km

C. 164,9 triệu km D. 146,9 triệu km

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hành tinh nào trong hệ Mặt Trời không có vệ tinh:

A. Thuỷ tinh, Kim tinh B. Mộc tinh, Thổ tinh

C. Trái Đất, Hoả tinh D. Mộc tinh, Hoả tinh

**Câu 3**: (0,5 điểm) Ánh sáng truyền từ Mặt Trời đến Trái Đất phải mất hết:

A. 6 phút 13 giây B. 7 phút 21 giây

C. 9 phút 25 giây D. 8 phút 31 giây

**Câu 4**: (0,5 điểm) Kinh tuyến được chọn làm kinh tuyến đường chuyển ngày quốc tế.

A. Kinh tuyến $180^0$ đi qua Thái Bình Dương

B. Kinh tuyến $170^0$ đi qua Đại Tây Dương

C. Kinh tuyến $160^0$ đi qua Ấn Độ Dương

D. Các ý trên đều sai

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ngoài chuyển động quanh Mặt Trời, các hành tinh còn chuyển động quanh trục với hướng:

A. Cùng chiều kim đồng hồ (Trừ Hoả tinh và Mộc tinh)

B. Ngược chiều kim đồng hồ (Trừ Kim tinh và Thiên Vương tinh)

C. Cùng chiều kim đồng hồ (Trừ Thuỷ tinh và Hải Vương tinh)

D. Ngược chiều kim đồng hồ (Trừ Diêm vương tinh và Thổ tinh)

**Câu 6**: (0,5 điểm) Cùng một lúc Trái Đất có mấy chuyển động:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy trình bày các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

**Câu 2**: (3 điểm) Trình bày các chuyển động của Trái Đất

### Đáp án và biểu điểm đề 9:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | A | D | A | B | B |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục có ba hệ quả sau:

- Sự luân phiên ngày và đêm:

+ Trái Đất hình khối cầu luôn được Mặt Trời chiếu sáng một nửa (ngày), một nữa không được chiếu sáng (đêm).

+ Trái Đất tự quay quanh trục nên các nơi trên bề mặt Trái Đất đều lần lượt sáng và tối.

- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế:

+ Giờ trên Trái Đất:

- Trái Đất tự quay quanh trục và hình khối cầu.

- Ở kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau.

- Chia bề mặt Trái Đất thành 24 múi giờ.

- Giờ quốc tế ở múi số 0 (giờ: GMT)

+ Đường chuyển ngày quốc tế:

- Chia bề mặt Trái Đất ra 24 giờ.

- Trái Đất hình khối cầu nên giờ số 0 trùng giờ số 24 nhưng lệch nhau một ngày.

- Vì vậy chọn kinh tuyến $180^0$ qua giữa múi giờ 12 ở Thái Bình Dương làm đường chuyển ngày quốc tế:

▫ Đi từ Tây sang Đông qua kinh tuyến $180^0$ thì cộng một ngày.

▫ Đi từ Đông sang Tây qua kinh tuyến $180^0$ thì trừ một ngày.

- Sự lệch hướng của các vật thể:

+ Trái Đất quay quanh trục, các địa điểm ở vĩ độ khác (trừ 2 cực) có vận tốc dài khác nhau, hướng chuyển động từ Tây sang Đông.

+ Lực làm lệch hướng gọi là lực Côriôlit.

+ Theo hướng chuyển động thì:

- Ở bán cầu Bắc: vật chuyển động lệch bên phải.

- Ở bán cầu Nam: vật chuyển động lệch bên trái.

**Câu 2**: (3 điểm) Trình bày các chuyển động của Trái Đất:

- Trái Đất cùng một lúc có hai chuyển động.

- Chuyển động tự quay quanh trục:

+ Giáp một vòng là 23 giờ 56 phút.

+ Theo hướng từ Tây sang Đông.

- Chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời:

+ Giáp một vòng: 365,25 ngày.

+ Theo hướng từ Tây sang Đông.

## ĐỀ 10

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Lực Cô-ri-ô-lit mang tên nhà toán học Cô-ri-ô-lit người quốc gia nào?

A. Người Mĩ B. Người Pháp C. Người Anh D. Người Nga

**Câu 2**: (0,5 điểm) Trái Đất là hành tinh thứ mấy tính từ trong ra ngoài.

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 3**: (0,5 điểm) Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng nào? Thời gian giáp một vòng là:

A. Đông sang Tây, một vòng là 24 giờ

B. Tây sang Đông, một vòng là 23 giờ 56 phút

C. Tây sang Đông, một vòng là 23 giờ 48 phút

D. Đôr sang Tây, một vòng là 23 giờ 46 phút.

**Câu 4**: (0,5 điểm) "Điểm cận nhật" là Trái Đất gần Mặt Trời nhất là ngày:

A. Ngày 1 tháng 3 B. Ngày 3 tháng 1

C. Ngày 5 tháng 1 D. Tất cả đều sai

**Câu 5**: (0,5 điểm) Khi Trái Đất ở gần Mặt Trời nhất thì khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là: (làm tròn số)

A. 147 triệu km B. 149 triệu km

C. 174 triệu km D. 150 triệu km

**Câu 6**: (0,5 điểm) "Điểm viễn nhật" là Trái Đất xa Mặt Trời nhất là ngày:

A. Ngày 5 tháng 7 B. Ngày 7 tháng 5

C. Ngày 7 tháng 6 D. Ngày 6 tháng 7

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Giải thích câu ca dao Việt Nam:

*"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*
*Ngày tháng mười chưa cười đã tối".*

Có đúng cho tất cả mọi nơi trên Trái Đất không?

**Câu 2**: (3 điểm) Sự thay đổi các mùa có tác dụng thế nào đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống con người.

### Đáp án và biểu điểm đề 10:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | B | B | B | A | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Câu ca dao Việt Nam.

*"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*
*Ngày tháng mười chưa cười đã tối"*

- Chỉ đúng cho ở nước ta và một số nước ở bán cầu Bắc.
- Do trục trái đất nghiêng trên mặt phẳng quỹ đạo một góc $66^0 33'$. Nên khi chuyển động tịnh tiến quanh mặt trời:
  + Phần được chiếu sáng và phần bóng tối ở hai nữa cầu khác nhau.
  + Nên kéo theo sự dài, ngắn khác nhau của ngày và đêm.

**Câu 2**: (3 điểm) Sự thay đổi các mùa có tác dụng:

Trên bề mặt trái đất ở khắp mọi nơi đều có sự sống phát sinh, phát triển, tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Đối với cảnh quan thiên nhiên: Tuỳ theo mùa, theo khu vực mà cảnh quan thiên nhiên phát triển khác nhau.
- Đối với hoạt động sản xuất: (Nhất là sản xuất nông nghiệp). Con người phải tuân theo các mùa khác nhau mà tiến hành sản xuất khác nhau.
- Đối với con người: Phải biết được tính chất, đặc điểm cụ thể của từng mùa khác nhau. Có biện pháp hữu hiệu thích nghi cho cuộc sống.

## ĐỀ 11

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khi trái đất ở xa mặt trời nhất. Thì khoảng cách từ trái đất đến mặt trời là: (Làm tròn số).

A. 149 Triệu Km B. 150 Triệu Km
C. 152 Triệu Km D. 154 Triệu Km

**Câu 2**: (0,5 điểm) Khi trái đất đến gần mặt trời nhất thì lực hút của mặt trời:

A. Trung bình B. Nhỏ nhất
C. Lớn nhất D. Ý B và C đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Khi trái đất đến gần mặt trời nhất. Thì tốc độ chuyển động của trái đất quanh mặt trời là:

A. 29,5 Km/s B. 30,3 Km/s C. 33,0 Km/s D. 34,5 Km/s

**Câu 4**: (0,5 điểm) Khi trái đất ở xa mặt trời nhất. Thì tốc độ chuyển động của trái đất quanh mặt trời là:

A. 27,5Km/s B. 28,3 Km/s C. 29,3 Km/s D. 30,2 Km/s

**Câu 5**: (0,5 điểm) Trái đất có mấy vệ tinh

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 6**: (0,5 điểm) Hành tinh nào trong hệ mặt trời có nhiều vệ tinh nhất.

A. Mộc tinh B. Hoả tinh C. Kim tinh D. Thổ tinh

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: Hãy trình bày hệ quả chuyển động xung quang mặt trời của trái đất-giải thích.

**Câu 2**: Khái quát các hệ quả chuyển động của trái đất.

## Đáp án và biểu điểm đề 11:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | C | C | B | C | A | D |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm)

Trái đất quay quanh mặt trời trên quỹ đạo hình e-líp có những hệ quả sau:

+ Chuyển động biểu kiến hằng năm của mặt trời:

- Mặt trời quay quanh trái đất từ Đông sang Tây mà chúng ta thấy hằng ngày là không có thật.
- Thực tế là trái đất quay quanh mặt trời từ Tây sang Đông
- Mặt trời quay quanh trái đất là "ảo giác" không có thật gọi là "chuyển động biểu kiến".

+ Các mùa trong năm:

- Mùa là một phần thời gian trong năm. Có đặc điểm, thời tiết khí hậu riêng. Tính chất mùa khác nhau ở các địa điểm.
- Mùa là do trái đất quay quanh mặt trời, trục nghiêng và không đổi hướng. Nên thời gian nữa các bán cầu ngã về phía mặt trời khác nhau.

+ Ngày, đêm dài, ngắn theo mùa và theo vĩ độ:

- Trái đất quay quanh mặt trời, trục trái đất nghiêng, không đổi hướng.
- Tuỳ theo vị trí của trái đất trên quỹ đạo mà ngày, đêm, dài, ngắn khác theo mùa, theo vĩ độ.

**Câu 2**: (3 điểm) Trái đất cùng một lúc có 2 chuyển động.

- Chuyển động tự quay quanh trục có 3 hệ quả sau:
  + Sự luân phiên ngày và đêm
  + Giờ trên trái đất và đường chuyển ngày quốc tế
  + Sự lệch hướng của các vật thể
- Chuyển động quanh mặt trời có 3 hệ quả sau:
  + Chuyển động biểu kiến hằng năm của mặt trời
  + Các mùa trong năm
  + Ngày, đêm, dài, ngắn theo mùa và theo vĩ độ

# ĐỀ 12

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khi chuyển động trên quỹ đạo. Trục trái đất nghiêng, không đổi hướng so với mặt phẳng một góc là:

A. $36^0 63'$ B. $66^0 33'$ C. $33^0 66'$ D. $63^0 36'$

**Câu 2**: (0,5 điểm) Vận tốc trung bình của trái đất quay quanh mặt trời là:

A. 28,9 Km/s B. 29,8 Km/s C. 30,2 Km/s D. Tất cả đều sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Người ta chia bề mặt trái đất thành bao nhiêu múi giờ?

A. 12 B. 16 C. 22 D. 24

**Câu 4**: (0,5 điểm) Khoảng cách mỗi mùi giờ rộng:

A. $5^0$ Kinh tuyến B. $10^0$ Vĩ tuyến

C. $15^0$ Kinh tuyến D. $15^0$ Vĩ tuyến

**Câu 5**: (0,5 điểm) Đi từ Tây sang Đông qua kinh tuyến $180^0$ thì:

A. + 1 ngày lịch B. - Một ngày lịch

C. ± 1 ngày lịch D. Không đổi

**Câu 6**: (0,5 điểm) Đi từ Đông sang Tây qua kinh tuyến $180^0$ thì:

A. + 1 ngày lịch B. - 1 ngày lịch

C. Không đổi D. ± 1 ngày lịch

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Những vị trí nào ở trái đất có mặt trời mọc chính Đông lặn chính Tây. Vào ngày nào trong năm, liên hệ nơi nào ở Việt Nam.

**Câu 2**: (3 điểm) Tại sao từ $66^0 33'$ Bắc và Nam trở về cực có hiện tượng đêm trắng

## Đáp án và biểu điểm đề 12:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | B | D | C | B | A |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Vị trí nào ở trên trái đất có mặt trời mọc chính động lặn chính Tây vào các ngày tháng trong năm:

+ Tại xích đạo: có 2 ngày mặt trời mọc chính Đông hoặc chính Tây

+ Vào ngày xuân phân (21/3) và thu phân (23/9)

- Ở chí tuyến Bắc:

+ Có 1 ngày

+ Vào ngày Hạ chí (22/6)

- Ở chí tuyến Nam:

+ Có 1 ngày

+ Vào ngày Đông chí (22/12)

- Liên hệ nơi nào ở Việt Nam:

+ Hà Nội:

- Có 2 ngày mặt trời mọc chính Đông hoặc chính Tây
- Ngày 27/5 và ngày 17/7

+ Vũng Tàu: Là ngày 17/4 và 26/8

+ Tại TP Hồ Chí Minh: Là ngày 18/4 và 25/8

- Các địa điểm ngoài chí tuyến không bao giờ có hiện tượng mặt trời mọc chính đông hoặc chính tây.

**Câu 2**: (3 điểm) Từ $66^0 33'$ Bắc và Nam trở về cực có hiện tượng đêm trắng

- Đây là hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau trên trái đất, nhưng rất đặc biệt.

- Ngày 22 tháng 6:

+ Từ vùng cực Bắc trở về cực Bắc nằm trên đường phân chia tối sáng.

+ Vì vậy:

- Các địa điểm này có 24 giờ là ngày
- Không có đêm

+ Ngược lại từ $66^0 33'$ Nam trở về cực Nam lại nằm sau đường phân chia tối, sáng.

+ Vì vậy:

- Các địa điểm có 24 giờ là đêm
- Không có ngày

# ĐỀ 13

## . Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Có 2 ngày mà mọi địa điểm trên trái đất có ngày và đêm dài bằng nhau là:

A. 22-3 và 23-9 B. 22-6 và 22-12

C. 23-9 và 22-12 D. 21-3 và 23-9

**Câu 2**: (0,5 điểm) Có 2 ngày vào trong năm mà mặt trời mọc chính Đông hoặc chính Tây.

A. 22-9 và 22-12 B. 21-3 và 22-6

C. 22-6 và 22-12 D. 21-3 và 23-9

**Câu 3**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên thích hợp:

| | | **Ngày – tháng** | |
|---|---|---|---|
| 1 | Xuân phân | A | 22-12 |
| 2 | Hạ chí | B | 21-3 |
| 3 | Thu phân | C | 22-6 |
| 4 | Đông chí | D | 23-9 |
| | | E | 21-5 |

**Câu 4**: (0,5 điểm) Giữa nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. Số ngày đêm dài 24 giờ có khác nhau.

A. Đúng B. Sai

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ở vĩ độ $66^0 33'$ ngày 22 tháng 6 thời gian ngày dài nhất là:

A. 24 giờ 00 phút B. 21giờ 09 phút

C. 18 giờ 50 phút D. 16 giờ 8 phút

**Câu 6**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên thích hợp.

| | **Thời gian** | **Trái đất di chuyển trên quỹ đạo ở gần** |
|---|---|---|
| 1 | Từ 21/3 đến 23/9 | A. Điểm cận nhật |
| 2 | Từ 23/9 đến 21/3 | |
| 3 | Từ 22/6 đến 22/12 | B. Điểm viễn nhật |

## I. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy phân hoá mùa ở các vùng theo dương lịch?

**Câu 2**: (3 điểm) Ở nước ta thường dùng Âm- Dương lịch. Thì các mùa được tính theo thời gian nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 13:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | D | 1/B,2/C,3/D,4/A | A | A | 1/B,2/A |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

Theo dương lịch sự phân hoá mùa ở các vùng như sau:

- Thời gian mùa ở Bắc bán cầu:
  + Mùa xuân:
    - Ngày dài hơn đêm
    - Ngày 21/3, ngày và đêm dài bằng nhau
  + Mùa hạ:
    - Ngày dài hơn đêm
    - Ngày 22/6, có thời gian ngày dài nhất, đêm ngắn nhất trong năm.
  + Mùa thu:
    - Ngày ngắn hơn đêm
    - Ngày 23/9, ngày và đêm dài bằng nhau
  + Mùa đông:
    - Ngày ngắn hơn đêm
    - Ngày 22/12, có thời gian ngày ngắn nhất đêm dài nhất trong năm.
- Thời gian mùa ở bán cầu Nam: ngược lại
- Ở xích đạo: quanh năm ngày và đêm dài bằng nhau
- Càng xa xích đạo: thời gian ngày và đêm càng chênh lệch lớn.

**Câu 2**: (3 điểm) Ở nước ta thường dùng Âm- Dương lịch. Thì các mùa được tính theo thời gian như sau:

- Mùa xuân: Từ 4 hoặc 5-2 (lập xuân) → 5 hoặc 6-5 (lập hạ)
- Mùa hạ: Từ 5 hoặc 6-5 (lập hạ) → 7 hoặc 8 - 8 (lập thu)
- Mùa thu: Từ 7 hoặc 8-8 (lập thu) → 7 hoặc 8 - 11 (lập đông)
- Mùa đông: Từ 7 hoặc 8-11 (lập đông) → 4 hoặc 5 - 2 (lập xuân)

## *CHƯƠNG III*
## CẤU TRÚC CỦA TRÁI ĐẤT
## CÁC QUYỂN CỦA LỚP VỎ TRÁI ĐẤT

### ĐỀ 14

**. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**'âu 1**: (0,5 điểm) Cấu trúc của trái đất gồm có các lớp chính?

A. 2 B. 3 C. 4 D.5

**'âu 2**:(0,5 điểm) Để biết cấu trúc của trái đất. Các nhà khoa học dùng hương pháp nào?

A. Suy đoán B. Khảo cổ

C. Địa chấn D. Các ý trên đúng

**'âu 3**: (0,5 điểm) Cấu trúc của trái đất gồm có.

A. Lớp vỏ trái đất B. Lớp Manti

C. Nhân trái đất D. Các ý trên đúng

**'âu 4**: (0,5 điểm) So với trái đất thì vỏ trái đất chiếm:

A. 10% thể tích và 1,5% trọng lượng trái đất

B. 10% thể tích và 1% trọng lượng trái đất

C. 5% thể tích và 2% trọng lượng trái đất

D. 15% thể tích và 2,5% trọng lượng trái đất

**'âu 5**: (0,5 điểm)Các lớp đá cấu tạo nên lớp vỏ trái đất theo thứ tự từ ngoài ào trong là:

A. BaZan, Granít, Trầm tích B. BaZan,Trầm tích,Granít

C. Trầm tích, Granít, BaZan D. Granít, BaZan, Trầm tích

**'âu 6**: (0,5 điểm) Trạng thái vật chất của lớp Manti là:

A. Rắn, lỏng

B. Quánh dẽo

C. Rắn ở lớp Manti trên,

D. Quánh dẽo ở lớp Manti trên, Rắn ở lớp Manti dưới

**I. Câu hỏi tự luận:**

**'âu 1**: (4 điểm) Nêu đặc điểm của lớp vỏ trái đất.

**'âu 2**: (3 điểm) Cho biết sự khác nhau giữa vỏ lục địa và vỏ đại dương.

## Đáp án và biểu điểm đề 14:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | C | D | B | C | D |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Lớp vỏ trái đất có những đặc điểm như sau:

- Lớp vỏ trái đất ngoài cùng, cứng rất mỏng gồm có:

+ Vỏ lục địa: Từ mặt đất → đến độ sâu 70Km

+ Vỏ đại dương: Từ mặt đất → đến độ sâu 5Km

- Chiếm khoảng 15% về thể tích và 1% khối lượng của trái đất

- Cấu tạo 3 loại đá từ ngoài vào trong: Trầm tích, tầng Granít, tầng BaZa

**Câu 2**: (3 điểm) Vỏ lục địa và vỏ đại dương có khác nhau như sau:

- Có sự khác biệt về thành phần cấu tạo địa chất về độ dày nên vỏ tr đất chia thành hai kiểu chính:

+ Vỏ lục địa được cấu tạo Trầm tích, tầng Granít, tầng BaZa (nhưng chủ yếu bằng Granít).

+ Vỏ đại dương: được cấu tạo đá trầm tích, không có lớp đá Graní tầng BaZan (nhưng chủ yếu bằng BaZan).

## ĐỀ 15

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 điểm) Dưới lớp vỏ trái đất là lớp Manti có độ sâu đến.

A. 2800Km B. 2850Km C. 2900Km D. 2950Km

**Câu 2**: (0,5 điểm) Nhân của Trái Đất có độ dày khoảng:

A. 3470 Km B. 3480 Km C. 3734 Km D. 4370 Km

**Câu 3**: (0,5 điểm) So với trái đất. Thì lớp Manti chiếm khoảng:

A. 65% Thể tích và 75% khối lượng trái đất

B. 70% Thể tích và 72% khối lượng trái đất

C. 80% Thể tích và 68,5% khối lượng trái đất

D. 78,5% Thể tích và 70% khối lượng trái đất

**Câu 4**: (0,5 điểm) Nhân ngoài của trái đất vật chất ở trạng thái gì?

A. Rắn B. Lỏng C. Rắn và lỏng D. Quánh dẽo

**Câu 5**: (0,5 điểm) Nhân trong của trái đất vật chất ở trạng thái:

A. Quánh dẽo B. Rắn

C. Lỏng và Quánh dẽo D. Lỏng

Câu 6: (0,5 điểm) Thạch quyển bao gồm các lớp nào?

A. Vỏ lục địa và vỏ đại dương  B. Vỏ trái đất và lớp vỏ Manti

C. Vỏ đại dương và lớp Manti trên  D. Vỏ trái đất và lớp Manti trên

**I. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy lập bảng so sánh các lớp cấu tạo của trái đất (vị trí, độ dày, đặc điểm).

**Câu 2**: (3 điểm) Nêu các thành phần của thạch quyển?

## Đáp án và biểu điểm đề 15:

**. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | A | C | B | B | D |

**I. Câu hỏi tư luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Bảng so sánh các lớp cấu tạo của trái đất (vị trí, độ dày, đặc điểm)

| Lớp | Vị trí | Độ dày (Km) | Đặc điểm |
|---|---|---|---|
| Vỏ trái đất<br>- Vỏ lục địa<br><br>- Vỏ đại dương | - Ngoài cùng<br>- Từ mặt đất đến độ sâu 70Km<br>- Từ mặt đất đến độ sâu 5Km | 5 → 70 Km | - Cứng, rất mỏng<br>- Gồm 3 loại đá từ trên xuống có:<br>+ Trầm tích: Dày, mỏng, không đều, không liên tục.<br>+ Đá Granit: Thành phần chủ yếu là Silic (Si) và nhôm (Al) là nền các lục địa.<br>+ Đá BaZan: Thành phần chủ yếu là Silic (Si) và Magie (Mg) lớp này thường lộ ra ở đại dương. |
| Lớp Manti (lớp bao)<br>- Manti trên:<br><br>- Manti dưới: | - Vỏ trái đất đến độ sâu: 2900 Km<br>Vỏ trái đất đến độ sâu: 700 Km<br>- Từ độ sâu 700 Km đến độ sâu: 2900 Km | 2900Km | - Chiếm 80% thể tích, 6,85% khối lượng trái đất.<br>- Vật chất quánh dẽo<br><br>- Vật chất rắn |
| Nhân trái đất (lõi)<br>-Nhân ngoài<br><br>-Nhân trong | - Trong cùng<br><br>- Từ 2900 Km đến 5100 Km<br>- Từ 5100 Km đến 6370 Km | 3470 Km | <br><br>- Vật chất ở trạng thái lỏng<br><br>- Vật chất ở trạng thái rắn |

**Câu 2**: (3 điểm) Các thành phần của thạch quyển?

- Thạch quyển là phần cứng ngoài cùng của trái đất, bao gồm vỏ trái đấ và phần trên cùng của lớp Manti có độ dày tới 100 Km.

- Vỏ trái đất gồm có:

+ Vỏ lục địa: Phân bố ở các lục địa và một phần dưới mực nướ biển, bề dày trung bình: 35 đến 40 Km, cấu tạo gồm 3 lớp đá: Trầm tích Granít, BaZan.

+ Vỏ đại dương: Phân bố ở các nền đại dương, bề dày trung bình : đến 10 Km gồm có 2 lớp đá: Trầm tích và BaZan.

## ĐỀ 16

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Mảng kiến tạo nào không có lục địa.

A. Mảng Thái bình dương B. Mảng Bắc Mĩ

C. Mảng Nam Mĩ D. Mảng Nam cực

**Câu 2:** (0,5 điểm) Hiện nay các mảng kiến tạo:

A. Di chuyển tách xa B. Di chuyển gần nhau

C. Đứng yên D. Di chuyển gần nhau và tách x

**Câu 3**: (0,5 điểm) Vỏ trái đất được cấu tạo bằng những vật chất:

A. Cứng, rắn B. Mềm

C. Cứng, Mềm D. Rắn, mềm

**Câu 4**: (0,5 điểm) Thuyết kiến tạo mảng được xây dựng trên cơ sở thuyế trôi lục địa của nhà khoa học:

A. A-vê-ghê-nê (Đức) B. La-plat (Pháp)

C. Căng (Đức) D. Ốt- tôximít (Nga)

**Câu 5**: (0,5 điểm) Thuyết "Trôi lục địa" dựa trên sự giống nhau về hình thái đất đá, một số động thực vật giữa:

A. Hai bờ Đại Tây dương và Thái Bình dương

B. Lục địa châu Phi và châu Á

C. Nam Mĩ và châu Phi

D. Châu Âu và châu Phi

**Câu 6**: (0,5 điểm) Thạch quyển có bao nhiêu mảng kiến tạo lớn:

A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Trình bày những nội dung chính của thuyết kiến tạo mảng.

**Câu 2**: (3 điểm) Thạch quyển có những mảng kiến tạo lớn nào? Nêu đặ điểm các mảng kiến tạo.

## Đáp án và biểu điển: đề 16:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | D | A | A | C | C |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Thuyết kiến tạo mảng có những nội dung chính sau:

- Được xây dựng trên cơ sở "Thuyết trôi lục địa" của nhà địa Vật lí người Đức A-vê-ghê-nê.

- Thuyết kiến tạo mảng là thuyết về sự hình thành và phân bố các lục địa, đại dương trên bề mặt trái đất.

- Theo thuyết kiến tạo mảng là thuyết về sự hình thành và phân bố các lục địa, đại dương trên bề mặt đất.

- Theo thuyết kiến tạo mảng. Thì vỏ trái đất trong quá trình hình thành đã bị biến dạng và tách ra thành những mảng: các mảng này là hiện tượng sinh ra kiến tạo, động đất, núi lửa.

**Câu 2**: (3 điểm) Thạch quyển có 7 mảng kiến tạo lớn là:

- Mảng Á - Âu
- Mảng Phi
- Mảng Bắc Mĩ
- Mảng Nam Mĩ
- Mảng Nam cực
- Mảng Âu - Úc
- Mảng Thái bình dương

* *Đặc điểm các mảng kiến tạo:*

- Mỗi mảng đều có lục địa và đại dương (trừ mảng thái bình dương)
- Các mảng nhẹ, nổi trên bao Manti
- Các mảng không đứng yên mà dịch chuyển.

## ĐỀ 17

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Nội lực là lực sinh ra ở:

A. Bên ngoài trái đất B. Bên trong trái đất

C. Bên trong và bên ngoài trái đất D. Tất cả đều sai

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hiện tượng uốn nếp do vận động theo phương:

A. Nằm ngang B. Thẳng đứng

C. Nằm nghiêng D. Tất cả đều đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Nội lực làm di chuyển các mảng kiến tạo của thạch quyển sẽ hình thành:

A. Các dãy núi, các nứt gãy B. Động đất

C. Núi lửa D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Đặc điểm của các mảng kiến tạo là:

A. Nặng, nổi trên bao Manti B. Nhẹ, nổi trên bao Manti

C. Nhẹ, nổi dưới bao Manti D. Ý B và C đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ở nước ta có những khối đá Mácma lớn nào?

A. Tam đảo - Bạch mã

B. Hoàng liên sơn - Tam đảo

C. Tam đảo - Bạch mã, Hoàng liên sơn

D. Bạch mã, Hoàng liên sơn

**Câu 6**: (0,5 điểm) Nguyên nhân chủ yếu sinh ra nội lực là:

A. Sắp xếp vật chất bên trong trái đất theo trọng lực.

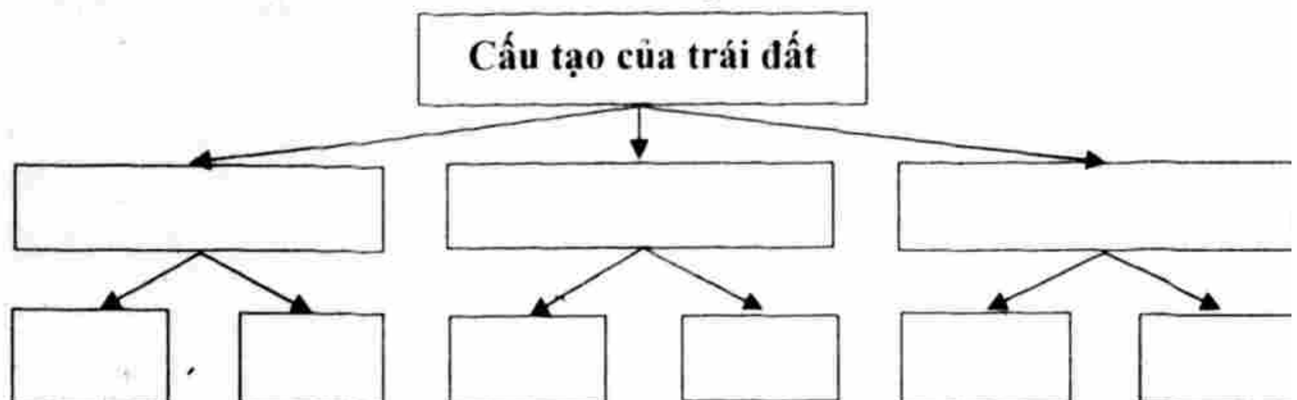
B. Do năng lượng sự phân huỷ các chất phóng xạ

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hoàn thành sơ đồ sau đây thể hiện cấu tạo của trái đất.




**Câu 2**: (3 điểm) Phân tích tác động của các vận động kiến tạo đến địa hình bề mặt trái đất.

## Đáp án và biểu điểm đề 17:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | A | D | B | C | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Sơ đồ cấu tạo trái đất




**Câu 2**: (3 điểm) Tác động của vận động kiến tạo đến địa hình bề mặt trái đất là:

- Vận động kiến tạo do nội lực sinh ra, làm thay đổi địa hình bề mặt trái đất.

- Có 2 cách phân loại quan trọng nhất là chuyển động thẳng đứng và chuyển động ngang:

+ Chuyển động thẳng đứng:

▪ Vỏ trái đất nâng lên, hạ xuống

▪ Diễn ra chậm, lâu dài, trên diện tích lớn

▪ Thu hẹp, mở rộng lục địa, đại dương

▪ Sinh ra chủ yếu do sự phân dị vật chất trong lòng đất.

+ Chuyển động ngang:

▪ Uốn nếp: Ở vùng đá có độ dẽo cao, tạo thành dãy núi uốn nếp

▪ Đứt gẫy: Ở vùng đá cứng, tạo thành khe nứt, địa hào.

▪ Do sự chuyển dịch các mảng lớn của vỏ trái đất.

## ĐỀ 18

### I. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên bảng sau.

| *TT* | *Tiếp xúc các mảng kiến tạo* | *Kết quả* |
|---|---|---|
| 1 | Hai mảng tách giãn | A. Đảo núi lửa, vực sâu |
| 2 | Dồn ép (1 mảng đại dương xô vào 1 mảng lục địa) | B. Sống núi giữa đại dương |
| 3 | Dồn ép (2 mảng đại dương xô vào nhau | C. Núi cao ở lục địa, vực sâu ở đại dương. |
| 4 | Tiếp xúc trượt ngang | D. Núi cao ở lục địa, nứt gãy ở vỉa lục địa. |

**Câu 2**: (0,5 điểm) Theo thang địa chấn của Richte. Khi cường độ động đất tăng lên $1^0$ thì năng lượng địa chấn tăng gấp:

A. 10 lần B. 20 lần C. 25 lần D. 30 lần

**Câu 3**: (0,5 điểm) Động đất, núi lửa thường xảy ra ở những vùng nào?

A. Vành đai lửa Thái bình dương B. Khu vực Đông Phi

C. Khu vực Địa trung hải D. Tất cả các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Trên thế giới dãy núi nào sau đây do hiện tượng uốn nép tạo thành:

A. Dãy núi U-ran B. Himalaya

C. Cooc-đi-ê và Andét D. Các ý trên đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Do tác động của phương nằm ngang. Nên vỏ trái đất bị uốn nép, tách giãn.

A. Đúng B. Sai

**Câu 6**: (0,5 điểm) Khi hai đường đứt gẫy cắt nhau tại một điểm thường tạo thành:

A. Động đất B. Núi lửa

C. Vành đai sinh khoáng D. Các ý trên đúng

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Dựa vào kiến thức trong bài hoàn thành bảng theo mẫu sau:

| *Vận động kiến tạo* | *Khái niệm* | *Tác động của vận động đến địa hình* |
|---|---|---|
| | | |

**Câu 2**: (3 điểm) Nghiên cứu các biến động kiến tạo đứt gẫy, uốn nếp có ý nghĩa gì?

## Đáp án và biểu điểm đề 18:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | 1/B,2/C,3/A,4/D | D | D | D | A | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Hoàn thành bảng theo mẫu sau:

| ***Vận động kiến tạo*** | ***Khái niệm*** | ***Tác động của vận động đến địa hình*** |
|---|---|---|
| Theo phương thẳng đứng | - Do sự phân dị vật chất trong lòng đất | - Lục địa nâng lên, hạ xuống<br>- Biển tiến, biển thoái |
| Theo phương nằm ngang | - Vỏ trái đất: uốn nếp ở khu vực này và đứt gãy ở khu vực kia. | - Uốn nếp: tạo thành các dãy núi<br>- Đứt gãy: tạo thành khe nứt, địa tần, địa hào, địa luỳ đứt gẫy sâu |

**Câu 2**: (3 điểm) Nghiên cứu các biến động kiến tạo: Uốn nép, đứt gãy có nhiều ý nghĩa sau:

- Tìm kiếm thăm dò và khai thác tài nguyên trong lòng đất.
- Vì đa số các mỏ khoáng sản có ích đều trùng vùng uốn nếp và đứt gãy
- Xây dựng các công trình cần nghiên cứu các biến động uốn nép và đứt gãy nhằm xác định độ bền của đá và có kế hoạch xây dựng chính xác.

## ĐỀ 19

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Ở nước ta có những đứt gãy nào?

A. Sông Hồng, sông Chảy
B. Sông Hồng, sông Cửu Long
C. Sông Cửu Long, sông Vàm Cỏ
D. Sông Đồng Nai, sông Cửu Long

**Câu 2**: (0,5 điểm) Uốn nếp là một hiện tượng:

A. Do lực nằm ngang
B. Do vùng đá cứng, độ dẽo cao
C. Thành các dãy núi uốn nép
D. Các ý trên đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Hiện tượng đứt gãy là:

A. Lực thẳng đứng, ở vùng đá mềm
B. Lực nằm ngang, ở vùng đá có độ dẽo cao
C. Lực nằm ngang, ở vùng đá cứng
D. Lực thẳng và lực nằm ngang, ở vùng đá cứng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Đo cường độ động đất theo thang địa chấn Mee-ca-ei được chia thành mấy cấp:

A. 10 B. 11 C. 12 D. 13

**Câu 5**: (0,5 điểm) Do cường độ động đất. Theo thang địa chấn Richte được chia thành mấy cấp:

A. 9 B. 10 C. 11 D. 12

**Câu 6**: (0,5 điểm) Tác động của ngoại lực được thể hiện ở các quá trình nào? (Theo thứ tự).

A. Phong hoá- Bóc mòn- Vận chuyển- Bồi tụ

B. Bóc mòn- Vận chuyển- Bồi tụ- Phong hoá

C. Vận chuyển- Bồi tụ- Phong hoá- Bóc mòn

D. Phong hoá- Vận chuyển- Bồi tụ- Bóc mòn

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Phong hoá là gì? Nêu sự khác nhau cơ bản của phong hoá lí học và phong hoá hoá học.

**Câu 2**: (3 điểm) Vì sao cường độ phong hoá lại xảy ra mạnh nhất ở bề mặt trái đất?

## Đáp án và biểu điểm đề 19:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | D | C | C | A | A |

**II. Cậu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

*a. Phong hoá là gì:* Là quá trình phân huỷ, làm thay đổi:

- Các loại đá, khoáng vật dưới tác động của: Nước, nhiệt độ, sinh vật.

*b. Sự khác nhau giữa phong hoá lí học và phong hoá hoá học là:*

- Phong hoá lí học: Không làm thay đổi thành phần hoá học của đá.
- Phong hoá hoá học: Làm thay đổi thành phần, tính chất hoá học của đá và khoáng vật.

**Câu 2**: (3 điểm) Cường độ phong hoá lại xảy ra nhanh nhất ở bề mặt trái đất là:

- Vì ở mặt đất đá trực tiếp nhận năng lượng của bức xạ mặt trời
- Mặt đá là nơi tiếp xúc trực tiếp với khí quyển, thuỷ quyển và sinh quyển
- Hoạt động của con người cũng góp phần phá huỷ đá, phạm vi rộng khắp nhưng cường độ mạnh mẽ nhất khi con người khai thác khoáng sản, xây dựng đường giao thông.

## ĐỀ 20

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Bước đầu của quá trình tác động ngoại lực là:

A. Vận chuyển  B. Phong hoá  C. Bóc mòn  D. Bồi tụ

**Câu 2**: (0,5 điểm) Các kiểu phong hoá diễn ra với những cường độ và khu vực tự nhiên như thế nào?

A. Cường độ khác nhau ở khu vực tự nhiên khác nhau

B. Cường độ khác nhau ở khu vực tự nhiên giống nhau

C. Cường độ giống nhau ở khu vực tự nhiên khác nhau

D. Ý B và C đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Quá trình phong hoá gồm có:

A. Phong hoá vật lí  B. Phong hoá hoá học

C. Phong hoá sinh học  D. Cả 3 ý trên đều đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Ở miền nhiệt đới ẩm, cận xích đạo. Thì quá trình phong hoá nào diễn ra mạnh mẽ nhất?

A. Phong hoá hoá học  B. Phong hoá lí học

C. Phong hoá sinh học  D. Phong hoá hoá học và lí học

**Câu 5**: (0,5 điểm) Phong hoá lí học diễn ra mạnh nhất ở miền nào?

A. Miền nhiệt đới ẩm  B. Miền cận xích đạo

C. Miền địa cực và sa mạc  D. Ý A và B đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Không làm thay đổi thành phần của đá là:

A. Phong hoá Hoá học  B. Phong hoá Sinh học

C. Phong hoá Vật lí  D. Phong hoá Hoá học và Sinh học

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Ngoại lực là gì? Vì sao nói nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng của bức xạ mặt trời?

**Câu 2**: (3 điểm) Vì sao phong hoá lí học diễn ra rõ rệt ở miền địa cực và vùng hoang mạc?

## Đáp án và biểu điểm đề 20:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | A | D | A | C | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Ngoại lực là gì? Là lực có nguồn gốc ở bên ngoài trên bề mặt trái đất.
- Vì sao nói nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra ngoại lực là năng lượng của bức xạ mặt trời? là:

  + Vì dưới tác dụng nhiệt của mặt trời
  + Đá trên bề mặt thạch quyển bị phá huỷ
  + Năng lượng của các tác nhân ngoại lực (nước chảy, gió, băng tuyết,...) trực tiếp hay gián tiếp đều có liên quan đến bức xạ mặt trời.

**Câu 2**: (3 điểm) Phong hoá Lí học diễn ra rõ rệt ở miền địa cực và hoang mạc là do:

- Sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng.
- Ở hoang mạc:

  + Sự toả nhiệt ban đêm mạnh, bề mặt đất đá nguội nhanh chóng.
  + Ban ngày rất nóng vì vậy đá dễ bị phá huỷ về mặt cơ học.

- Khi nhiệt độ thay đổi đá dãn nở, co rút khác nhau, sinh ra sự phá huỷ, nứt nở đá.

## ĐỀ 21

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Ngoại lực là những lực được sinh ra do:

A. Nguồn năng lượng của bức xạ mặt trời

B. Các nguồn năng lượng như: gió, mưa, nước chảy, sóng biển

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

**Câu 2**: (0,5 điểm) Bóc mòn gồm có các hình thức khác nhau như:

A. Xâm thực, thổi mòn, mài mòn

B. Xâm thực, vận chuyển, bồi tụ

C. Mài mòn, bồi tụ, xâm thực

D. Thổi mòn, bồi tụ, vận chuyển

**Câu 3**: (0,5 điểm) Quá trình bóc mòn của nước chảy được gọi là:

A. Xâm thực B. Mài mòn C. Thổi mòn D. Bồi tụ

**Câu 4**: (0,5 điểm) Quá trình xâm thực được thực hiện do:

A. Gió B. Nước chảy

C. Sóng biển, băng hà D. Các ý trên đúng

âu 5: (0,5 điểm) Vận chuyển là quá trình làm di chuyển vật liệu xa hay ần phụ thuộc vào?

A. Kích thước, trọng lượng vật liệu.

B. Động năng của quá trình

C. Sự khác nhau của mặt đệm địa lí tự nhiên

D. Các ý trên đúng

âu 6: (0,5 điểm) Làm thay đổi thành phần hoá học, thay đổi bản chất của ıoáng vật và đá là:

A. Phong hoá Hoá học

B. Phong hoá Vật lí

C. Phong hoá Sinh học

D. Ý A và B đúng

**I. Câu hỏi tự luận:**

**âu 1**: (4 điểm) Ngoại lực khác nội lực ở điểm nào?

**âu 2**: (3 điểm) Mối quan hệ giữa quá trình phong hoá, vận chuyển và bồi tụ.

## Đáp án và biểu điểm đề 21:

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | A | A | D | D | A |

**. Câu hỏi tự luận:**

**âu 1**: (4 điểm) Ngoại lực khác nội lực các điểm sau:

- Trái đất có hình khối cầu nhưng thực tế bề mặt của nó có đặc điểm là ıt gồ ghề (nơi nhô lên, hạ thấp, lục địa, đại dương).

- Nguyên nhân làm cho bề mặt địa cầu biến đổi là do tác động đồng thời ıa nội lực và ngoại lực.

- Nội lực:

+ Là lực phát sinh ở bên trong trái đất

+ Nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra nội lực là năng lượng ở trong ıng đất

- Ngoại lực:

+ Là lực sinh ra ở trên bề mặt trái đất

+ Nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra ngoại lực là năng lượng bức xạ ıặt trời.

**âu 2**: (3 điểm) Mối quan hệ giữa quá trình phong hoá, vận chuyển, bồi tụ hư sau:

- Quá trình phong hoá tạo ra các vật liệu phá huỷ cho quá trình vận ıuyển.

- Bồi tụ là sự kết thúc quá trình vận chuyển và là quá trình tích tụ cá vật liệu phá huỷ.

- Các qúa trình này có quan hệ mật thiết với nhau, thường xảy ra đồn thời (có nơi, có lúc quá trình nào đó chiếm ưu thế), quá trình này làm cơ s cho quá trình tiếp theo.

## ĐỀ 22

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khí quyển là lớp không khí bao quanh trái đất. Thườn chịu ảnh hưởng của vũ trụ. Trước hết là:

A. Trái đất  B. Mặt trời  C. Hoả tinh  D. Mặt trăng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Người ta chia khí quyển thành mấy tầng:

A. 4  B. 5  C. 6  D. 7

**Câu 3**: (0,5 điểm) Tầng nào của khí quyển ở sát mặt đất?

A. Tầng bình lưu  B. Tầng đối lưu  C. Tầng nhiệt  D. Tầng giữa

**Câu 4**: (0,5 điểm) Tầng đối lưu chiếm bao nhiêu % khối lượng không k của khí quyển:

A. 70%  B. 75%  C.80%  D. 83%

**Câu 5**: (0,5 điểm) Tầng khí quyển nào chủ yếu là khí hêli và hiđrô.

A. Tầng I-on  B. Tầng giữa  C. Tầng bình lưu  D. Tầng ngoa

**Câu 6**: (0,5 điểm) Ở tầng khí quyển giữa nhiệt độ khoảng:

A. Từ- 60 đến -$65^0$C  B. Từ -65 đến -$70^0$C

C. Từ -70 đến -$80^0$C  D. Từ -80 đến -$90^0$C

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Vai trò của hơi nước trong khí quyển:

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy cho biết tác động của lớp ôdôn đối với sinh vật cũn như sức khoẻ của con người?

### Đáp án và biểu điểm đề 22:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | B | B | C | D | C |

. **Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Trong khí quyển hơi nước có những vai trò sau:

- Hơi nước ngưng tụ thành mây, mây gặp lạnh rơi xuống thành mưa, yết,...

- Vai trò:

+ Tạo ra nước trên mặt đất và nước ngầm trong đất.

+ Có tác dụng điều hoà nhiệt độ của không khí (ngày ít nóng, đêm ít nh)

+ Không có hơi nước là không có sự sống.

**âu 2**: (3 điểm) Tác động của lớp Ôdôn đối với sinh vật cũng như sức khỏe ıa con người là:

- Lớp Ôdôn tập trung chủ yếu ở độ cao: từ 10 đến 60 Km (nhiều nhất ở ộ cao từ 22 đến 25 Km), nằm ở tầng bình lưu, là giới hạn phía trên của lớp ỏ địa lí.

- Đối với lớp vỏ địa lí, lớp Ôdôn rất quan trọng:

+ Lớp Ôdôn lọc bớt và giữ lại một số tia tử ngoại gây nguy hiểm cho y thể động, thực vật.

+ Mất lớp Ôdôn thì sinh vật trên trái đất sẽ bị huỷ diệt.

## ĐỀ 23

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

**âu 1**: (0,5 điểm) Tầng đối lưu nằm trên bề mặt trái đất có chiều dày khác nhau:

A. Ở cực khoảng 8 Km ở xích đạo 16 Km

B. Ở cực khoảng 6 Km ở xích đạo 10 Km

C. Ở cực khoảng 14 Km ở xích đạo 20 Km

D. Các ý trên sai

**âu 2**: (0,5 điểm) Ở tầng đối lưu không khí chuyển động theo chiều thẳng ứng:

A. Đúng	B. Sai

**âu 3**: (0,5 điểm) Lớp Ôdôn tập trung chủ yếu ở tầng nào?

A. Tầng đối lưu	B. Tầng bình lưu

C. Tầng giữa	D. Tầng ngoài

**âu 4**: (0,5 điểm) Tầng nào của khí quyển chiếm 3/4 lượng hơi nước.

A. Tầng bình lưu	B. Tầng đối lưu

C. Tầng giữa	D. Tầng ngoài

**Câu 5**: (0,5 điểm) Không khí khô, và chuyển động theo chiều ngang là tầng khí quyển nào?

A. Tầng bình lưu    B. Tầng giữa

C. Tầng đối lưu    D. Tầng Ion

**Câu 6**: (0,5 điểm) Vì sao nhiệt độ trung bình năm ở vĩ độ $20^0$ cao hơn xích đạo?

A. Ở xích đạo năng lượng bức xạ mặt trời suy giảm nhiều

B. Xích đạo có diện tích đại dương lớn và rừng nhiều.

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Dựa vào kiến thức đã học hãy giải thích sự thay đổi nhi độ trung bình và biên độ nhiệt năm theo vĩ độ?

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy nêu sự phân bố các khối khí và các Frông theo trình t từ Bắc tới Nam của trái đất.

## Đáp án và biểu điểm đề 23:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | A | B | B | A | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ:
  + Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ trung bình giảm
  + Nguyên nhân: Là càng lên vĩ độ cao góc chiếu sáng mặt trời (gó nhập xạ) càng nhỏ.
- Sự thay đổi biên độ nhiệt năm theo vĩ độ:
  + Càng lên vĩ độ cao biên độ nhiệt độ càng lớn
  + Nguyên nhân:
    ▪ Càng lên vĩ độ cao chênh lệch: góc chiếu sáng và thời gian chiế sáng ngày và đêm trong năm càng lớn.
    ▪ Vĩ độ cao:
      o Mùa hạ: Góc chiếu sáng lớn và thời gian chiếu sáng dài (gần tháng ở cực)
      o Mùa đông: Góc chiếu sáng nhỏ dần tới $0^0$ và thời gian chiế sáng lại ít dần (6 tháng ở địa cực)

ìu 2: (3 điểm) Mỗi bán cầu ở lục địa hay đại dương tuỳ theo vĩ độ khác au, không khí ở tầng đối lưu có các khối không khí chính và các Frông ư sau:

➢ Các khối khí: có bốn khối chính
- Khối khí cực, rất lạnh (A)
- Khối khí ôn đới lạnh (P)
- Khối khí chí xuyên rất nóng (T)
- Khối khí xích đạo nóng ẩm (E)

* Từng khối khí có Kiểu hải dương (Ẩm) kí hiệu là m
Kiểu lục địa: (Khô) kí hiệu là C

* Khối khí xích đạo 1 kiểu là khối khí hải dương kí hiệu là Em

➢ Các Frông: có 2 Frông cơ bản
- Frông địa cực (FA)
- Frông ôn đới (FP)

## ĐỀ 24

### Câu hỏi trắc nghiệm:

ìu 1: (0,5 điểm) Giữa hai khối khí chí tuyến và xích đạo không tạo nên ông thường xuyên vì:

A. Đều nóng, thường xuyên có một chế độ gió
B. Đều nóng, thường xuyên có chế độ gió khác nhau
C. Đều lạnh, thường xuyên có một chế độ gió
D. Ý A và B đúng

ìu 2: (0,5 điểm) Tầng khí quyển nào chứa nhiều I-on (âm hoặc dương) có : dụng phản hồi sóng vô tuyến điện từ mặt đất lên:

A. Tầng đối lưu B. Tầng bình lưu
C. Tầng giữa D. Tầng nhiệt

ìu 3: (0,5 điểm) Càng lên vĩ độ cao thì nhiệt độ trung bình năm:

A. Càng giảm B. Càng tăng
C. Không thay đổi D. Ý A và B đúng

ìu 4: (0,5 điểm) Ở vĩ độ $20^0$ thì biên độ nhiệt năm là:

A. $7,0^0C$ B. $7,4^0C$ C. $7,6^0C$ D. $7,8^0C$

ìu 5: (0,5 điểm) Nhiệt độ trung bình năm là $24,5^0C$. Thì ở vĩ độ nào?

A. $0^0$ B. $10^0$ C. $15^0$ D. $30^0$

ìu 6: (0,5 điểm) Ở tầng đối lưu, trung bình lên cao $100^m$. Thì nhiệt độ:

A. Giảm $0,6^0C$ B. Giảm $0,8^0C$ C. Giảm $1^0C$ D. Tăng $0,6^0C$

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Quá trình bóc mòn là gì? Kể tên một số dạng địa hình ( quá trình bóc mòn tạo thành.

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy kể tên một số dạng địa hình bồi tụ do nước chảy, ( gió và sóng biển mà em biết.

## Đáp án và biểu điểm đề 24:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | D | A | B | A | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Quá trình bóc mòn là:

+ Quá trình các tác nhân ngoại lực (gió, nước chảy, sóng biển,..)

+ Làm chuyển dời các sản phẩm phong hoá khỏi vị trí ban đầu.

- Một số dạng địa hình do quá trình bóc mòn là:

+ Tuỳ nhân tố tác động, bóc mòn có các hình thức khác nhau nl xâm thực, mài mòn, thổi mòn,...

+ Do nước chảy tạo thành dạng địa hình, các rãnh nông, khe vá xoá mòn, các thung lũng sông, suối.

+ Do gió tạo thành dạng địa hình rất đa dạng như các hố trũng th mòn, bề mặt đá rỗ tổ ong, ngọn đá hình nấm.

+ Do sóng biển: dạng địa hình hàm ếch sóng vỗ, vách biển.

+ Do băng hà: tạo địa hình vịnh băng hà và cao nguyên băng hà.

**Câu 2**: (3 điểm) Các dạng địa hình bồi tụ như sau:

- Bồi tụ là quá trình tích tụ các vật liệu phá huỷ. Nhưng tuỳ thuộc v: các nhân tố ngoại lực khác nhau.

- Một số dạng địa hình bồi tụ:

+ Do nước chảy: Tạo ra địa hình:bãi bồi, đồng bằng phù sa sông,...

+ Do gió: Tạo ra địa hình: các cồn cát, đụn cát ở bờ biển,...

+ Do sóng biển: Tạo ra địa hình như bãi biển.

# ĐỀ 25

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**âu 1**: (0,5 điểm) Trung bình khi xuống thấp $100^m$. Thì nhiệt độ tăng $1^0C$ là tầng khí quyển nào?

A. Tầng giữa — B. Tầng đối lưu

C. Tầng bình lưu — D. Tầng nhiệt

**âu 2**: (0,5 điểm) Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất ở?

A. Trên lục địa — B. Trên các đại dương

C. Ý A và B đúng — D. Ý A và B sai

**âu 3**: (0,5 điểm) Nơi có nhiệt độ cao nhất trên trái đất là khu vực:

A. Xích đạo — B. Chí tuyến

C. Ý A và B đúng — D. ý A và B sai

**âu 4**: (0,5 điểm) Trên lục địa, đường đẳng nhiệt trung bình năm cao nhất đường.

A. $20^0C$ — B. $30^0C$ — C. $40^0C$ — D. $50^0C$

**âu 5**: (0,5 điểm) Càng lên vĩ độ cao thì góc chiếu sáng của mặt trời:

A. Càng lớn — B. Không thay đổi

C. Càng nhỏ — D. Ý A và C sai

**âu 6**: (0,5 điểm) Phân bố nhiệt độ của không khí trên trái đất chủ yếu là:

A. Phân bố theo vĩ độ Địa lí

B. Phân bố theo lục địa và đại dương

C. Phân bố theo địa hình

D. Các ý trên đúng

**. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Hãy giải thích nguyên nhân, hậu quả động đất, núi lửa, ›ng thần mà con người lo âu nhất.

**âu 2**: (3 điểm) Hãy kể tên vài dạng địa hình Cac-xtơ mà các em biết ở Việt am?

## Đáp án và biểu điểm đề 25:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | A | B | B | C | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Giải thích nguyên nhân của động đất, núi lửa, sóng thần:

+ Động đất:

▫ Là hiện tượng chấn động một bộ phận của vỏ trái đất

▫ Do tác động của các lực ở bên trong trái đất (Tiếp xúc của cá mảng kiến tạo)

+ Núi lửa: Là hiện tượng thường xuyên hay định kì phun ra các ch khí, hơi nước, đá tảng hoặc dung nham nóng chảy từ trong lòng đất.

+ Sóng thần:

▫ Sóng cao dữ dội, có chiều cao từ 20m đến 40m truyền theo chiề ngang có tốc độ từ 400Km đến 800Km/h.

▫ Do hiện tượng động đất hoặc núi lửa phun ngầm dưới đáy biể đại dương gây ra.

- Hậu quả của động đất, núi lửa, sóng thần:

+ Gây ra nhiều thiệt hại khủng khiếp về người và cơ sở vật chất, kh vực nó xảy ra ở phạm vi hẹp hoặc rộng.

+ Đặc biệt sóng thần tàn phá vùng biển mà nó đến.

**Câu 2**: (3 điểm) Kể tên vài dạng địa hình Cacxtơ mà em biết ở Việt Nam.

- Địa hình Cacxtơ xuất hiện liên quan tới sự lưu thông của nước tron đá dễ thấm nước, dễ hoà tan như đá vôi, thạch cao.

- Do tác động của nước trên mặt, nước ngầm và khí Cacbonic. Tạo r địa hình Cácxtơ trên mặt đất và ở dưới sâu.

- Địa hình Cacxtơ ở Việt Nam: Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Phon nha- Kẻ bàng (Quảng Bình), Núi đá vôi Hà tiên (Kiên Giang).

## ĐỀ 26

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khí áp thay đổi theo nguyên nhân nào?

A. Theo độ cao | B. Theo nhiệt độ

C. Theo độ ẩm | D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, do đ

A. Khí áp tăng | B. Khí áp giảm

C. Khí áp không thay đổi | D. Ý A và B đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Nhiệt độ tăng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm, khí á giảm. Đó là khí áp thay đổi:

A. Theo độ cao
B. Theo nhiệt độ
C. Theo độ ẩm
D. Theo nhiệt độ và độ ẩm

**âu 4**: (0,5 điểm) Khi nhiệt tăng, không khí nở ra, khí áp giảm thì?

A. Tỉ trọng giảm
B. Tỉ trọng tăng
C. Tỉ trọng không thay đổi
D. Ý A và B đúng

**âu 5**: (0,5 điểm) Khí áp giảm, thì không khí chứa hơi nước như thế nào?

A. Nhiều hơi nước
B. Ít hơi nước
C. Hơi nước trung bình
D. Tuỳ thuộc hơi nước bốc hơi

**âu 6**: (0,5 điểm) Không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp như thế nào?

A. Tăng
B. Giảm
C. Trung bình
D. Tăng hoặc giảm

**I. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Hãy trình bày sự hình thành và hoạt động của gió biển và ó đất.

**âu 2**: (3 điểm) Hãy trình bày hoạt động của gió Tây ôn đới, gió mậu dịch, ó mùa, gió phơn?

## Đáp án và biểu điểm đề 26:

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | B | B | A | A | B |

**. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Sự hình thành và hoạt động của gió biển và gió đất như sau:

- Gió biển:

+ Ban ngày ở lục địa ven bờ đất hấp thụ nhiệt nhanh nên nóng hơn ặt nước ven biển.

+ Nên ven bờ trên đất liền hình thành áp thấp, ven bờ trên mặt biển át hơn hình thành áp cao.

+ Gió thổi từ áp cao (ven biển) tới áp thấp (ven đất liền)

- Gió đất:

+ Ban đêm đất liền toả nhiệt nhanh mát hơn, nên hình thành áp cao, ıng nước biển ven bờ toả nhiệt chậm, nên hình thành áp thấp.

+ Gió thổi từ áp cao (đất liền) tới áp thấp (ven biển)

**Câu 2**: (3 điểm) Các hoạt động của gió Tây ôn đới, gió mậu dịch, gió m
và gió phơn như sau:

- Gió Tây ôn đới:
  + Thổi từ khu áp cao cận nhiệt đới đến áp thấp ôn đới
  + Thổi quanh năm, có mưa, độ ẩm rất cao.
- Gió mậu dịch: (còn gọi là Tín Phong)
  + Thổi từ khu áp cao cận nhiệt đới về xích đạo
  + Gió thổi đều quanh năm, nhìn chung là khô
  + Tàu buồm buôn bán của người châu Âu đi trên biển ở những thế trước tận dụng đặc điểm này (nên gọi gió mậu dịch)
- Gió mùa:
  + Gió thổi theo mùa
  + Hướng gió hai mùa ngược chiều nhau
- Gió phơn:
  + Khí hậu học gọi là phơn theo tên một loại gió từ núi Anpơ th xuống các thung lũng Thuỵ sĩ và nam Đức.
  + Gió khô nóng sinh ra chủ yếu do địa hình.

## ĐỀ 27

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khi gió lên cao 1200m. Thì nhiệt độ không khí giảm b nhiêu độ:

A. $-6,8^0C$ B. $-7,0^0C$ C. $-7,2^0C$ D. $-7,4^0C$

**Câu 2**: (0,5 điểm) Gió mùa thường có ở vùng nào?

A. Vùng đới nóng B. Vùng đới lạnh

C. Một số nơi thuộc vĩ độ trung bình D. Ý A và C đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Ở độ cao 5 Km. Khí áp giảm 2 lần so với mực nước biể Vậy cao 15 Km. Thì khí áp giảm là bao nhiêu?

A. 4 lần B. 6 lần C. 8 lần D. 10 lần

**Câu 4**: (0,5 điểm) Khi gió xuống thấp 800m thì nhiệt độ không khí là:

A. $-7,8^0C$ B. $+7,8^0C$ C. $+8^0C$ D. $-8^0C$

**Câu 5**: (0,5 điểm) Khu vực nào sau đây có gió mùa?

A. Đông nam Á, Nam Á B. Đông Phi

C. Đông Trung Quốc D. Các ý trên đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Gió tây ôn đới là loại gió phân bố như thế nào trên trái đất?

A. Nằm hai bên đường xích đạo

B. Nằm giữa gió mậu dịch và gió đông cực

C. Nằm giữa vĩ độ $60^0$ đến $90^0$

D. Các ý trên sai

**I. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Tại sao ở nước ta có gió phơn Tây nam?

**Câu 2**: (3 điểm) Nguyên nhân hình thành gió mùa

**Đáp án và biểu điểm đề 27:**

**. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | D | C | C | D | B |

**I. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Gió phơn Tây nam ở nước ta:

- Khoảng từ tháng 4 đến tháng 9. Gió từ vịnh Bengan có nguồn gốc biển, nóng ẩm. Thổi lên các cao nguyên và phía Tây Trường Sơn (Lào) hướng Tây Nam. Cứ lên cao 100m, giảm $0,6^0C$ gây mưa.

- Ở vùng đồng bằng Trung bộ lúc này là mùa khô, có những áp thấp sâu. Nên hút gió Tây Nam xuống, cứ xuống 100m tăng $1^0C$ xuống đến đồng bằng rất nóng.

- Gió Phơn Tây nam khô nóng chủ yếu do địa hình.

**Câu 2**: (3 điểm) Nguyên nhân hình thành gió mùa như sau:

- Gió mùa là gió thổi theo mùa trong năm có hướng ngược chiều nhau

- Nguyên nhân hình thành gió mùa khá phức tạp, chủ yếu là do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa, từ đó có sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương.

## ĐỀ 28

**. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Sương mù được hình thành trong điều kiện nào sau đây:

A. Độ ẩm tương đối cao

B. Khí quyển ổn định theo chiều thẳng đứng.

C. Gió nhẹ

D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến lượng mưa?

A. Khí áp và Frông

B. Gió và dòng biển

C. Địa hình

D. Các ý trên đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Tại sao các cao áp cận chí tuyến thường có những hoang mạc lớn?

A. Vì không khí ẩm không bốc lên được

B. Có gió thổi đi và không có gió thổi đến

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

**Câu 4**: (0,5 điểm) Hơi nước ngưng tụ chủ yếu là do:

A. Nhiệt độ không khí tăng, độ ẩm bảo hoà tăng

B. Nhiệt độ không khí giảm, độ ẩm bảo hoà giảm

C. Nhiệt độ không khí tăng, độ ẩm bảo hoà giảm

D. Nhiệt độ không khí giảm, độ ẩm bảo hoà tăng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Trên trái đất khu vực nào có lượng mưa trung bình?

A. Ôn đới B. Xích đạo C. Cực D. Chí tuyến

**Câu 6**: (0,5 điểm) Ở hai bán cầu khu vực nằm giữa vĩ tuyến nào, mưa rất ít hoặc không mưa?

A. Giữa vĩ tuyến: $10^0$ và $20^0$ B. Giữa vĩ tuyến: $20^0$ và $30^0$

C. Giữa vĩ tuyến: $30^0$ và $40^0$ D. Giữa vĩ tuyến: $40^0$ và $50^0$

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Vì sao miền ven Đại Tây dương của Tây bắc châu phi cùng nằm ở vĩ độ như nước ta, nhưng lại có khí hậu nhiệt đới khô, còn ở nước ta lại có khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều?

**Câu 2**: (3 điểm) Mây được hình thành trong những điều kiện nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 28:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | D | C | B | A | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Tây bắc châu phi có khí hậu nhiệt đới khô vì nằm ở khu vực thường xuyên, chủ yếu là gió mậu dịch, ven bờ lại có dòng biển lạnh.
- Nước ta nằm ở khu vực nhiệt đới ẩm, gió mùa nên mưa nhiều.
- Vì vậy tuy nằm trên cùng vĩ độ mà 2 khu vực mưa khác nhau

**Câu 2**: (3 điểm) Mây được hình thành trong những điều kiện như sau:

- Không khí càng lên cao càng lạnh, đến độ cao nào đó (tuỳ theo nhiệt độ) sẽ bão hoà hơi nước.
- Hơi nước ngưng đọng thành những hạt nước nhỏ, nhẹ
- Các hạt nước tụ lại thành từng đám đó là mây
- Có các loại mây từ thấp lên cao là Mây tầng tích, mây trung tích và mây ti.

## ĐỀ 29

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Trên trái đất mưa nhiều nhất ở vùng nào?

A. Vùng chí tuyến bắc | B. Vùng xích đạo

C. Vùng ôn đới | D. Vùng gần hai cực Bắc và Nam

**Câu 2**: (0,5 điểm) Nguyên nhân nào sau đây chứng tỏ vùng áp thấp thường là nơi có lượng mưa lớn:

A. Do áp thấp hút gió và đẩy không khí ẩm lên cao sinh ra mây

B. Do mây gặp nhiệt độ thấp ngưng thành giọt sinh ra mưa.

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Khi càng về hai cực Bắc và Nam thì lượng mưa như thế nào?

A. Mưa tương đối ít | B. Mưa trung bình

C. Mưa nhiều | D. Mưa ít nhất

**Câu 4**: (0,5 điểm) Ở những sườn núi cao và đỉnh núi cao thường:

A. Mưa nhiều | B. Mưa rất nhiều

C. Mưa trung bình | D. Khô ráo

**Câu 5**: (0,5 điểm) Tại sao Bắc và Nam bán cầu ở hai vùng ôn đới có lượng mưa trung bình.

A. Áp cao

B. Áp thấp có gió tây ôn đới từ biển thổi vào

C. Áp thấp không có gió tây ôn đới từ biển thổi vào.

D. Đều có áp thấp và áp cao

**Câu 6**: (0,5 điểm) Hai khu vực chí tuyến có lượng mưa ít là do áp cao, có tỉ lệ diện tích lục địa lớn:

A. Đúng | B. Sai

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy trình bày và giải thích phân bố lượng mưa theo vĩ độ?

**Câu 2**: (3 điểm) Tại sao cùng nằm ven bờ đại dương. Nhưng có nơi mưa nhiều, nơi mưa ít?

## Đáp án và biểu điểm đề 29:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | C | D | D | B | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Sự phân bố lượng mưa trên trái đất không đều theo vĩ độ.
- Khu v, xích đạo lượng mưa nhiều nhất do:
  + Khí áp thấp, nhiệt độ cao
  + Khu vực chủ yếu là đại dương và rừng rậm ẩm ướt, nước bốc hơi mạnh
- Hai khu vực chí tuyến mưa ít:
  + Do khí áp cao
  + Diện tích lục địa lớn
- Hai khu vực ôn đới mưa trung bình do:
  + Khí áp thấp
  + Có gió tây ôn đới từ biển thổi vào
- Hai khu vực địa cực mưa ít nhất do:
  + Khí áp cao
  + Không khí lạnh nước không bốc hơi lên được.

**Câu 2**: (3 điểm) Cùng nằm ven bờ đại dương nhưng nơi có mưa nhiều và mưa ít như sau:

- Mưa nhiều ven bờ đại dương là do:

  + Có dòng biển nóng đi qua, vì không khí trên dòng biển nóng chứa nhiều hơi nước.

  + Gió mang hơi nước vào lục địa gây mưa.

- Mưa ít ven bờ đại dương là do:

  + Có dòng biển lạnh đi qua

  + Vì không khí trên dòng biển lạnh hơi nước không bốc hơi lên được.

  + Nên một số nơi mặc dù ven bờ đại dương nhưng vẫn là miền hoang mạc như: A-ta-ca-ma, Namip,...

## ĐỀ 30

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

**ìu 1**: (0,5 điểm) Trong các yếu tố sau đây thì yếu tố nào gọi là thuỷ quyển?

A. Nước trong các biển đại dương B. Nước trên lục địa

C. Hơi nước trong khí quyển D. Các ý trên đúng

**ìu 2**: (0,5 điểm) Chế độ nước sông Mêcông đều hoà hơn sông Hồng là do:

A. Sông Mêcông nhiều nước B. Mưa nhiều

C. Biển Hồ ở Cam-pu-chia D. Hệ thống kênh rạch dày đặc

**ìu 3**: (0,5 điểm) Vùng nào sau đây có nguồn tiếp nước chủ yếu là mưa?

A. Vùng khí hậu nóng

B. Vùng địa hình thấp của miền khí hậu ôn đới

C. Miền ôn đới lạnh

D. Ý A và B đúng

**ìu 4**: (0,5 điểm) Nước sông chủ yếu do băng tan cung cấp ở những miền ı đây?

A. Miền ôn đới lạnh B. Miền núi cao

C. Miền khí hậu nóng D. Ý A và B đúng

**ìu 5**: (0,5 điểm) Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, thì điều hòa chế nước của sông chủ yếu là do:

A. Nước mưa B. Nước ngầm

C. Băng tuyết tan D. Các ý trên đúng

**ìu 6**: (0,5 điểm) Trên lục địa lượng nước ngầm nhiều hơn tất cả nước của ıg, hồ, đầm, băng tuyết.

A. Đúng B. Sai

**Câu hỏi tự luận**:

**ìu 1**: (4 điểm) Hãy trình bày những nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông.

**ìu 2**: (3 điểm) Ở lưu vực của sông, rừng phòng hộ được trồng ở đâu? Vì › trồng ở đó.

### Đáp án và biểu điểm đề 30:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | C | D | D | B | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Nước sông nhiều hay ít, thời gian dài hay ngắn. Tuỳ thuộc vào sự ản hưởng của những nhân tố sau:

- Các nhân tố:

+ Chế độ mưa, băng tuyết và nước ngầm.

o Ở miền khí hậu nóng, nơi địa hình thấp của khu vực khí hậu ô đới: Nguồn tiếp nước chủ yếu là nước mưa

o Vùng đất, đá thấm nước nhiều, nguồn tiếp nước chủ yếu là nước ngầ

o Ở miền ôn đới lạnh các nơi sông bắt nguồn từ núi cao. Nguồn tiế nước chủ yếu là băng tan (vào mùa xuân)

+ Địa thế, thực vật, hồ đầm.

o Địa thế: Ở miền núi nước sông chảy nhanh hơn đồng bằng

o Thực vật: điều hoà dòng chảy của sông, giảm lũ lụt

o Hồ đầm: Nối với sông có tác dụng điều hoà chế độ nước sông.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Ở các lưu vực sông, rừng phòng hộ được trồng ở núi cao, thượn nguồn của các sông.

- Vì sao trồng ở đó là vì: điều tiết nước cho các sông

- Hạn chế lũ lụt ở vùng đồng bằng

- Chống xói mòn đất ở miền núi vào mùa mưa

## ĐỀ 31

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Nước sông chảy nhanh hay chậm tuỳ thuộc vào yếu t nào sau đây?

A. Độ dốc của sông    B. Bề ngang của lòng sông

C. Lượng mưa khu vực sông    D. Ý A và B đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Sông nào sau đây dài nhất thế giới?

A. Sông Nin    B. Sông Amadon

C. Sông Vôn-ga    D. Sông I-ê-xit-xây

**Câu 3**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên thích hợp vào bảng sau đây:

| *TT* | *Tên sông* | *Chiều dài* |
|---|---|---|
| 1 | A-ma-dôn | A. 6685 Km |
| 2 | Nin | B. 4102 Km |
| 3 | I-ê-nit-xây | C. 6437 |
| | | D. 5860 |

**Câu 4**: (0,5 điểm) Những sông nào sau đây chảy theo hướng Nam - Bắc?

A. Sông Nin và sông I-ê-nít-xảy

B. Sông Nin và sông Amadôn

C. Sông I-ê-nít-xảy và sông Amadôn

D. Tất cả đều sai

**Câu 5**: (0,5 điểm) Sông có lưu lượng nước trung bình lớn nhất thế giới là:

A. Sông Nin B. Sông Amadôn

C. Sông Vônga D. Sông I-ê-nít-xảy

**Câu 6**: (0,5 điểm) Tốc độ dòng chảy mạnh nhất theo mặt cắt ngang của sông là ở chỗ nào?

A. Ở đáy sông

B. Ở hai bên bờ sông

C. Trên mặt nước

D. Ở giữa dòng sông và dưới mặt nước một ít

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Chứng minh nước trên mặt đất tuần hoàn theo vòng khép kín?

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy nêu ví dụ minh hoạ về mối quan hệ giữa chế độ nước sông và chế độ mưa.

## Đáp án và biểu điểm đề 31:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | A | 1/C,2/A,3/B | A | B | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

➢ Nước trên trái đất có 2 vòng tuần hoàn như sau:

- Vòng tuần hoàn nhỏ:

+ Nước biển bốc hơi tạo thành mây

+ Mây gặp lạnh rơi xuống tạo thành mưa

+ Hết mưa nước lại bốc hơi

- Vòng tuần hoàn lớn:

+ Nước biển bốc hơi tạo thành mây

+ Mây được gió đưa sâu vào lục địa.

▪ Ở vùng vĩ độ thấp, núi thấp: mây gặp lạnh tạo thành mưa.

▪ Ở vùng vĩ độ cao: mây gặp lạnh thành băng tuyết, tuyết tan chảy ra sông ra biển.

➢ Quá trình đó gọi là vòng tuần hoàn khép kín.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Chế độ nước sông và mưa có quan hệ với nhau như sau:

+ Ở một nơi có một mùa mưa và một mùa khô

+ Thì sông ngòi cũng có một mùa lũ và một mùa cạn

- *Ví dụ 1:*

+ Ở xích đạo: Lượng mưa nhiều, mưa quanh năm, nên sông ngòi đầy nước quanh năm.

+ Ở khu vực nhiệt đới gió mùa: Có một mùa mưa và một mùa khô nên sông cũng có một mùa lũ và một mùa cạn.

- *Ví dụ 2:* Nước ta

+ Ở phía bắc: Mưa nhiều vào các tháng: 6, 7, 8 thì các sông ở vùng này cũng lũ cao vào những tháng đó.

+ Ở ven biển Nam trung bộ: Mưa nhiều vào các tháng 9, 10, 11 thì các sông ở vùng này cũng lũ cao vào những tháng đó.

## ĐỀ 32

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Nguyên nhân nào sau đây gây ra sóng thần?

A. Động đất ở đáy biển

B. Núi lửa phun ngầm dưới đáy biển

C. Do bão

D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Sóng biển dao động theo chiều nào?

A. Chiều ngang — B. Chiều thẳng đứng

C. Ý A và B đúng — D. Ý A và B sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Trong một tháng thuỷ triều lớn nhất vào thời kì nào?

A. Trăng tròn — B. Trăng tròn và trăng khuyết

C. Trăng khuyết và không trăng — D. Trăng tròn và không trăng

âu 4: (0,5 điểm) Trên đại dương các dòng biển nóng thường phát sinh ở u vực nào sau đây?

A. Hai bên xích đạo | B. Ở hai vùng cực
C. Từ vĩ độ $30^0$ đến $40^0$ | D. Ý A và B đúng

âu 5: (0,5 điểm) Trong một năm thuỷ triều có hai ngày lớn nhất vào các ;ày nào sau đây?

A. 21/3 và 23/9 | B. 21/3 và 22/6
C. 22/12 và 23/9 | D. 22/6 và 22/12

âu 6: (0,5 điểm) Sóng biển có vai trò gì sau đây?

A. Phá vỡ đất, đá bờ biển | B. Làm thay đổi địa hình bờ biển
C. Vận chuyển cát, sỏi dọc bờ biển | D. Các ý trên đúng

**. Câu hỏi tự luận:**

**âu 1**: (4 điểm) Hãy giải thích vị trí của mặt trăng so với trái đất và mặt trời các ngày "Triều cường" và các ngày "Triều kém".

**âu 2**: (3 điểm) Dựa vào kiến thức đã học và bản đồ tự nhiên Việt Nam, y cho biết vì sao mực nước lũ ở các sông ngòi Miền Trung nước ta ường lên rất nhanh?

## Đáp án và biểu điểm đề 32:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | B | D | A | A | D |

**. Câu hỏi tự luận**:

**ìu 1**: (4 điểm)

- "Triều cường", thuỷ triều lớn nhất "Triều kém" thuỷ triều nhỏ nhất
- Dao động của thuỷ triều khác nhau
  + Triều cường là khi:
    - Mặt trăng, mặt trời, trái đất nằm thẳng hàng
    - Ở trái đất thấy mặt trăng không trăng hoặc trăng tròn
  + Triều kém là khi:
    - Mặt trăng, trái đất, mặt trời nằm vuông góc
    - Ở trái đất thấy mặt trăng, trăng khuyết

**ìu 2**: (3 điểm)

- Duyên Hải Miền Trung là vùng đất dài và hẹp
- Lũ các sông Miền trung thường lên nhanh vì các lí do sau:
  + Miền trung nước ta có nhiều sông, nhưng các sông đều ngắn và dốc
  + Do địa hình núi chạy dài theo chiều Bắc - Nam và sát biển
  + Mưa khá tập trung, lượng mưa lớn, thời gian mưa ngắn

## ĐỀ 33

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Dao động thuỷ triều nhỏ nhất là khi; Mặt trăng, Trái đấ mặt trời nằm như thế nào?

A. Mặt trăng, Mặt trời, Trái đất nằm vuông góc

B. Mặt trời, Mặt trăng,Trái đất nằm thẳng hàng

C. Mặt trăng, Mặt trời, Trái đất nằm vòng cung

D. Tất cả đều sai

**Câu 2**: (0,5 điểm) Khi ở trái đất thấy trăng khuyết thì dao động thuỷ triề như thế nào?

A. Lớn nhất B. Nhỏ nhất

C. Trung bình D. Ý A và B sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Các dòng biển lạnh thường xuất phát ở vùng nào sau đây

A. Khoảng vĩ tuyến $50^0$-$60^0$ B. Khoảng vĩ tuyến $30^0$-$40^0$

C. Hai cực D. Khoảng vĩ tuyến $30^0$-$60^0$

**Câu 4**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên đúng vào bảng sau đây.

| *Vĩ độ* | *Bắc Đại Tây dương* | *Có dòng biển nào* |
|---|---|---|
| **Khoảng $60^0$B** | 1. Bờ đông Đại tây dương<br>2. Bờ tây Đại tây dương | A:<br>B: |
| **Khoảng $30^0$B** | 3. Bờ đông Đại tây dương<br>4. Bờ tây Đại tây dương | A:<br>B: |

A. Dòng biển nóng B. Dòng biển lạnh

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển như th nào?

A. Các dòng biển cùng chiều

B. Các dòng biển đổi chiều theo mùa

C. Các dòng biển đổi chiều

D. Ý A và C đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây làm thay đổi nhiệt độ của nước biển?

A. Giảm dần theo độ sâu

B. Tuỳ theo mùa trong năm

C. Giảm dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao

D. Các ý trên đúng

**I. Câu hỏi tự luận**:

:âu 1: (4 điểm) Biển và đại dương có vai trò như thế nào đối với đời sống ủa con người?

:âu 2: (3 điểm) Hãy nêu các dòng biển xuất phát và hướng chảy như thế nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 33:

**. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | B | B | 1/A,2/B,3/B,4/A | B | D |

**I. Câu hỏi tự luận**:

:âu 1: (4 điểm) Biển và đại dương đối với đời sống con người có những vai ò sau:

- Là nguồn cung cấp hơi nước vô tận cho khí quyển.
- Là kho tài nguyên sinh vật phong phú, tài nguyên khoáng sản đa dạng
- Là cầu nối liền các lục địa
- Nguồn cung cấp năng lượng vô tận
- Nơi nghỉ ngơi, an dưỡng, du lịch,...

:âu 2: (3 điểm) Trên các đại dương có những dòng biển xuất phát và hướng hảy như sau:

- Các dòng biển nóng xuất phát ở 2 bên xích đạo chảy về hướng tây ặp lục địa chuyển hướng chảy về xích đạo.
- Các dòng biển lạnh xuất phát từ khoảng vĩ tuyến $30^0$- $40^0$ chảy về ích đạo.
- Vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển đổi chiều theo mùa
- Các dòng biển nóng và lạnh đối xứng nhau qua bờ các đại dương.

## ĐỀ 34

**. Câu hỏi trắc nghiệm:**

:âu 1: (0,5 điểm) Thổ nhưỡng quyển là lớp vật chất tơi xốp nằm trên bề ặt lục địa, tiếp xúc với yếu tố nào sau đây?

A. Khí quyển B. Thạch quyển

C. Sinh quyển D. Các ý trên đúng

:âu 2: (0,5 điểm) Thành phần vật chất của đất rất đa dạng, gồm có vật chất ào sau đây?

A. Rắn, lỏng B. Rắn, khí

C. Lỏng, khí D. Rắn, lỏng, khí

Câu 3: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đ

A. Nhiệt B. Ẩm

C. Lớp phủ thực vật D. Ý A và B đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Quá trình hình thành đất gồm có nhân tố nào sau đây?

A. Đá mẹ, khí hậu, sinh vật B. Địa hình, thời gian

C. Tác động của con người D. Các ý trên đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ở vùng núi cao do nhiệt độ thấp, nên quá trình hình thàn đất như thế nào?

A. Chậm B. Nhanh

C. Rất nhanh D. Ý B và C đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Hình thành đất gồm có quá trình nào sau đây?

A. Phong hoá đá B. Hình thành vật chất

C. Di chuyển vật chất trong đất D. Các ý trên đúng

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Đất là gì? Nêu đặc trưng cơ bản của đất.

**Câu 2**: (3 điểm) Trình bày tóm tắt vai trò của từng nhân tố trong quá trìn hình thành đất.

## Đáp án và biểu điểm đề 34:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | D | D | D | A | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Đất là gì? Đất là lớp vật chất tơi xốp ở bề mặt lục địa.
- Đất có các đặc trưng cơ bản như sau:
  + Độ phì (không thành phần tự nhiên nào khác có thể có được)
  + Là tấm gương phản chiếu môi trường tự nhiên.
  + Là sản phẩm tương hỗ giữa các thành phần vô cơ và hữu cơ thôn qua đại tuần hoàn địa chất và tiểu tuần hoàn sinh vật.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Các nhân tố hình thành đất gồm có: Đá mẹ, khí hậu, sinh vật, đị hình, thời gian và con người.
- Vai trò của từng nhân tố:
  + Đá mẹ: Cung cấp vật chất vô cơ cho đất

+ Khí hậu: Nhiệt và ẩm ảnh hưởng trực tiếp hình thành đất

+ Sinh vật:

- Thực vật cung cấp vật chất hữu cơ
- Động vật sống trong đất góp phần biến đổi tính chất đất

+ Địa hình: Núi cao, dốc, hay bằng phẳng ảnh hưởng hình thành đất chậm hay nhanh.

+ Thời gian: Tác động của các yếu tố hình thành đất dài hay ngắn

+ Con người: Trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm thay đổi tính chất đất.

## ĐỀ 35

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Giới hạn của sinh quyển gồm có phần nào sau đây?

A. Thuỷ quyển

B. Phần thấp của khí quyển

C. Lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá

D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Khí hậu có ảnh hưởng......................đến sự phát triển và phân bố sinh vật (điền vào chỗ trống)

A. Gián tiếp | B. Trực tiếp

C. Không ảnh hưởng | D. Vừa trực tiếp và gián tiếp

**Câu 3**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố của sinh vật?

A. Nhiệt độ | B. Nước và độ ẩm không khí

C. Ánh sáng | D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Yếu tố địa hình nào sau đây có ảnh hưởng đến sự phân bố của sinh vật?

A. Độ cao địa hình | B. Hướng sườn núi

C. Độ dốc địa hình | D. Các ý trên đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Nhân tố sinh học nào sau đây quyết định nhất sự phân bố và phát triển của động vật?

A. Nguồn thức ăn | B. Diện tích tự nhiên

C. Khí hậu | D. Dạng địa hình

**Câu 6**: (0,5 điểm) Giới hạn phân bố của yếu tố nào lại quyết định giới hạn của sinh quyển?

A. Phân bố khí hậu | B. Phân bố sinh vật

C. Nguồn nước | D. Các ý trên sai

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Sinh quyển là gì? Sinh vật có phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển không? Tại sao?

**Câu 2**: (3 điểm) Khái quát các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật?

## Đáp án và biểu điểm đề 35:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | B | D | D | A | B |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Sinh quyển là một quyển của trái đất. Trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống, chiều dày của sinh quyển tuỳ thuộc giới hạn phân bố sinh vật.

- Sinh vật:

+ Không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển

+ Mà chỉ tập trung vào nơi có thực vật mọc dày khoảng vài chục mét ở phía trên và dưới bề mặt đất.

- Tại sao? Vì mỗi sinh vật cần thích nghi với các điều kiện phát triển khác nhau.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Sinh vật phát triển và phân bố tuỳ thuộc vào nhiều nhân tố ảnh hưởng khác nhau.

- Cụ thể:

+ Khí hậu: Ảnh hưởng trực tiếp thông qua nhiệt độ, độ ẩm không khí, nước và ánh sáng.

+ Đất: Với các đặc tính lí, hoá, độ phì của đất ảnh hưởng phát triển, phân bố thực vật..

+ Địa hình: Độ cao, hướng sườn

+ Sinh vật: Vùng nào có thực vật phong phú thì động vật cũng phong phú, đa dạng và ngược lại,..

+ Con người: Làm thay đổi cây trồng, vật nuôi và phạm vi phân bố sinh vật.

## ĐỀ 36

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

**âu 1**: (0,5 điểm) Trong một vùng rộng lớn, có toàn bộ các loại thực vật iác nhau chung sống thì được gọi là?

A. Thảm thực vật B. Thảm sinh vật

C. Thảm sinh vật và thực vật D. Các ý trên sai

**âu 2**: (0,5 điểm) Sinh vật và đất được phân bố tùy thuộc yếu tố nào sau đây?

A. Theo vĩ độ B. Theo độ cao

C. Theo khí hậu D. Các ý trên đúng

**âu 3**: (0,5 điểm) Sự thay đổi của thực vật và đất theo độ cao tuỳ thuộc vào r khác nhau về:

A. Về nhiệt độ

B. Về độ ẩm

C. Về nhiệt và ẩm

D. Tuỳ thuộc tác động của con người

**âu 4**: (0,5 điểm) Nhóm đất Ferelít thường có ở kiểu khí hậu chính nào sau ıy?

A. Ôn đới lục địa

B. Xích đạo và nhiệt đới gió mùa

C. Ôn đới hải dương

D. Cận nhiệt lục địa

**âu 5**: (0,5 điểm) Kiểu khí hậu cận cực lục địa thường có nhóm đất chính nào?

A. Đất tài nguyên B. Đất nâu và xám

C. Đất đen D. Đất đỏ nâu và đỏ vàng

**âu 6**: (0,5 điểm) Rừng nhiệt đới ẩm, rừng xích đạo thường có ở môi ıờng địa lí nào?

A. Đới nóng B. Đới lạnh

C. Đới ôn hoà d. Cận nhiệt gió mùa

**. Câu hỏi tự luận:**

**âu 1**: (4 điểm) Nguyên nhân nào dẫn tới sự phân bố của các kiểu thảm ực vật và đất theo vĩ độ?

**âu 2**: (3 điểm) Nguyên nhân gây ra sự phân bố các vành đai thực vật và ıt theo độ cao là gì?

## Đáp án và biểu điểm đề 36:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | D | C | B | A | A |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Các kiểu thảm thực vật và đất được phân bố theo vĩ độ khác nhau l do các nguyên nhân sau:

+ Phân bố các thảm thực vật phụ thuộc nhiều vào khí hậu (chủ yếu l nhiệt và ẩm) nhiệt, ẩm lại thay đổi theo vĩ độ.

+ Đất chịu tác động mạnh mẽ của khí hậu và sinh vật nên phân b cũng khác nhau theo vĩ độ.

- Vậy tương ứng các kiểu khí hậu sẽ có các kiểu thảm thực vật và đ khác nhau.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Các vành đai thực vật và đất được phân bố theo độ cao khác nhau l do các nguyên nhân sau:

+ Ở miền núi càng lên cao nhiệt độ và không khí càng giảm, còn đ ẩm không khí lại tăng lên đến một độ cao nào đó mới giảm.

+ Đất cũng chịu tác động mạnh mẽ của khí hậu và sinh vật.

- Chính sự khác nhau về nhiệt và ẩm tạo nên sự thay đổi của vành đ thực vật và đất theo độ cao.

# CHƯƠNG IV

# MỘT SỐ QUY LUẬT CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ

## ĐỀ 37

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**âu 1**: (0,5 điểm) Lớp vỏ địa lí gồm những quyển nào sau đây?

A. Khí quyển, thạch quyển
B. Thuỷ quyển, sinh quyển
C. Thổ nhưỡng quyển
D. Các ý trên đúng

**âu 2**: (0,5 điểm) Vật chất nào cấu tạo của vỏ địa lí?

A. Vật chất rắn, lỏng
B. Chủ yếu là vật chất rắn
C. Vật chất rắn, khí
D. Vật chất rắn, lỏng, khí

**âu 3**: (0,5 điểm) Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng bao nhiêu Km?

A. Từ 30 đến 35 Km
B. Từ 20 đến 25 Km
C. Từ 35 đến 40 Km
D. Từ 40 đến 45 Km

**âu 4**: (0,5 điểm) Giới hạn trên của lớp vỏ địa lí được tính từ tầng nào sau ty?

A. Tầng giữa
B. Tầng đối lưu
C. Dưới của lớp Ô-dôn
D. Tầng I-on

**âu 5**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên thích hợp vào bảng sau?

| Lớp vỏ | Cấu trúc |
|---|---|
| 1. Vỏ địa lí | A. Ít phức tạp vì chủ yếu là đá |
| 2. Vỏ trái đất | B. Phức tạp do tác động qua lại của các quyển |

**âu 6**: (0,5 điểm) Chiều dày của vỏ trái đất ở đại dương khoảng bao nhiêu Km?

A. + 5 → 10Km
B. + 10 → 15Km
C. + 15 → 20Km
D. + 17 → 25Km

**. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Phân biệt lớp vỏ địa lí và lớp vỏ trái đất (chiều dày, vị trí ới hạn, cấu trúc, cấu tạo).

**âu 2**: (3 điểm) Nêu khái niệm của vỏ địa lí và vỏ trái đất.

## Đáp án và biểu điểm đề 37:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | D | A | C | 1/A,2/B | A |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Sự khác biệt của lớp vỏ địa lí và vỏ trái đất được thể hiện các điểm chính sau đây:

| **Tiêu chí** | **Vỏ địa lí** | **Vỏ trái đất** |
|---|---|---|
| **Chiều dày** | - Ở lục địa: khoảng 25 Km<br>- Ở đại dương: Khoảng 35 Km | - Từ 20 đến 70 Km<br>- Từ 5 đến 10 Km |
| **Vị trí giới hạn** | Gồm thuỷ quyển, sinh quyển, tầng đối lưu và phần dưới lớp Ôdôn, thổ nhưỡng quyển và lớp vỏ phong hoá. | Tầng trên của thạch quyển |
| **Cấu tạo** | Vật chất: Rắn, lỏng, khí | Vật chất rắn |
| **Cấu trúc** | Phức tạp do tác động qua lại của các quyển | Ít phức tạp vì chủ yếu l đá |

**Câu 2**: (3 điểm)

- Vỏ địa lí là: Là lớp bề mặt của trái đất, ở đó có sự xâm nhập và tá động lẫn nhau của các thành phần và vật chất giữa các quyển (khí quyể thạch quyển, thuỷ quyển, sinh quyển và thổ những quyển)

- Vỏ trái đất là: Lớp vỏ cứng ngoài cùng của trái đất.

## ĐỀ 38

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 đểm) Nằm giữa hai đường thẳng nhiệt năm + $20^0$C của hai bá cầu (khoảng: $30^0$VB-$30^0$VN) là vòng đai nào?

A. Hai vòng đại ôn hoà   B. Vòng đai nóng

C. Hai vòng đai băng giá   D. Hai vòng đai lạnh

âu 2: (0,5 điểm) Qui luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của các thành hần địa lí từ vĩ độ nào?

A. Từ cực về xích đạo
B. Từ xích đạo đến cực
C. Từ Tây đến Đông địa cầu
D. Từ Đông đến Tây địa cầu

âu 3: (0,5 điểm) Nguyên nhân nào dẫn đến hình thành quy luật địa đới?

A. Do dạng hình cầu của trái đất
B. Do bức xạ mặt trời
C. Do nguồn nhiệt chủ yếu của trái đất
D. Ý A và B đúng

âu 4: (0,5 điểm) Hai vòng đại băng giá vĩnh cửu bao quanh cực có nhiệt ộ quanh năm là:

A. Đều dưới $0^0C$
B. Đều dưới $+5^0C$
C. Nhiệt độ $+5^0C \rightarrow 7^0C$
D. Các ý trên sai

âu 5: (0,5 điểm) Nguyên nhân nào sau đây hình thành các đới khí hậu?

A. Bức xạ mặt trời
B. Hoàn lưu khí quyển
C. Mặt đệm
D. Các ý trên đúng

âu 6: (0,5 điểm) Quy luật đai cao được tạo nên là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Do giảm nhanh nhiệt độ theo độ cao
B. Do thay đổi về độ ẩm
C. Thay đổi lượng mưa ở miền núi
D. Các ý trên đúng

## I. Câu hỏi tự luận:

âu 1: (4 điểm) Quy luật đai cao và quy luật địa ô giống nhau và khác nhau những điểm nào?

âu 2: (3 điểm) Hãy nêu khái niệm của quy luật đai cao và quy luật địa ô.

## Đáp án và biểu điểm đề 38:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | B | D | A | D | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Sự giống nhau và khác nhau của quy luật đai cao và qu
luật địa ô là:

- *Giống nhau*: Hai quy luật này đều thuộc quy luật phi địa đới
- *Khác nhau:*
  + Về nguyên nhân:
    - Quy luật đai cao: Do giảm nhiệt độ theo độ cao cùng với sự tha
    đổi về lượng mưa và độ ẩm ở miền núi.
    - Quy luật địa ô: Do sự phân bố đất liền, biển, đại dương, cùng v
    các dãy núi cao chạy theo hướng kinh tuyến đã gây ra khí hậu phâ
    hoá từ Đông sang Tây càng vào sâu lục địa thì tính chất lục địa c
    khí hậu càng tăng.
  + Về sự biểu hiện của quy luật:
    - Quy luật đai cao: phân bố các vành đai đất và thực vật theo độ cao
    - Quy luật địa ô: Sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ
  + Về sự phân bố:
    - Quy luật đai cao: có ở tất cả các châu lục.
    - Quy luật địa ô: Chỉ thể hiện rõ ở châu Mĩ và lục địa Ôtrâylia.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Khái niệm: Quy luật đai cao là sự thay đổi có quy luật của các thàn
phần tự nhiên theo độ cao địa hình.

- Khái niệm: Quy luật địa ô là sự thay đổi có quy luật của các thàn
phần tự nhiên và cảnh quan theo kinh độ.

# *PHẦN HAI*
# ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI

## *CHƯƠNG V*
## ĐỊA LÍ DÂN CƯ

### ĐỀ 39

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Theo thống kê năm 2005 thì dân số thế giới là bao nhiêu triệu người?

A. Có 6477 triệu người
B. Có 6747 triệu người
C. Có 7467 triệu người
D. Có 4677 triệu người

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hiện nay trên thế giới thì bao nhiêu quốc gia có số dân trên 100 triệu người?

A. 10 quốc gia
B. 11 quốc gia
C. 12 quốc gia
D. 13 quốc gia

**Câu 3**: (0,5 điểm) Các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia có số dân hơn 100 triệu người nằm ở châu lục nào?

A. Châu Âu
B. Châu Á
C. Châu Á và châu Âu
D. Châu Mĩ

**Câu 4**: (0,5 điểm) Dân số thế giới năm 2005 là 6477 triệu người. Tỉ suất sinh thô là 21‰ vậy số người sinh ra là bao nhiêu?

A. 126 triệu người
B. 132 triệu người
C. 136 triệu người
D. 140 triệu người

**Câu 5**: (0,5 điểm) Động lực chính làm tăng dân số trên thế giới là động lực nào?

A. Gia tăng cơ học
B. Gia tăng tự nhiên
C. Ý A và B sai
D. Ý A và B đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Năm 2005 dân số thế giới là 6477 triệu người. Tỉ suất tử thô là 9‰. Vậy số người chết là bao nhiêu?

A. 52,4 triệu người
B. 56,4 triệu người
C. 58,2 triệu người
D. 62,4 triệu người

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Giả sử tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Ấn Độ là 2% và không đổi trong thời kì 1995-2000. Hãy trình bày cách tính và điền kết quả dân số Ấn Độ theo mẫu sau đây:

| **Năm** | **1995** | **1997** | **1998** | **1999** | **2000** |
|---|---|---|---|---|---|
| Dân số (Triệu người) | | | 975 | | |

**Câu 2**: (3 điểm) Phân biệt gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng cơ học.

## Đáp án và biểu điểm đề 39:

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | . A | B | C | B | C |

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Cách tính:

+ Năm 1998: Dân số 975 triệu = 100%

+ Tính tỉ suất gia tăng tự nhiên : 2%= $\frac{2x975}{100}$ = 19,5 triệu người

+ Lấy dân số từng năm trừ hoặc cộng với tỉ suất gia tăng tự nhiên

- Sau năm 1998 thì cộng cho: 19,5 triệu người
- Trước năm 1998 thì trừ cho: 19,5 triệu người
- Kết quả:

| **Năm** | **1995** | **1997** | **1998** | **1999** | **2000** |
|---|---|---|---|---|---|
| Dân số (Triệu người) | 916,5 | 955,5 | 975 | 994,5 | 1014 |

**Câu 2**: (3 điểm)

- Gia tăng dân số tự nhiên: Là sự biến động dân số trên thế giới (tăng lên hay giảm đi) là do hai nhân tố chủ yếu quyết định sinh đẻ và tử vong.

Công thức tính: Tg = S – T

- Gia tăng cơ học: Bao gồm hai bộ phận xuất cư và nhập cư, sự chênh lệch giữa số người xuất cư và nhập cư gọi là gia tăng cơ học.

Công thức tính $G = \frac{N - X}{Dtb}$

+ N: Là số người xuất cư trong năm

+ X: Số người nhập cư trong năm

+ Dtb: Dân số trung bình năm

# ĐỀ 40

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**âu 1**: (0,5 điểm) Thế giới dân số năm 2005: 21‰ - 9‰ = 12‰ vậy 12‰ ı gì?

A. Tỉ suất sinh thô    B. Tỉ suất tử thô

C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên    D. Ý A và B đúng

**âu 2**: (0,5 điểm) Gia tăng cơ học được thể hiện yếu tố nào sau đây?

A. Tăng dân số thế giới    B. Tăng khu vực này

C. Giảm khu vực khác    D. Ý B và C đúng

**âu 3**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây tác động đến tỉ suất sinh?

A. Tự nhiên - sinh học

B. Phong tục tập quán, tâm lí xã hội

C. Sự phát triển kinh tế - xã hội

D. Các ý trên đúng

**âu 4**: (0,5 điểm) Nhìn chung tỉ suất tử thô của dân số thế giới là:

A. Trung bình    B. Giảm

C. Tăng    D. Tăng nhanh

**âu 5**: (0,5 điểm) Dân số thế giới năm 2005 là 6477 triệu người sinh 21‰, r 9‰. Vậy dân số tăng là bao nhiêu?

A. 67,6 triệu người    B. 76,7 triệu người

C. 77,8 triệu người    D. 78,7 triệu người

**âu 6**: (0,5 điểm) Năm 2005 thế giới có 11 quốc gia dân số vượt quá 100 iệu người mỗi nước chiếm bao nhiêu % dân số thế giới?

A. Chiếm 51%    B. Chiếm 57%

C. Chiếm 61%    D. Tất cả sai

**I. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Tỉ suất tử thô của dân số thế giới chịu tác động của những hân tố nào?

**âu 2**: (3 điểm) Phân tích tỉ suất gia tăng tự nhiên và gia tăng dân số?

## Đáp án và biểu điểm đề 40:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | D | D | B | C | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Tỉ suất tử thô của dân số thế giới tác động của những nhâ
tố sau đây:

- Mức sống dân cư
- Trình độ y tế, vệ sinh phòng bệnh
- Môi trường sống của con người
- Cơ cấu dân số (nhất là cơ cấu độ tuổi)
- Chiến tranh và các tệ nạn xã hội

**Câu 2**: (3 điểm)

- Tỉ suất gia tăng dân số là so sánh dân số của hai thời kì gồm gia tăn tự nhiên và gia tăng cơ học.
- Trên phạm vi toàn thế giới tốc độ gia tăng dân số chủ yếu phụ thuộ gia tăng tự nhiên
- Trong từng nước, từng vùng, tốc độ gia tăng dân số phụ thuộc vào g tăng tự nhiên và gia tăng cơ học.

## ĐỀ 41

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Loại cơ cấu dân số nào chủ yếu được sử dụng nhiều tron dân số học?

A. Cơ cấu theo độ tuổi và theo giới B. Cơ cấu theo lao động

C. Cơ cấu theo trình độ văn hoá D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Cơ cấu dân số gồm có cơ cấu sinh học và cơ cấu xã hội.

A. Đúng B. Sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Cơ cấu dân số theo tuổi có ý nghĩa gì sau đây?

A. Tổng hợp tình hình sinh, tử

B. Tuổi thọ, khả năng phát triển dân số

C. Nguồn lao động của một quốc gia

D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Dân số Việt Nam năm 2004 là 82,07 triệu người trong đó nam là: 40,33 triệu người. Vậy tỉ số giới tính nam là bao nhiêu %/100 nữ?

A. 95,4 % B. 96,6% C. 97,3% D. 97,8%

**Câu 5**: (0,5 điểm) Dân số Việt Nam năm 2004 là 82,07 triệu người. Trong đó nam là: 40,33 triệu người. Vậy tỉ lệ nam trong tổng số dân là bao nhiêu?

A. 47,13% B. 48,25% C. 49,14 % D. 49,32%

**Câu 6**: (0,5 điểm) Nhóm dân số hoạt động kinh tế bao gồm những người nào sau đây?

A. Người có việc làm ổn định

B. Người có việc làm tạm thời

C. Người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm

D. Các ý trên đúng

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Nêu các loại cơ cấu dân số chủ yếu và ý nghĩa của từng loại.

**Câu 2**: (3 điểm) Tại sao trong cơ cấu dân số thì cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi là quan trọng nhất trong sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia?

## Đáp án và biểu điểm đề 41:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | A | D | B | C | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Có bốn loại cơ cấu dân số chủ yếu và ý nghĩa là:

- Theo giới:Ý nghĩa:
  + Yếu tố sinh học, xã hội vị thế
  + Vai trò, quyền lợi, trách nhiệm giữa nam và nữ.
- Theo tuổi: Ý nghĩa:
  + Tổng hợp tình hình sinh, tử, tuổi thọ
  + Khả năng phát triển dân số
  + Nguồn lao động của một quốc gia
- Theo lao động: Ý nghĩa:
  + Phân bố lao động theo các khu vực kinh tế
  + Tạo thêm việc làm cho người lao động

- Theo trình độ văn hoá: Ý nghĩa:

+ Đánh giá chất lượng cuộc sống

+ Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm

**Câu 2**: (3 điểm)

- Sự phát triển kinh tế - xã hội một quốc gia tuỳ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau.

- Trong cơ cấu dân số thì có cơ cấu theo giới và theo độ tuổi là quan trọng nhất trong sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia vì:

+ Cơ cấu dân số theo giới: Là chú ý yếu tố sinh học, mà còn quan tâm khía cạnh xã hội như: Vị thế, vai trò, quyền lợi, trách nhiệm của nam và nữ.

+ Cơ cấu dân số theo độ tuổi: Là tổng hợp được tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số, nguồn lao động của một quốc gia.

## ĐỀ 42

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Công thức nào sau đây để tính mật độ dân số trung bình.

A. $M : \frac{D}{S}$ B. $M = \frac{S}{D}$

C. M = S x D D. M = S + D

( S: Số dân, D: Diện tích)

**Câu 2**: (0,5 điểm) Đặc điểm cơ bản nào sau đây của phân bố dân cư?

A. Phân bố dân cư không đều trong không gian

B. Phân bố dân cư không đều theo thời gian

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Nguyên nhân nào sau đây quyết định nhất đến phân bố dân cư?

A. Điều kiện tự nhiên

B. Lịch sử khai thác lãnh thổ

C. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, tính chất nền kinh tế

D. Chuyển cư

**Câu 4**: (0,5 điểm) Do ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá, hình thức quần cư nông thôn ngày nay có thay đổi nào sau đây?

A. Thay đổi về chức năng B. Thay đổi về cấu trúc

C. Thay đổi về hướng phát triển D. Các ý trên đúng

Câu 5: (0,5 điểm) Diện tích các châu lục trên thế giới hiện nay là bao nhiêu?

A. 125,6 triệu $Km^2$ B. 135,6 triệu $Km^2$

C. 152,6 triệu $Km^2$ D. 153,6 triệu $Km^2$

Câu 6: (0,5 điểm) Theo thống kê năm 2005 thì mật độ dân số trung bình thế giới là?

A. 38 người/$Km^2$ B. 48 người/ $Km^2$

C. 83 người/ $Km^2$ D. 58 người/ $Km^2$

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới hiện nay, những nhân tố nào ảnh hưởng đến sự phân bố đó?

**Câu 2**: (3 điểm) Trình bày sự khác nhau cơ bản giữa hai loại quần cư thành thị và nông thôn (về đặc điểm, về chức năng).

## Đáp án và biểu điểm đề 42:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | C | C | D | B | B |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Phân bố dân cư trên thế giới hiện nay có những đặc điểm sau:
  + Phân bố dân cư không đều trong không gian.
  + Biến động về phân bố dân cư theo thời gĩan.
- Có những nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư là:
  + Phân bố dân cư là hiện tượng xã hội có tính qui luật do tác động các nhân tố.
  + Cụ thể:
    - Sự phát triển của lực lượng sản xuất
    - Tính chất của nền kinh tế
    - Điều kiện tự nhiên
    - Lịch sử khai thác lãnh thổ
    - Chuyển cư,...

**Câu 2**: (3 điểm)

| Loại hình | Quần cư nông thôn | Quần cư thành thị |
|---|---|---|
| **Đặc điểm** | - Xuất hiện sớm, phân tán trong không gian.<br>- Hoạt động nông nghiệp là chủ yếu. | - Phát triển từ các điểm quần cư nông thôn.<br>- Tập trung dân cư với mật độ cao.<br>- Hoạt động phi nông nghiệp là chủ yếu. |
| **Chức năng** | - Nông nghiệp: Trồng trọt, chăn nuôi, rừng.<br>- Phi nông nghiệp: Tiểu thủ công nghiệp.<br>- Hỗn hợp: Nông nghiệp và tiểu thư công nghiệp. | - Công nghiệp<br>- Du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông.<br>- Trung tâm kinh tế hành chính - chính trị, văn hoá, thương mại - dịch vụ. |

# ĐỀ 43

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Năm 2005, tỉ trọng phân bố dân cư ở châu lục nào cao nhất?

A. Châu Mĩ　　B. Châu Á

C. Châu Âu　　D. Châu Phi

**Câu 2**: (0,5 điểm) Tỉ trọng phân bố dân cư 2005 thì châu lục nào thấp nhất?

A. Châu Phi　　B. Châu đại dương

C. Châu Âu　　D. Châu Mĩ

**Câu 3**: (0,5 điểm) Tỉ trọng phân bố dân cư năm 2005 ở thành thị là bao nhiêu %?

A. 48%　　B. 50%　　C. 52%　　D. 54%

**Câu 4**: (0,5 điểm) Châu lục nào sau đây có mật đô dân số thấp hơn mật độ dân số trung bình của thế giới?

A. Châu Mĩ - Châu Phi　　B. Châu Âu (kể cả Liên bang Nga

C. Châu Á (trừ liên bang Nga)　　D. Ý A và B đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Sự phân bố dân cư là một hiện tượng xã hội không có tính quy luật.

A. Đúng　　B. Sai

Câu 6: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên thích hợp bản sau:

| Châu lục | Mật độ dân cư năm 2005 (làm tròn số) |
|---|---|
| 1. Châu Mĩ<br>2. Châu Phi<br>3. Châu Á (trừ liên bang Nga)<br>4. Châu Âu (kể cả liên bang Nga) | A. 123 người/$Km^2$<br>B. 32 người/$Km^2$<br>C. 30 người/$Km^2$ |

II. Câu hỏi tự luận:

Câu 1: (4 điểm) Hãy nêu những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá?

Câu 2: (3 điểm) Quá trình đô thị hoá được thể hiện ở những đặc điểm nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 43:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | B | A | D | B | 1/B,2/C,3/A |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm)

- Ảnh hưởng tích cực của đô thị hoá như sau:
    + Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế
    + Làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động
    + Làm thay đổi phân bố dân cư và lao động
    + Thay đổi quá trình sinh và tử,...
- Ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hoá như sau: (Nếu đô thị hoá không xuất phát từ công nghiệp hoá)
    + Chuyển cư ồ ạt từ nông thôn ra thành thị làm cho nông thôn thiếu lực lượng lao động.
    + Ở thành phố thiếu việc làm, điều kiện sinh hoạt khó khăn.
    + Môi trường thành phố ô nhiễm
    + Nhiều tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội

**Câu 2**: (3 điểm) Quá trình đô thị hoá được thể hiện ba đặc điểm sau đây:

- Dân cư thành thị có xu hướng tăng nhanh
- Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn
- Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

# CHƯƠNG VI
# CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

## ĐỀ 44

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Dựa vào tính chất nào sau đây để phân loại nguồn lực?

A. Tính sản xuất của vật chất B. Tính chính trị - xã hội

C. Ý A và B đúng D. Ý A và B sai

**Câu 2**: (0,5 điểm) Căn cứ vào nguồn gốc , có thể phân loại nguồn lực nào sau đây?

A. Vị trí địa lí B. Tài nguyên thiên nhiên

C. Kinh tế - xã hội D. Các ý trên đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Để phân biệt nội lực và ngoại lực thì cần căn cứ vào yếu tố nào?

A. Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ

B. Căn cứ vào nguồn gốc

C. Dựa vào tính sản xuất của vật chất

D. Tính chính trị - xã hội

**Câu 4**: (0,5 điểm) Việc trao đổi, tiếp cận cùng phát triển giữa các vùng trong một nước, các nước, là vai trò của nguồn lực?

A. Vị trí địa lí B. Tài nguyên thiên nhiên

C. Kinh tế - xã hội D. Lực lượng lao động

**Câu 5**: (0,5 điểm) Vốn là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các nước đang phát triển. Vậy vốn có vai trò gì?

A. Là yếu tố đầu vào cho sản xuất

B. Là kết quả đầu ra cho quá trình sản xuất

C. Là động lực phát triển một nước

D. Các ý trên đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Đất, biển, khoáng sản, khí hậu, sinh vật là loại tài nguyên của yếu tố nào?

A. Vị trí địa lí B. Tự nhiên

C. Vị trí địa lí và tự nhiên C. Kinh tế - xã hội

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Nguồn lực là gì? Phân biệt các nguồn lực.

**Câu 2**: (3 điểm) Giữa nội lực và ngoại lực có mối quan hệ như thế nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 44:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | C | D | A | A | D | B |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Nguồn lực là tổng thể: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, tài sản quốc gia, nhân lực, vốn, thị trường, đường lối ở trong và ngoài nước.
- Phân biệt nguồn lực có 2 loại sau:
  + Căn cứ vào nguồn gốc có nguồn lực: Vị trí địa lí, tự nhiên và kinh tế - xã hội.
  + Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ: Có nguồn lực trong nước (nội lực) và nguồn lực ngoài nước (ngoại lực).

**Câu 2**: (3 điểm) Nội lực và ngoại lực có mối quan hệ sau:

- Dù có các vai trò khác nhau, song giữa nội lực và ngoại lực có quan hệ mật thiết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau.
- Ngoại lực có vai trò quan trọng nhất là ở các nước đang phát triển, nhưng ở từng giai đoạn cụ thể.
- Nội lực có tính chất quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia.

# ĐỀ 45

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Cơ cấu nền kinh tế gồm có cơ cấu nào sau đây?

A. Cơ cấu ngành kinh tế  B. Cơ cấu thành phần kinh tế
C. Cơ cấu lãnh thổ  D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Trong cơ cấu kinh tế, thì cơ cấu nào có vai trò quan trọng hơn cả?

A. Cơ cấu lãnh thổ  B. Cơ cấu ngành kinh tế
C. Cơ cấu thành phần kinh tế  D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

**Câu 3**: (0,5 điểm) Hiện nay ở nước ta có bao nhiêu thành phần kinh tế?

A. 3  B. 4  C. 5  D. 6

**Câu 4**: (0,5 điểm) Cơ cấu thành phần kinh tế đang diễn ra theo chiều hướng nào sau đây?

A. Phát huy nhiều hình thức sở hữu
B. Nhiều hình thức tổ chức kinh doanh
C. Tập trung vào một số công ty nhà nước
D. Ý A và B đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) được chuyển từ:

A. Nước đang phát triển cho nước phát triển
B. Nước phát triển cho nước phát triển
C. Nước phát triển cho nước đang phát triển
D. Ý B và C đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế từ khu vực sản xuất vật chất sang khu vực sản xuất phi vật chất là ở nhóm nước nào?

A. Các nước công nghiệp mới
B. Các nước phát triển
C. Các nước đang phát triển
D. Các ý trên đúng

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy phân biệt các bộ phận hợp thành cơ cấu nền kinh tế?

**Câu 2**: (3 điểm) Để đánh giá nền kinh tế của một nước thì căn cứ vào những tiêu chí nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 45:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | B | D | D | C | B |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Cơ cấu nền kinh tế có 3 bộ phận hợp thành
- Cụ thể:
  + Cơ cấu ngành kinh tế: Được phân tích ở 3 khu vực:
    • Khu vực 1: Nông - lâm - ngư
    • Khu vực 2: Công nghiệp và xây dựng
    • Khu vực 3: Dịch vụ
  + Cơ cấu thành phần kinh tế:
    • Huy động tối đa nguồn lực trong và ngoài nước.
    • Khai thác tốt tiềm lực để phát triển đất nước.
  + Cơ cấu lãnh thổ:
    • Thường có cơ cấu lãnh thổ khác nhau
    • Có cách phân công lao động theo lãnh thổ khác nhau.

**Câu 2**: (3 điểm) Những tiêu chí đánh giá kinh tế một quốc gia là:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP)
- Tổng thu nhập quốc gia (GNI)
- GNI và GDP trung bình/người/năm
- Tỉ trọng các ngành kinh tế trong GDP.

# CHƯƠNG VII
# ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP

## ĐỀ 46

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Trên thế giới hiện nay số lao động tham gia hoạt động nông nghiệp là bao nhiêu?

A. Trên 30% B. Trên 35%

C. Trên 40% D. Trên 47%

**Câu 2**: (0,5 điểm) Tất cả các nền văn minh cổ đại đều xuất phát từ nền văn minh nào?

A. Nền văn minh khảo cổ

B. Nền văn minh nông nghiệp

C. Nền văn minh công nghiệp

D. Nền văn minh khảo cổ và nông nghiệp

**Câu 3**: (0,5 điểm) Đặc điểm quan trọng nào sau đây để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp?

A. Máy móc B. Đất trồng

C. Khí hậu D. Nguồn nước

**Câu 4**: (0,5 điểm) Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào tự nhiên, đặc điểm này bắt nguồn từ yếu tố nào?

A. Đất trồng B. Cây trồng và vật nuôi

C. Địa hình D. Ý A và B đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Cây trồng và vật nuôi chỉ có thể tồn tại và phát triển cần có yếu tố tự nhiên nào?

A. Nhiệt độ, ánh sáng B. Nước, không khí

C. Dinh dưỡng D. Các ý trên đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Ở Việt Nam năm 2005 lao động nông nghiệp chiếm bao nhiêu phần trăm?

A. Chiếm 48% B. Chiếm 54%

C. Chiếm 58% D. Chiếm 70%

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu vai trò của ngành nông nghiệp trong nền kinh tế và đời sống xã hội?

**Câu 2**: (3 điểm) Ngành sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm gì? Theo em đặc điểm nào là quan trọng nhất?

## Đáp án và biểu điểm đề 46:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | B | B | B | D | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Nông nghiệp có những vai trò sau:

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người

- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

- Hàng xuất khẩu có gía trị, tăng nguồn thu ngoại tệ.

- Tận dụng tự nhiên và nguồn lao động.

- Nông nghiệp luôn có vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội loài người (không có ngành nào thay thế được)

**Câu 2**: (3 điểm)

- Sản xuất nông nghiệp có các đặc điểm sau:

+ Đất trồng là tư liệu sản xuất không thể thay thế được

+ Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là các cây trồng và vật nuôi.

+ Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ

+ Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên

+ Trong nền kinh tế hiện đại, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa.

- Theo em đặc điểm nào là quan trọng nhất?

+ Đất trồng là tư liệu sản xuất không thể thay thế được.

# ĐỀ 47

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Sự tiến bộ khoa học - kỉ thuật trong nông nghiệp được thể hiện ở các yếu tố nào sau đây?

A. Cơ giới hóa, thuỷ lợi hoá

B. Hoá học hoá

C. Cách mạng xanh và công nghiệp sinh học

D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hiện nay tỉ lệ đất nông nghiệp so với đất tự nhiên trên thế giới bao nhiêu %?

A. 8% B. 10% C. 12% D. 17%

**Câu 3**: (0,5 điểm) Trong lịch sử phát triển nông nghiệp có các hình thức sử dụng đất là?

A. Thâm canh và xen canh B. Quảng canh và thâm canh

C. Xen canh và quảng canh D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Tăng sản lượng nông nghiệp chủ yếu do mở rông diện tích đất trồng trọt đó là hình thức?

A. Quảng canh B. Xen canh

C. Thâm canh D. Xen canh và thâm canh.

**Câu 5**: (0,5 điểm) Đặc điểm nào được thể hiện trong hình thức sản xuất trang trại?

A. Là hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở trình độ cao

B. Là hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

C. Là hình thức sản xuất cơ sở trong nông nghiệp

D. Ý A và B đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Hình thức cao nhất là đặc điểm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp sau?

A. Trang trại B. Thể tổng hợp nông nghiệp

C. Vùng nông nghiệp D. Nông trường quốc doanh

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Em hãy phân biệt những đặc điểm cơ bản của ba hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp là: Trang trại, thể tổng hợp nông nghiệp, vùng nông nghiệp.

**Câu 2**: (3 điểm) Các nhân tố kinh tế- xã hội ảnh hưởng như thế nào đến phá triển và phân bố nông nghiệp?

## Đáp án và biểu điểm đề 47:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | C | B | A | C | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Đặc điểm của ba hình thức trang trại, thể tổng hợp nông nghiệp và vùng nông nghiệp như sau:

| ***Trang trại*** | ***Thể tổng hợp nông nghiệp*** | ***Vùng nông nghiệp*** |
|---|---|---|
| - Gắn với quá trình công nghiệp hoá.<br>- Quy mô đất đai tương đối lớn.<br>- Chuyên môn hoá và thâm canh. | - Sử dụng có hiệu quả nhất vị trí địa lí, các điều kiện sản xuất.<br>- Quy mô đất đai lớn<br>- Có liên kết giữa xí nghiệp với công nghiệp chế biến và dịch vụ. | - Phân bố hợp lí và chuyên môn hoá đúng đắn.<br>- Quy mô đất đai rất lớn<br>- Tương đối đồng nhất về tự nhiên, kinh tế- xã hội, hình thành các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp. |

**Câu 2**: (3 điểm)

- Dân cư và nguồn lao động:

+ Vừa sản xuất vừa tiêu thụ sản phẩm

+ Truyền thống sản xuất, tập quán.....có ảnh hưởng đến phát triển phân bố cây trồng, vật nuôi.

- Sở hữu ruộng đất: Ảnh hưởng đến phát triển và các hình thức sản xuất nông nghiệp.

- Tiến bộ khoa học - kĩ thuật:

+ Có thể tăng sản lượng, chất lượng, năng suất

+ Hạn chế những khó khăn của tự nhiên

- Thị trường: tác động to lớn đến sản xuất nông nghiệp, về giá cả.....

## ĐỀ 48

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Có ba loại cây lương thực chủ yếu trên thế giới là cây lương thực nào?

A. Lúa gạo, cao lương, kê
B. Lúa gạo, lúa mì, ngô
C. Lúa mì, ngô, kê
D. Lúa mì, ngô, cao lương

**Câu 2**: (0,5 điểm) Ở miền nhiệt đới, cận nhiệt, đặc biệt là ở châu Á gió mùa phân bố chủ yếu là loại cây lương thực gì?

A. Lúa gạo
B. Ngô
C. Cao lương
D. Lúa mì

**Câu 3**: (0,5 điểm) Quốc gia nào sau đây sản xuất lúa gạo nhiều nhất thế giới năm 2003?

A. Hoa Kì
B. Liên bang Nga
C. Trung Quốc
D. Braxin

**Câu 4**: (0,5 điểm) Năm 2003 sản xuất lúa gạo nhiều nhất thế giới là ở châu lục nào sau đây?

A. Châu Mĩ
B. Châu Á
C. Châu Phi
D. Châu đại dương

**Câu 5**: (0,5 điểm) Với đặc điểm sinh thái: đất phù sa, ưa khí hậu nóng ẩm, chân ruộng ngập nước, thích hợp nhất loại cây lương thực?

A. Ngô
B. Lúa mì
C. Lúa gạo
D. Cao lương

**Câu 6**: (0,5 điểm) Hiện nay quốc gia nào xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới?

A. Hoa Kì
B. Việt Nam
C. Braxin
D. Thái Lan

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu đặc điểm sinh thái, phân bố của lúa gạo, lúa mì, ngô.

**Câu 2**: (3 điểm) Trình bày vai trò của ngành trồng trọt?

### Đáp án và biểu điểm đề 48:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | A | C | B | C | D |

II. Câu hỏi tự luận:

Câu 1: (4 điểm)

- Lúa gạo:
  + Thích hợp khí hậu nóng ẩm, chân ruộng ngập nước
  + Phân bố chủ yếu ở miền nhiệt đới nhất là vùng châu Á gió mùa.
- Lúa mì:
  + Ưa khí hậu ấm, khô, thời kì đầu sinh trưởng cần nhiệt độ thấp
  + Phân bố chủ yếu Miền ôn đới và cận nhiệt
- Ngô:
  + Ưa khí hậu nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước
  + Phân bố chủ yếu miền nhiệt đới, cận nhiệt và cả ôn đới nóng.

Câu 2: (3 điểm)

- Trồng trọt là nền tảng của sản xuất nông nghiệp có vai trò là:
  + Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
  + Nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến
  + Cơ sở để phát triển chăn nuôi
  + Nguồn xuất khẩu có giá trị

## ĐỀ 49

I. Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: (0,5 điểm) Hiện nay trên thế giới Ngô được trồng nhiều nhất ở quốc gia nào?

A. Ở Trung Quốc | B. Ở Hoa Kì
C. Ở Liên bang Nga | D. Ở Braxin

Câu 2: (0,5 điểm) Lúa mì được phân bố nhiều nhất ở miền nào trên thế giới?

A. Miền ôn đới và cận nhiệt | B. Miền nhiệt đới
C. Miền ôn đới nóng | D. Miền nhiệt đới và cận nhiệt

Câu 3: (0,5 điểm) Trên thế giới lúa mì được dùng làm lương thực chủ yếu ở châu lục?

A. Châu Á và châu Phi | B. Châu Âu và châu Mĩ
C. Châu Mĩ và châu Phi | D. Châu Âu và châu đại dương

Câu 4: (0,5 điểm) Các cây lương thực như đại mạch, mạch đen, yến mạch, khoai tây được trồng nhiều nhất ở miền?

A. Miền ôn đới | B. Miền nhiệt đới
C. Miền nhiệt đới và cận nhiệt | D. Các ý trên đúng

'âu 5: (0,5 điểm) Các loại cây hoa màu như kê, cao lương, khoai lang đượ
hân bố ở vùng?

A. Ôn đới và cận nhiệt B. Nhiệt đới và cận nhiệt

C. Ôn đới và nhiệt đới D. Ôn đới nóng

'âu 6: (0,5 điểm) Ngô được phân bố chủ yếu ở miền khí hậu nào?

A. Miền nhiệt đới, nhất là châu Á gió mùa

B. Miền nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới nóng

C. Miền ôn đới và cận nhiệt

D. Miền nhiệt đới và ôn đới

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

'âu 1: (4 điểm) Hãy nêu vai trò cây lương thực?

'âu 2: (3 điểm) Tại sao đối với nhiều nước đang phát triển, đông dân, đẩ
ạnh sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu?

## Đáp án và biểu điểm đề 49:

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | A | B | A | B | B |

**I. Câu hỏi tự luận:**

'âu 1: (4 điểm) Vai trò của cây lương thực:

- Nguồn cung cấp tinh bột và cả chất dinh dưỡng cho người và gia súc.
- Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến lương thực
ực phẩm
- Hàng xuất khẩu có giá trị
- Phát triển cây lương thực nhằm tận dụng tự nhiên và lực lượng lao độn
- Dự trữ lương thực quốc gia.

'âu 2: (3 điểm) Vì nhiều nước đang phát triển có đặc điểm chung:

- Số dân đông và tăng rất nhanh
- Cần phát triển nông nghiệp để bảo đảm lương thực, thực phẩm ch
ân cư
- Hoạt động nông nghiệp liên quan đến việc làm, thu nhập và đời sốn
ıa đa số dân cư.
- Phát triển nông nghiệp có vai trò quan trọng đặc biệt đối với sự ổ
ịnh kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước.

# ĐỀ 50

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Các sản phẩm cây công nghiệp là các mặt hàng xuất khẩ quan trọng ở nhiều nước đang phát triển thuộc miền?

A. Miền nhiệt đới. B. Miền cận nhiệt.

C. Miền nhiệt đới và cận nhiệt. D. Miền ôn đới.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hai quốc gia nào sau đây có sản lượng chè nhiều nhất tl giới?

A. Ấn Độ và Trung Quốc. B. Ấn Độ và Xri-lan-ca.

C. Việt Nam và Kê-ni-a. D. Bra-xin và Ac-hen-ti-na

**Câu 3**: (0,5 điểm) Trên thế giới, củ cải đường được phân bố ở miền nào sa đây:

A. Ở miền ôn đới và cận nhiệt. B. Ở miền nhiệt đới.

C. Ở miền cận nhiệt. D. Các ý trên đúng.

**Câu 4**: (0,5 điểm) Nước nào sau đây đứng đầu thế giới về sản lượng đậ tương?

A. Ac-hen-ti-na. B. Trung Quốc.

C. Hoa kì. D. Bra-xin.

**Câu 5**: (0,5 điểm) Cao su là cây lấy nhựa có nhiều giá trị kinh tế, hiện na tập trung ở vùng nào trên thế giới?

A. Vùng Tây nam của Hoa Kì.

B. Vùng châu Mĩ la-tinh

C. Vùng nhiệt đới ẩm của vùng Đông Nam Á, Nam Á và Tây Phi.

D. Vùng Đông Bắc Á.

**Câu 6**: (0,5 điểm) Quốc gia nào sau đây có diện tích rừng trồng lớn nhất tl giới?

A. Trung Quốc B. Hoa Kì

C. Bra-xin D. Ac-hen-ti-na.

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Tại sao phải chú trọng đến việc trồng rừng?

**Câu 2**: (3 điểm) Nêu rõ những đặc điểm chủ yếu của các cây công nghiệp?

## Đáp án và biểu điểm đề 50:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | A | A | C | C | A |

**I. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Ta phải chú trọng đến việc trồng rừng. Vì rừng có vai trò uan trọng đối với môi trường và cuộc sống con người:

- Rừng có tác động điều hoà lượng nước trên mặt đất.
- Rừng là lá phổi xanh của Trái Đất.
- Rừng góp phần to lớn vào việc hình thành và bảo vệ Đất
- Rừng chống xói mòn Đất ở miền núi và hạn chế lũ lụt ở đồng bằng ào mùa mưa lũ.
- Rừng là nguồn gen quí giá, đồng thời cung cấp nguồn lâm đặc sản ho sản xuất, các dược liệu quí chữa bệnh cho con người,…

**âu 2**: (3 điểm) Những đặc điểm chủ yếu của các cây công nghiệp:

- Chỉ được trồng ở những nơi có điều kiện thuận lợi nhất, phần lớn tập ung ở các nước đang phát triển.
- Biên độ sinh thái hẹp (có những đòi hỏi đặc biệt về nhiệt, ẩm, đất ồng).
- Cần nhiều lao động có kỹ thuật và kinh nghiệm.
- Thường có các xí nghiệp chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở các ước vùng chuyên canh.

## *CHƯƠNG VIII*
## ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

### ĐỀ 51

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Từ nền kinh tế nông nghiệp là chính, chuyển sang n kinh tế sản xuất công nghiệp được gọi là gì?

A. Quá trình công nghiệp hoá

B. Quá trình chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp

C. Tăng nguồn lao động

D. Các ý trên đều đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ, có sự ph hợp của nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng gọi là hình thức:

A. Chuyên môn hoá | B. Hợp tác hoá

C. Liên hiệp hoá | D. Các ý trên đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Những nơi có nhiều lao động sẽ phát triển mạnh và ph bố các ngành công nghiệp gì?

A. Công nghiệp chế biến thực phẩm

B. Công nghiệp khai thac các loại khoáng sản

C. Công nghiệp, dệt, may, giày da

D. Ý A và C đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Yếu tố nào đúng khi công nghiệp ngày càng sản xu nhiều sản phẩm cho xã hội?

A. Mở rộng sản xuất | B. Tạo nhiều việc làm mới

C. Tăng thu nhập | D. Các ý trên đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Tính chất nào sau đây là đặc điểm của sản xuất công nghiệ

A. Tính chất phân tán

B. Tính chất tập trung

C. Tính chất tập trung cao độ

D. Tính chất vừa phân tán vừa tập trung

**Câu 6**: (0,5 điểm) Động lực chính để phát triển kinh tế và nâng cao trình văn minh của toàn xã hội đó là ngành?

A. Sản xuất công nghiệp | B. Công nghệ thông tin

C. Các ngành dịch vụ | D. Sản xuất nông nghiệp

. **Câu hỏi tự luận**:

**ìu 1**: (4 điểm) Hãy nêu vai trò của ngành công nghiệp?

**ìu 2**: (3 điểm) Nêu rõ vai trò ngành luyện kim đen?

## Đáp án và biểu điểm đề 51:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | D | D | D | C | A |

**Câu hỏi tự luận**:

**ìu 1**: (4 điểm) Sản xuất công nghiệp có các vai trò sau:

- Cung cấp cho ngành kinh tế các tư liệu sản xuất

Sản xuất nhiều sản phẩm mới cho xã hội

- Góp phần phát triển kinh tế, nâng cao sự văn minh cho xã hội
- Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động
- Tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên ác nhau
- Là động lực chính thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển

**ìu 2**: (3 điểm) Luyện kim đen (sản xuất ra gang, thép) có vai trò sau:

- Hầu như tất cả các ngành kinh tế đều sử dụng sản phẩm của ngành ện kim đen.
- Là cơ sở để phát triển công nghiệp chế tạo máy, sản xuất công cụ lao ng.
- Nguyên liệu để tạo ra những sản phẩm tiêu dùng
- Cung cấp vật liệu cho ngành xây dựng.

## ĐỀ 52

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**ìu 1**: (0,5 điểm) Khu vực và quốc gia nào đứng hàng đầu thế giới trong h vực điện tử và tin học?

A. Anh, Đức và Pháp

B. Nhật Bản, Anh và Hàn Quốc

C. Hoa Kì, Nhật Bản và liên minh châu Âu (EU)

D. Liên bang Nga, Hoa Kì và Ấn Độ

**Câu 2**: (0,5 điểm) Yếu tố nào là cơ sở hạ tầng thiết yếu của một khu côn nghiệp?

A. Nguồn vốn và lực lượng lao động

B. An ninh trật tự và an toàn giao thông

C. Điện, nước, giao thông và thông tin liên lạc

D. Bảo đảm lương thực và thực phẩm

**Câu 3**: (0,5 điểm) Nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển và phân b công nghiệp chính là?

A. Tài nguyên thiên nhiên B. Vị trí địa lí

C. Kinh tế- xã hội D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Phân loại công nghiệp có nhiều cách khác nhau, nhưn cách nào là phổ biến nhất?

A. Dựa vào công dụng kinh tế của sản phẩm

B. Dựa vào trình độ kĩ thuật

C. Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động

D. Ý A và B đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Vai trò quyết định nhất để hình thành và phát triển cơ c ngành công nghiệp chính là?

A. Thiếu nguồn vốn

B. Sự dư thừa lao động

C. Sự tiêu thụ của thị trường

D. Sự thiếu hụt về nguyên liệu và năng lượng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Sản xuất công nghiệp được chia thành hai nhóm: côn nghiệp nặng (nhóm A) và công nghiệp nhẹ (nhóm B) là dựa vào tính chất?

A. Dựa vào công dụng kinh tế của sản phẩm

B. Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy so sánh đặc điểm của sản xuất công nghiệp và sản xu nông nghiệp?

**Câu 2**: (3 điểm) Khái quát các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân b công nghiệp. Hiện nay nhân tố nào quan trọng đối với sự phân bố công nghiệp?

## Đáp án và biểu điểm đề 52:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | C | C | D | C | C | A |

**Câu hỏi tự luận**:

**iu 1**: (4 điểm)

| Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp | Đặc điểm của sản xuất công nghiệp |
|---|---|
| Tính chất phân tán trong không ian<br>Các giai đoạn phải theo trình tự bắt uộc ở từng khâu nhất định, phạm vi hông gian gần.<br>Tập trung lao động ít<br>Tạo ra sản phẩm nhất định | - Tính chất tập trung cao độ<br>- Hai giai đoạn không phải theo trình tự bắt buộc có thể tiến hành đồng thời cách xa nhau về mặt không gian.<br>- Tập trung nhiều lao động<br>- Tạo ra một khối lượng sản phẩm gấp nhiều lần so với sản xuất nông nghiệp. |

**iu 2**: (3 điểm)

- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp như 1:

+ Vị trí địa lí: Tự nhiên, kinh tế, chính trị

+ Tài nguyên thiên nhiên: Khoáng sản, khí hậu, nguồn nước, đất, ıg, biển.

+ Kinh tế- xã hội: Dân cư- lao động, tiến bộ khoa học kĩ thuật, thị ờng, cơ sở vật chất- kĩ thuật, cơ sở hạ tầng, đường lối chính sách.

- Hiện nay nhân tố nào quan trọng đối với sự phân bố công nghiệp?

+ Đường lối công nghiệp hoá

+ Thị trường

+ Tiến bộ khoa học kĩ thuật

# ĐỀ 53

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động. T sản xuất công nghiệp được chia thành hai nhóm công nghiệp là?

A. Công nghiệp khai thác và công nghiệp nặng

B. Công nghiệp chế biến và công nghiệp nhẹ

C. Công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến

D. Công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ

**Câu 2**: (0,5 điểm) Dựa vào đâu để xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xu

A. Gần trung tâm thành phố

B. Gần các trục lộ giao thông quan trọng

C. Gần các hải cảng, sân bay

D. Các ý trên đều đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) "Quả tim của công nghiệp nặng" là vị trí của ngành côi nghiệp nào?

A. Công nghiệp điện lực

B. Công nghiệp luyện kim

C. Công nghiệp cơ khí

D. Công nghiệp năng lượng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Sản xuất kim loại màu nhiều nhất thế giới là ở nhóm nước?

A. Các nước đang phát triển

B. Các nước phát triển

C. Các nước công nghiệp mới

D. Các nước phát triển và các nước công nghiệp mới

**Câu 5**: (0,5 điểm) Nhóm nước nào có trữ lượng kim loại màu nhiều nhất thế g

A. Các nước công nghiệp mới

B. Các nước phát triển

C. Các nước đang phát triển

D. Các nước trong liên minh châu Âu (EU)

**Câu 6**: (0,5 điểm) Nhóm nước nào tập trung nhất ngành công nghẹip kh thác dầu mỏ?

A. Các nước phát triển

B. Các nước đang phát triển

C. Các nước ở trung cận đông

D. Các nước công nghiệp mới

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu các đặc điểm của ngành luyện kim màu?

**Câu 2**: (3 điểm) Vì sao ngành công nghiệp sản xuất kim loại màu lại tậ trung ở các nước phát triển?

## Đáp án và biểu điểm đề 53:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | D | C | B | C | B |

**Câu hỏi tự luận**:

**ìu 1**: (4 điểm)

- Luyện kim màu là ngành sản xuất các loại như: Vàng, đồng, chì, m, thiếc,...

- Luyện kim màu có các đặc điểm sau:

+ Hàm lượng các kim loại trong quặng kim loại màu rất thấp nên ải có quá trình tuyển quặng.

+ Các quặng kim loại màu là ở dạng đa kim

- Cần sử dụng các kĩ thuật tổng hợp nhằm lấy ra tối đa các nguyên tố í trong quặng

- Quy trình công nghệ sản xuất ra kim loại màu phức tạp và khó khăn n luyện kim đen rất nhiều.

**ìu 2**: (3 điểm)

- Vì các nước phát triển có trình độ kĩ thuật cao

- Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật giỏi

- Kim loại màu được sử dụng nhiều trong các ngành chế tạo máy và ngành kinh tế khác.

## ĐỀ 54

### Câu hỏi trắc nghiệm:

**ìu 1**: (0,5 điểm) Ngành luyện kim đen sử dụng một khối lượng lớn uyên - nhiên liệu và cần các chất trợ dung nào?

A. Quặng sắt | B. Đá vôi

C. Than cốc | D. Các ý trên đúng

**ìu 2**: (0,5 điểm) Ngành luyện kim đen được phát triển mạnh ở vào thời ın nào?

A. Đầu thế kỉ XIX

B. Nửa sau thế kỉ XIX

C. Đầu thế kỉ XX

D. Từ sau chiến tranh thế giới thứ 2

**Câu 3**: **(0,5 điểm)** Tỉ trọng trong GDP của ngành công nghiệp và xây dự ở Việt Nam năm 2004 là?

A. 26% B. 32% C. 41% D. 52%

**Câu 4**: **(0,5 điểm)** Ngành công nghiệp nào sau đây được xem là tiền đề c tiến bộ khoa học - kĩ thuật?

A. Công nghiệp luyện kim đen B. Công nghiệp năng lượng

C. Công nghiệp luyện kim màu D. Công nghiệp hoá chất

**Câu 5**: **(0,5 điểm)** Sản lượng than khai thác ở Việt Nam năm 2004 đạt b nhiêu triệu tấn?

A. 15 Triệu tấn B. 17 Triệu tấn

C. 21 Triệu tấn D. 26 Triệu tấn

**Câu 6**: **(0,5 điểm)** Khai thác dầu mỏ là ngành công nghiệp mũi nhọn hi nay ở Việt Nam. Vậy sản lượng khai thác năm 2004 là bao nhiêu?

A. Trên 15,6 triệu tấn B. Trên 18,8 triệu tấn

C. Trên 20 triệu tấn D. Trên 27 triệu tấn

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: **(4 điểm)** Dựa vào bảng số liệu về sự thay đổi cơ cấu sử dụng năng lượ trên thế giới thời kì 1940-2000 (đơn vị tính %). Hãy nhận xét và giải thích.

| Nguồn năng lượng / Năm | Củi-gỗ | Than đá | Dầu – khí | Năng lượng nguyên tử, thuỷ điện | Năng lượng mới |
|---|---|---|---|---|---|
| 1940 | 14 | 57 | 26 | 3 | |
| 2000 | 5 | 20 | 54 | 14 | 7 |

**Câu 2**: **(3 điểm)** Nêu vai trò của ngành công nghiệp của luyện kim màu?

## Đáp án và biểu điểm đề 54:

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | B | C | B | D | C |

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: **(4 điểm)**

- Năng lượng củi gỗ:

+ Giảm từ 14%/1940 còn 5%/2000

+ Nếu tiếp tục đốn củi thì rừng cạn kiệt, khí hậu nóng lên ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Than đá:

+ Giảm từ 57%/1940 còn 20%/2000

+ Khai thác, sử dụng gây suy thoái, ô nhiễm môi trường

- Dầu - khí:

+ Tăng từ 26%/1940 lên 54%/2000

+ Do sự phát triển ngành giao thông, công nghiệp hoá chất, nhất là hoá dầu

- Năng lượng nguyên tử - thuỷ điện:

+ Tăng từ 3%/1940 lên 14%/2000

+ Nhiều tốn kém về kĩ thuật,...

- Năng lượng mới:

+ Nguồn năng lượng sạch có thể tái tạo

+ Như năng lượng mặt trời, địa nhiệt, sức gió,...

**Câu 2**: (3 điểm)

- Luyện kim màu sản xuất ra các kim loại như: Đồng, chì, kẽm, vàng, thiếc,...có vai trò sau:

+ Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế tạo máy, chế tạo ôtô, máy bay, kĩ thuật điện.

+ Phục vụ cho công nghiệp hoá chất và các ngành kinh tế quốc dân khác (như bưu chính viễn thông, thương mại,...).

+ Kim loại màu quí hiếm phục vụ cho công nghiệp điện tử, năng lượng nguyên tử.

## ĐỀ 55

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp nào là cơ sở để phát triển một nền công nghiệp hiện đại?

A. Công nghiệp luyện kim đen　　B. Công nghiệp điện lực

C. Công nghiệp điện tử - Tin học　　D. Công nghiệp hoá chất

**Câu 2**: (0,5 điểm) Trên thế giới điện lực được sản xuất từ nhiều nguồn khác nhau những loại nào sau đây có sản lượng điện nhiều nhất?

A. Thuỷ điện　　B. Nhiệt điện

C. Điện nguyên tử　　D. Điện tua bin khí

**Câu 3**: (0,5 điểm) Ở Việt Nam sản lượng điện năm 2004 đạt được bao nhiêu tỉ Kwh?

A. 39 tỉ Kwh B. 42 tỉ Kwh

C. 46 tỉ Kwh D. 48 tỉ Kwh

**Câu 4**: (0,5 điểm) Hiện nay trên thế giới sản lượng điện chủ yếu tập trung ở các nhóm nước nào?

A. Nhóm nước phát triển

B. Nhóm nước đang phát triển

C. Nhóm nước công nghiệp hoá

D. Nhóm nước phát triển và nhóm nước công nghiệp hoá

**Câu 5**: (0,5 điểm) Sản xuất thiết bị kĩ thuật điện hiện đại là sản phẩm của ngành công nghiệp cơ khí?

A. Cơ khí thiết bị toàn bộ B. Cơ khí máy công cụ

C. Cơ khí chính xác D. Cơ khí hàng tiêu dùng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Chiếm vị trí hàng đầu trong cơ cấu sử dụng năng lượng hiện nay trên thế giới là?

A. Dầu mỏ B. Điện lực C. Than D. Khí đốt

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Nêu vai trò của ngành công nghiệp điện lực, khai thác dầu và khai thác than?

**Câu 2**: (3 điểm) Nêu sự phân bố của công nghiệp luyện kim đen và công nghiệp luyện kim màu?

## Đáp án và biểu điểm đề 55:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | B | C | D | C | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Vai trò của công nghiệp điện lực:
    + Cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại
    + Đẩy nhanh tiến bộ của khoa học kĩ thuật
    + Đáp ứng cho con người về văn minh,...
- Vai trò của khai thác dầu:
    + Được xem là "vàng đen" là nhiên liệu quan trọng
    + Từ dầu mỏ sản xuất ra nhiều sản phẩm khác nhau (hóa phẩm, dược phẩ

- Vai trò khai thác than:

+ Nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim (than được ốc hoá)

+ Nguyên liệu qúi cho công nghiệp dược phẩm hoá học.

**Câu 2**: (3 điểm)

| | **Công nghiệp luyện kim đen** | **Công nghiệp luyện kim màu** |
|---|---|---|
| **PHÂN BỐ** | - Những nước sản xuất nhiều kim loại đen, nhất là các nước phát triển.<br>- Những nước có trữ lượng sắt hạn chế, việc sản xuất chủ yếu dựa vào nhập quặng từ các nước đang phát triển | - Những nước sản xuất nhiều kim loại màu là những nước công nghiệp phát triển.<br>- Các nước đang phát triển tuy có trữ lượng lớn về kim loại màu nhưng chỉ xuất khẩu quặng tinh |

## ĐỀ 56

**. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khu vực nào trên thế giới có trữ lượng dầu mỏ nhiều nhất?

A. Khu vực Trung Đông　　B. Khu vực Đông Nam Á

C. Khu vực châu Phi　　D. Khu vực Đông Âu và Liên Xô cũ

**Câu 2**: (0,5 điểm) Những ngành sau đây thì ngành nào nằm trong công ghiệp năng lượng?

A. Khai thác dầu-khí　　B. Khai thác than

C. Công nghiệp điện lực　　D. Các ý trên đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Trữ lượng than, dầu mỏ, khí đốt tập trung nhiều nhất ở hu vực nào trên trái đất?

A. Ở Bắc bán cầu

B. Ở Nam bán cầu

C. Dọc hai bên đường xích đạo

D. Khu vực châu Phi và châu Mĩ La Tinh

**Câu 4**: (0,5 điểm) Chiếm sản lượng điện nhiều nhất thế giới hiện nay là uốc gia nào?

A. Hoa Kì　　B. Nhật Bản

C. Trung Quốc　　D. Pháp

**Câu 5**: (0,5 điểm) Hiện nay sản lượng điện được sản xuất hàng năm trên thế giới là khoảng bao nhiêu tỉ Kwh?

A. Khoảng 10.000 tỉ Kwh B. Khoảng 15.000 tỉ Kwh

C. Khoảng 20.000 tỉ Kwh D. Khoảng 25.000 tỉ Kwh

**Câu 6**: (0,5 điểm) Sản lượng dầu mỏ được khai thác trung bình hàng năm trên thế giới khoảng?

A. Khoảng 3,9 tỉ tấn B. Khoảng 5,2 tỉ tấn

C. Khoảng 6,4 tỉ tấn D. Khoảng 6,8 tỉ tấn

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Nêu vai trò của nền công nghiệp cơ khí?

**Câu 2**: (3 điểm) Ngành công nghiệp cơ khí được chia thành các phân ngành nào

## Đáp án và biểu điểm đề 56:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | D | A | A | B | A |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Ngành công nghiệp cơ khí được xem là "Quả tim của công nghiệp nặng" có các vai trò sau:

- Được xem là "máy cái" của nền sản xuất xã hội
- Sản xuất các công cụ, thiết bị, máy động lực cho ngành kinh tế
- Góp phần từng bước biến nền sản xuất kĩ thuật lạc hậu thành nền sản xuất kĩ thuật tiên tiến có năng suất cao.
- Vai trò chủ đạo việc thực hiện cuộc cách mạng kĩ thuật
- Sản xuất hàng tiêu dùng cho nhu cầu xã hội, cải thiện điều kiện sống,...

**Câu 2**: (3 điểm) Các phân ngành của công nghiệp cơ khí là:

- Cơ khí thiết bị toàn bộ: Sản xuất tàu biển, đầu máy xe lửa, dàn khoang dầu khí,...
- Cơ khí máy công cụ: Sản xuất máy ôtô, dệt, may,...
- Cơ khí hàng tiêu dùng: Sản xuất tủ lạnh, máy giặt,...
- Cơ khí chính xác: Sản xuất chi tiết máy ngành hàng không, thiết bị kĩ thuật điện, thiết bị nghiên cứu y khoa,...

## ĐỀ 57

Câu hỏi trắc nghiệm:

ìu 1: (0,5 điểm) Sản lượng than khai thác nhiều nhất trên thế giới hiện nay là?

A. Trung Quốc-Ấn Độ B. Hoa Kì-Liên bang Nga

C. Trung Quốc-Hoa kì D. Hàn Quốc-Nhật Bản

ìu 2: (0,5 điểm) Trên thế giới hiện nay sản lượng than được khai thác ng năm khoảng bao nhiêu tỉ tấn?

A. Khoảng 3,5 tỉ tấn/năm B. Khoảng 5 tỉ tấn/năm

C. Khoảng 6,8 tỉ tấn/năm D. Khoảng 8,5 tỉ tấn/năm

ìu 3: (0,5 điểm) Than được cốc hoá là nhiên liệu cho ngành công nghiệp o sau đây?

A. Công nghiệp cơ khí B. Công nghiệp luyện kim

C. Công nghiệp hoá chất D. Các ý trên đều sai

ìu 4: (0,5 điểm) Căn cứ chỉ số tiêu dùng trung bình theo người, là phản h trình độ phát triển kinh tế-xã hội văn minh của một nước là dựa vào ành công nghiệp nào?

A. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

B. Công nghiệp điện tử-Tin học

C. Công nghiệp điện lực

D. Công nghiệp cơ khí

ìu 5: (0,5 điểm) Trữ lượng dầu mỏ trên thế giới ước tính khoảng?

A. Từ 400-500 tỉ tấn B. Từ 500-600 tỉ tấn

C. Từ 600-650 tỉ tấn D. Từ 650-750 tỉ tấn

ìu 6: (0,5 điểm) Than có nhiều loại khác nhau nhưng loại nào sau đây có r lượng nhiều nhất trên thế giới?

A. Than bùn B. Than mỡ

C. Than đá D. Than nâu

. Câu hỏi tự luận:

ìu 1: (4 điểm) Nêu tình hình sản xuất và phân bố của ngành công nghiệp khí hiện nay trên thế giới?

ìu 2: (3 điểm) Em có nhận xét gì về tình hình sản xuất và phân bố của các ành công nghiệp hoá chất.

## Đáp án và biểu điểm đề 57:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | B | B | C | A | C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Các nước đi đầu trong ngành công nghiệp cơ khí là các nước kinh tế phát triển như: Hoa Kì, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Nga,...

- Trình độ phát triển và công nghệ ở các nước này đạt đỉnh cao gắn với công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin.

- Phần lớn các nước đang phát triển, đa phần là ngành cơ khí sửa chữa lắp ráp và sản xuất theo mẫu sẵn.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Ở các nước phát triển và ở một số nước công nghiệp mới: Công nghiệp hoá chất phát triển mạnh với đầy đủ các phân ngành.

- Ở các nước đang phát triển:

  + Cũng có những cố gắng nhất định về phát triển công nghiệp hoá chất

  + Nhưng chủ yếu là sản xuất các chất dẻo, hoá chất cơ bản.

## ĐỀ 58

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Các nước có sản lượng khai thác quặng sắt và sản xuất thép lớn nhất thế giới là?

A. Nhật Bản, Hoa Kì, Trung Quốc, U-crai-na

B. Hoa Kì, Trung Quốc, Liên bang Nga, Đức

C. Hàn Quốc, Đức, Hoa Kì, Trung Quốc

D. Ôxtrâylia, Braxin, Hoa Kì, Trung Quốc

**Câu 2**: (0,5 điểm) Sản xuất kim loại màu thường tập trung ở các nước:

A. Có nền công nghiệp phát triển cao

B. Có trữ lượng lớn quặng kim loại màu

C. Có nguồn lao động dồi dào

D. Có ngành công nghiệp điện lớn mạnh

Câu 3: (0,5 điểm) Tổng khối lượng kim loại được sản xuất trên thế giới, thì kim loại đen chiếm:

A. Trên 60 % B. Trên 70%

C. Trên 85% D. Trên 90%

Câu 4: (0,5 điểm) Các nước có nhiều quặng đồng lớn nhất thế giới là?

A. Hoa Kì, Ấn Độ, Ôtrâylia B. Trung Quốc, Braxin, Pêru

C. Chi Lê, Hoa Kì, Canada D. Ấn Độ, Pêru, Canada

Câu 5: (0,5 điểm) Hãy chọn ba quốc gia sau đây có nhiều quặng Boxit nhiều nhất?

A. Ôtrâylia, Ghinê, Giamaica B. Hoa Kì, Canada, Liên bang Nga

C. Braxin, Đức, Hàn Quốc D. Ấn Độ, Chilê, Pêru

Câu 6: (0,5 điểm) Đầu máy xe lửa, dàn khoan dầu khí, tàu thuỷ, là sản phẩm của ngành cơ khí nào chế tạo ra?

A. Cơ khí thiết bị toàn bộ B. Cơ khí máy công cụ

C. Cơ khí chính xác D. Cơ khí hàng tiêu dùng

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Cho bảng số liệu sản xuất điện năng của thế giới thời kì 1950-2003.

| **Năm** | 1950 | 1960 | 1970 | 1980 | 1990 | 2003 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tỉ Kwh** | 967 | 2304 | 4962 | 8247 | 11832 | 14851 |

Hãy tính tốc động tăng trưởng sản lượng điện (cho 1950=100). Nhận xét và giải thích.

**Câu 2**: (3 điểm) Em có hiểu biết gì về sự phát triển điện lực ở Việt Nam?

## Đáp án và biểu điểm đề 58:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | A | D | C | A | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện từ 1950-2003 (cho 1950= 100)

| **Năm** | 1950 | 1960 | 1970 | 1980 | 1990 | 2003 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tỉ Kwh** | 967 | 2304 | 4962 | 8247 | 11832 | 14851 |
| **%** | 100 | 238 | 513 | 852 | 1223 | 1535 |

- Nhận xét: Điện lực phát triển mạnh từ sau 1950 và phát triển nhanh nhất từ sau 1980

- Nguyên nhân:

+ Do tiến bộ của khoa học kĩ thuật

+ Do tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh

+ Do quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hoá

+ Do nhu cầu tiêu dùng điện nhiều trong dân cư

**Câu 2**: (3 điểm)

- Sản lượng điện nước ta tăng nhanh cùng với việc có nhiều nhà máy nhiệt điện và thuỷ điện mới đưa vào hoạt động (hoà bình, trị an, Iali, phú mĩ, phả lại)

- Năm 2004 sản lượng điện đạt 46 tỉ Kwh (gấp 19 lần năm 1975 và gấp 5 lần so với năm 1990)

- Sản lượng điện bình quân trên đầu người đạt 561 Kwh/người

## ĐỀ 59

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Ở các nước đang phát triển thì dầu mỏ chiếm bao nhiêu % trữ lượng thế giới?

A. Khoảng 55% B. Khoảng 60%

C. Khoảng 70% D. Khoảng 80%

**Câu 2**: (0,5 điểm) Trên thế giới thì khu vực nào sau đây có trữ lượng khí đốt nhiều nhất?

A. Các nước Đông nam Á B. Khu vực châu Phi

C. Khu vực Trung đông D. Khu vực châu Mĩ La Tinh

**Câu 3**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên bảng sau:

| ***Quặng kim loại màu*** | ***Trữ lượng nhiều ở các nước sau?*** |
|---|---|
| 1. Niken | A. Canada, Ôtrâylia, Hoa Kì, Ấn Độ |
| | B. Hoa Kì, Hàn Quốc, Đức, Pháp |
| 2. Kẽm | C. Liên bang Nga, Canada, Ôtrâylia, Cuba |

**Câu 4**: (0,5 điểm) Trên thế giới điện lực được sản xuất từ nhiều nguồn khác nhau trong đó nhiệt điện chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm?

A. Khoảng 56% B. Khoảng 64%

C. Khoảng 70% D. Các ý trên sai

âu 5: (0,5 điểm) Hiện nay thuỷ điện chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm ong các nguồn sản xuất điện?

A. Khoảng 10% B. Khoảng 15%

C. Khoảng 18% D. Khoảng 25%

âu 6: (0,5 điểm) Trên thế giới sản lượng thép được sản xuất hàng năm ıoảng?

A. Khoảng 500 triệu tấn B. Khoảng 560 triệu tấn

C. Khoảng 650 triệu tấn D. Khoảng 800 triệu tấn

## . Câu hỏi tự luận:

âu 1: (4 điểm) Hãy điền vào bảng: sản lượng và các nước sản xuất kim ại màu:

| Kim loại màu | Sản lượng khai thác triệu tấn/năm | Nêu ba nước sản xuất nhiều nhất (thứ tự: 1-2-3) |
|---|---|---|
| 3ô-xít | | |
| Jồng | | |
| Niken | | |
| Kẽm | | |

âu 2: (3 điểm) Cho bảng số liệu sản lượng than và dầu mỏ trên thế giới 950-2003 (đơn vị: triệu tấn)

| Năm | 1950 | 1960 | 1970 | 1980 | 1990 | 2003 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Than | 1820 | 2603 | 2936 | 3770 | 3387 | 5300 |
| Dầu mỏ | 523 | 1052 | 2336 | 3066 | 3331 | 3904 |

Vẽ biểu đồ hình cột và nhận xét?

## Đáp án và biểu điểm đề 59:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

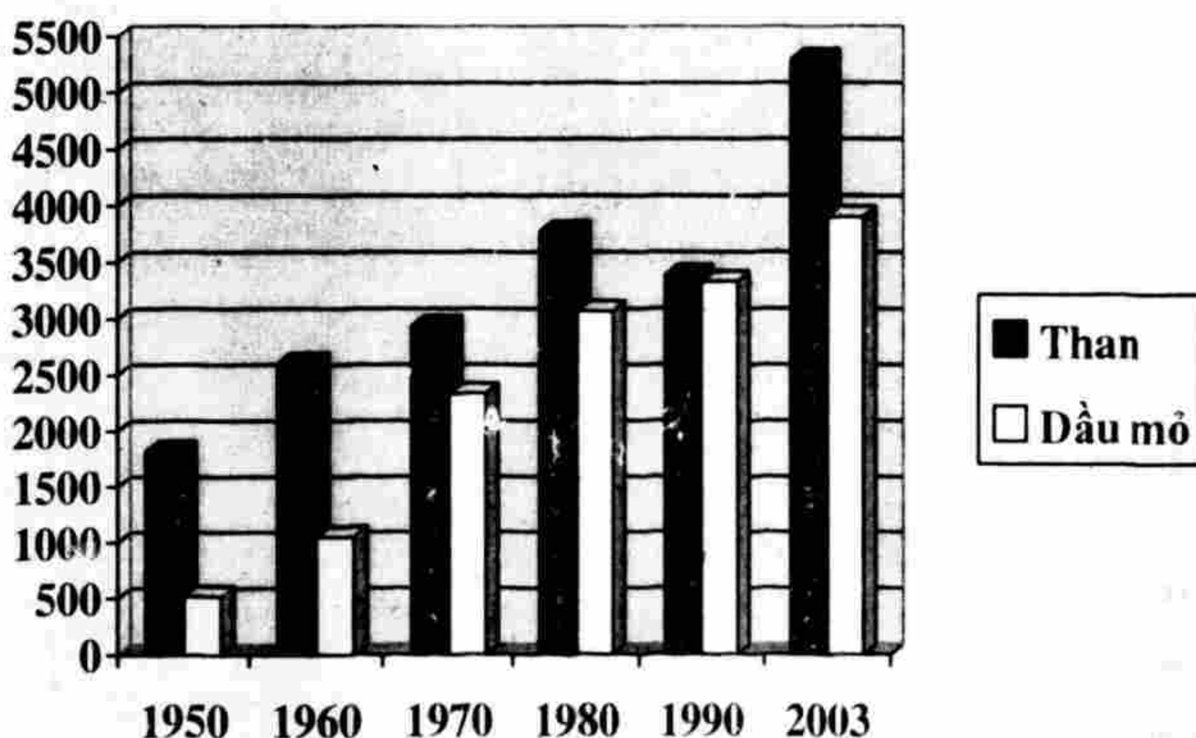
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6. |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | B | 1/C,2/A | B | C | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

| Kim loại màu | Sản lượng khai thác triệu tấn/năm | Nêu ba nước sản xuất nhiều nhất (thứ tự: 1-2-3) |
|---|---|---|
| Bô-xít | Khoảng 25 triệu tấn | Hoa Kì, Liên bang Nga, Canada |
| Đồng | Khoảng 15 triệu tấn | Chilê, Hoa Kì, Canada |
| Niken | Khoảng 1,1 triệu tấn | Liên bang Nga, Canada, Ôtrâylia |
| Kẽm | Khoảng 7,0 triệu tấn | Canada, Ôtrâylia, Pêru |

**Câu 2**: (3 điểm) Vẽ biểu đồ:




***(Biểu đồ sản lượng than và dầu mỏ trên thế giới)***

- **Nhận xét**:

  + Sản lượng than và dầu mỏ đều tăng

  + Sản lượng than tăng 2,9 lần

  + Sản lượng dầu mỏ tăng 7,4 lần

  + Sản lượng dầu mỏ tăng nhanh hơn sản lượng than.

# ĐỀ 60

Câu hỏi trắc nghiệm:

âu 1: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp nào được sản xuất một số sản phẩn là chưa từng có trong tự nhiên. Đó là sản phẩm của ngành công nghiệp?

A. Công nghiệp hoá chất

B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

C. Công nghiệp cơ khí

D. Công nghiệp năng lượng

âu 2: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp nào mà không tiêu hao nhiều nhiê ệu, ít gây ô nhiễm môi trường và cũng không cần diện tích rộng đó là gành công nghiệp?

A. Công nghiệp hoá chất
B. Công nghiệp điện tử, tin học
C. Công nghiệp luyện kim
D. Công nghiệp cơ khí

âu 3: (0,5 điểm) Hiện nay sản phẩm của ngành công nghiệp điện tử- tin ọc được chia thành mấy nhóm?

A. Có 3 nhóm
B. Có 4 nhóm
C. Có 5 nhóm
D. Có 6 nhóm

âu 4: (0,5 điểm) Các sản phẩm như Cao su tổng hợp, các chất dẻo, sợi ng hợp, xăm lốp ôtô do ngành nào sản xuất ra?

A. Ngành hoá chất cơ bản
B. Ngành hoá chất tổng hợp
C. Ngành hoá dầu
D. Ý A và C đúng

âu 5: (0,5 điểm) Nhóm nước nào sau đây có ngành công nghiệp hoá chấ p trung và phát triển mạnh?

A. Nhóm nước đang phát triển

B. Nhóm nước công nghiệp phát triển

C. Nhóm nước công nghiệp mới.

D. Nhóm nước phát triển và đang phát triển.

âu 6: (0,5 điểm) Những nước nào phát triển mạnh nhất ngành hoá chất cơ ản và sản phẩm chất dẻo?

A. Nhật Bản, Đức, Pháp.
B. Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc.
C. Liên bang Nga, Bra-xin, Pháp.
D. Ca-na-đa, Xin-ga-po, Chi-lê.

I. Câu hỏi tự luận:

âu 1: (4 điểm) Vai trò của ngành công nghiệp hoá chất.

âu 2: (3 điểm) Vai trò của ngành công nghiệp - điện tử.

## Đáp án và biểu điểm đề 60:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | B | B | B | B | B |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Ngành công nghiệp hoá chất có các vai trò sau:

- Sản xuất nhiều sản phẩm mới chưa từng có trong tự nhiên.
- Cung cấp các nguồn nguyên liệu tự nhiên, có giá trị sử dụng ca trong đời sống xã hội.
- Tận dụng các phế liệu của các ngành khác, tạo ra nhiều sản phẩ phong phú, đa dạng.
- Sử dụng các tài nguyên thiên nhiên hợp lí và tiết kiệm.

**Câu 2**: (3 điểm) Ngành công nghiệp - điện tử có các vai trò sau:

- Được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước.
- Là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của các nước.
- Ngày càng sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác

## ĐỀ 61

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Có các sản phẩm nào sau đây do ngành hoá chất cơ bả sản xuất?

A. Sợi hoá học, chất dẻo, cao su tổng hợp.

B. Phân bón, thuốc trừ sâu, Axít vô cơ.

C. Dược phẩm, các chất thơm.

D. Xăng, dầu hoá, sợi hoá học.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Cao su tổng hợp được sản xuất nhiều nhất thế giới là các nước nào?

A. Trung Quốc, Hàn Quốc. B. Hoa Kì, Nhật Bản.

C. Hàn Quốc, Anh. D. Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa.

**Câu 3**: (0,5 điểm) Các sản phẩm như: các chất dẻo, sợi hoá học, cao su tổn hợp là do ngành hoá chất nào sau đây sản xuất?

A. Hoá tổng hợp hữu cơ. B. Hoá chất cơ bản.

C. Hoá dầu. D. Hoá chất cơ bản và hoá dầu.

**Câu 4**: (0,5 điểm) Các nước nào sau đây có sản lượng phân hoá học nhiề nhất thế giới?

A. Ô-xtrây-li-a, Phi-lip-pin, liên bang Nga, Mê-hi-cô.

B. Ca-na-đa, Bra-xin, Thái Lan, Pháp.

C. Trung Quốc, Hoa Kì, Ấn Độ, Ca-na-đa.

D. Hoa Kì, Hàn Quốc, Thái Lan, Bra-xin.

**Câu 5**: (0,5 điểm) Các nước và lãnh thổ sản xuất và xuất khẩu máy tính nhiều nhất trên thế giới là:

A. Hoa Kì, Nhật Bản, Hàn Quốc.

B. Hoa Kì, Anh, Pháp.

C. Nhật Bản, Ca-na-đa, liên bang Nga.

D. Ca-na-đa, Hoa Kì, Ô-xtrây-li-a.

**Câu 6**: (0,5 điểm) Thiết bị viễn thông được sản xuất và xuất khẩu nhiều nhất ở các nước?

A. Hoa Kì, Anh, Pháp.
B. Hoa Kì, Nhật Bản, Hàn Quốc.

C. Nhật Bản, Liên bang Nga, Ca-na-đa.
D. Nhật Bản, Bra-xin, Đức.

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Ngành điện tử - tin học có những phân ngành và sản phẩm gì?

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hãy khái quát các phân ngành và sản phẩm của công nghiệp hoá chất?

## Đáp án và biểu điểm đề 61:

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | B | A | C | A | B |

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Ngành điện tử - tin học được phân thành 4 phân ngành:
  - Máy tình.
  - Thiết bị điện tử.
  - Điện tử tiêu dùng.
  - Thiết bị viễn thông.
- Các sản phẩm của từng phân ngành:
  - Máy tính: Thiết bị công nghệ, phần mềm,....
  - Thiết bị điện tử: Các tụ điện, linh kiện điện tử,...
  - Điện tử tiêu dùng: Ti vi màu, cát sét, đồ chơi điện tử,...
  - Thiết bị viễn thông: Điện thoại, máy fax,...

**Câu 2**: (3 điểm)

- Công nghiệp hoá chất có ba phân ngành:
  - Hoá chất cơ bản.
  - Hoá tổng hợp hữu cơ.
  - Hoá dầu.

• Các sản phẩm của từng phân ngành:

- Hoá chất cơ bản: Axit vô cơ, thuốc trừ sâu, phân bón, thuốc nhuộm,...
- Hoá tổng hợp hữu cơ: Cao su tổng hợp, sợi tổng hợp, các chất dẻo,...
- Hoá dầu: Xăng, dầu bôi trơn, dầu hoả, dược phẩm,...

## ĐỀ 62

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Đặc điểm nổi bật nào là của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm?

A. Quy trình sản xuất ít phức tạp.
B. Vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng ngắn.
C. Hiệu quả kinh tế cao và thu hồi vốn nhanh.
D. Các ý trên đúng.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp thế giới là sự ra đời của?

A. Xe hơi ở Hoa Kì. B. Máy dệt ở nước Anh.
C. Đầu máy xe lửa ở Ấn Độ. D. Hàng không vũ trụ.

**Câu 3**: (0,5 điểm) Các nước có ngành dệt may phát triển nhất trên thế giới là?

A. Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kì, Nhật Bản.
B. Hoa Kì, Anh, Pháp, Đức.
C. Ca-na-đa, Hàn Quốc, Trung Quốc, Liên bang Nga.
D. Nhật Bản, Hàn Quốc, Bra-xin, Xin-ga-po.

**Câu 4**: (0,5 điểm) Thị trường tiêu thụ hàng dệt may lớn nhất là thị trường?

A. EU, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc.
B. Hoa Kì, Hàn Quốc, Bra-xin, Ấn Độ.
C. Đông Nam Á, Mê-hi-cô, Bra-xin, Chi-lê.
D. EU, Nhật Bản, Bắc Mĩ, Liên bang Nga.

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp dệt may phát triển mạnh có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ngành nào?

A. Phát triển ngành nông nghiệp.
B. Phát triển ngành công nghiệp nặng.
C. Phát triển ngành công nghiệp hoá chất.
D. Các ý trên đúng.

**Câu 6**: (0,5 điểm) Công nghiệp thực phẩm và công nghiệp dệt may được phát triển mạnh là dựa vào yếu tố nào?

A. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.
B. Có nguồn nguyên liệu phong phú.
C. Có nguồn lao động dồi dào (nhất là lao động nữ)
D. Các ý trên đúng.

I. Câu hỏi tự luận:
:âu 1: (4 điểm) Hãy nêu vai trò của ngành công nghiệp dệt may?
:âu 2: (3 điểm) Ngành dệt may có những đặc điểm cơ bản nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 62:

. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | B | A | D | D | D |

I. Câu hỏi tự luận:
:âu 1: (4 điểm) Ngành công nghiệp dệt may có các vai trò sau:

- Giải quyết nhu cầu về may mặc sinh hoạt cho con người.
- Phát triển công nghiệp dệt – may có tác dụng thúc đẩy sự phát triển ủa các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp hoá chất và nông nghiệp.
- Giải quyết nhiều việc làm (nhất là lao động nữ).
- Tăng thêm thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động.

:âu 2: (3 điểm) Những đặc điểm cơ bản của công nghiệp dệt – may:

- Sử dụng nhiều lao động (nhất là lao động nữ)
- Ít gây ô nhiễm môi trường.
- Sử dụng điện, nước ở mức độ vừa phải.
- Vốn đầu tư không nhiều và thu hồi vốn nhanh.
- Thường phân bố ở các thành phố lớn.
- Phát triển mạnh ở tất cả các nước trên thế giới.

## ĐỀ 63

. Câu hỏi trắc nghiệm:

'âu 1: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp thực phẩm đóng vai trò quan trọng ong cơ cấu và giá trị sản xuất công nghiệp ở các nước nào?

A. Ở các nước đang phát triển.

B. Ở các nước công nghiệp phát triển.

C. Ở các nước công nghiệp mới.

D. Ở các nước đang phát triển và các nước công nghiệp phát triển.

'âu 2: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp thực phẩm phát triển mạnh sẽ làm ıng thêm giá trị sản phẩm của ngành?

A. Sản phẩm của ngành trồng trọt. B. Sản phẩm của ngành chăn nuôi.

B. Sản phẩm của ngành thuỷ, hải sản. D. Các ý trên đúng.

**Câu 3**: (0,5 điểm) Ở nước ta hiện nay, công nghiệp thực phẩm chiến khoảng bao nhiêu phần trăm giá trị sản lượng công nghiệp?

A. Khoảng 20%. B. Khoảng 25%.

C. Khoảng 30%. D. Khoảng 38%.

**Câu 4**: (0,5 điểm) Phân ngành nào sau đây của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

A. Ngành dệt - may.

B. Ngành da - giày, nhựa.

C. Ngành thuỷ tinh - sành - sứ - giấy - in.

D. Các ý trên đúng.

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp thực phẩm ở nước ta hiện nay chiến khoảng bao nhiêu phần trăm trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

A. Khoảng 25%. B. Khoảng 30%.

C. Khoảng 35%. D. Khoảng 40%

**Câu 6**. (0,5 điểm) Phân ngành nào sau đây là của ngành công nghiệp thực phẩ

A. Chế biến các sản phẩm từ trồng trọt.

B. Chế biến sản phẩm chăn nuôi.

C. Chế biến thuỷ, hải sản.

D. Các ý trên đúng.

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Cho bảng số liệu :

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới thời k 1950 – 2003.

| Năm / Sản phẩm | 1950 | 1960 | 1970 | 1980 | 1990 | 2003 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Điện (Tỉ kwh)** | 967 | 2304 | 4962 | 8247 | 11832 | 14851 |
| **Thép (Triệu tấn)** | 189 | 346 | 594 | 682 | 770 | 870 |

- Vẽ hai đường biểu diễn trên cùng một hệ toạ độ (cho 1950 = 100)

- Nhận xét và giải thích.

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy nêu vai trò của ngành công nghiệp thực phẩm? Côn nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

## Đáp án và biểu điểm đề 63:

**. Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | D | C | D | D | D |

**I. Câu hỏi tự luận:**

**'âu 1:** (4 điểm)

- Cách tính %:

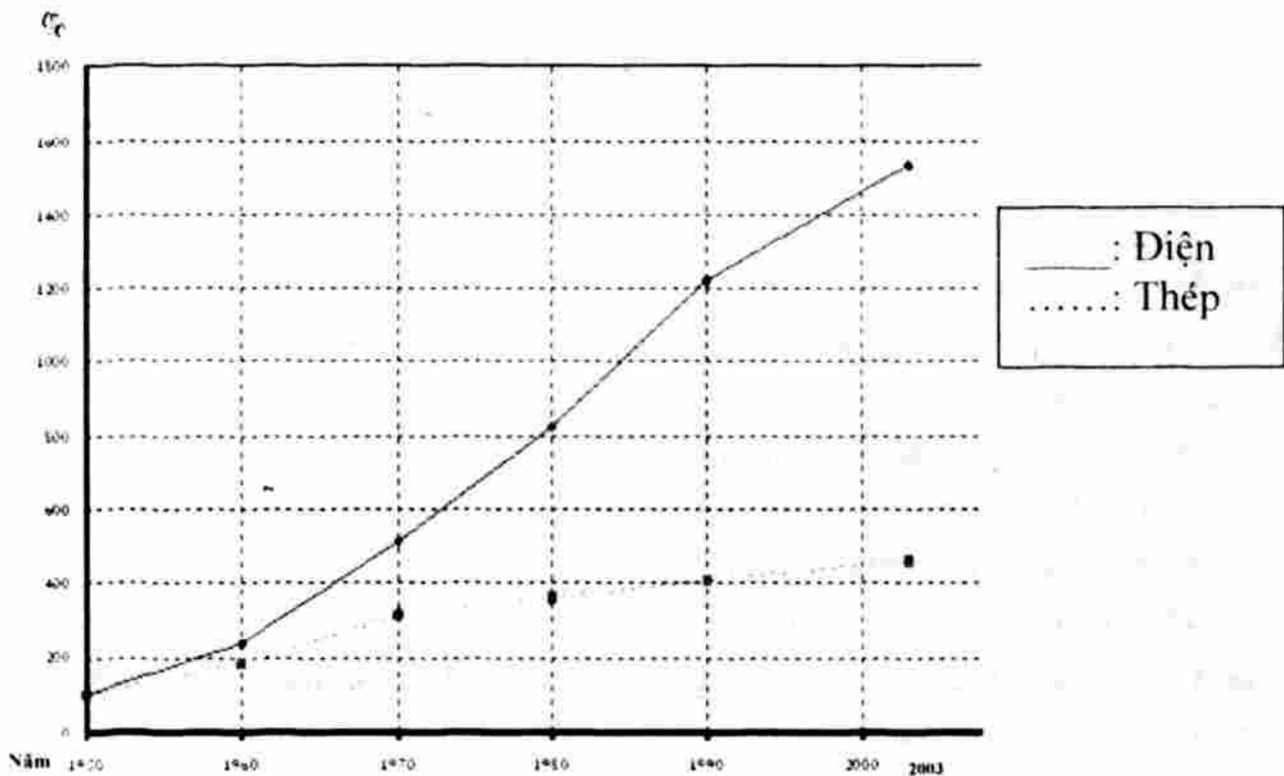
  - Điện: 1950 là 967 = 100 thì 1960 = $\frac{2304x100}{967}$

  - Thép: 1950 là 189 = 100 thì 1960 = $\frac{346x100}{189}$

- Lập bảng số liệu %:

| Năm | 1950 | 1960 | 1970 | 1980 | 1990 | 2003 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Điện | 100 | 238 | 513 | 823 | 1224 | 1535 |
| Thép | 100 | 183 | 314 | 361 | 407 | 460 |

- Vẽ biểu đồ:




- Nhận xét và giải thích:
  - + Điện:
    - Là ngành năng lượng trẻ, gắn liền phát triển của khoa học kĩ thuật.
    - Tốc độ phát triển nhanh, nhất là từ năm 1980 trở lại đây.

+ Thép:

▫ Sử dụng nhiều trong chế tạo máy, xây dựng, đời sống,….

▫ Tốc độ phát triển nhanh, nhất là từ năm 1970 trở lại đây.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Vai trò của ngành công nghiệp thực phẩm:

+ Đáp ứng nhu cầu ăn, uống cho con người ngày càng tinh vi, hiện đại.

+ Tiêu thụ và thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

+ Chế biến tốt sản phẩm nông nghiệp sẽ tăng chất lượng, dễ bảc quản, dễ sử dụng, thuận tiện vận chuyển, tăng thêm giá trị trên thị trường.

## ĐỀ 64

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Tổ chức lãnh thổ công nghiệp, chủ yếu có các hình thứ( nào sau đây?

A. Điểm công nghiệp.

B. Khu công nghiệp tập trung, trung tâm công nghiệp.

C. Vùng công nghiệp.

D. Tất cả các ý trên đúng.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Điều kiện nào sau đây quyết định đến các hình thức củ: tổ chức lãnh thổ công nghiệp?

A. Các điều kiện tự nhiên. B. Tiến bộ của khoa học - kĩ thuậ

C. Chính sách, kinh tế, dân cư. D. Các ý trên đúng.

**Câu 3**: (0,5 điểm) Với các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp sẽ thú( đẩy thành công chiến lược công nghiệp hoá và hiện đại hoá, đặc biệt là ( nhóm nước nào hiện nay?

A. Các nước công nghiệp phát triển.

B. Các nước công nghiệp mới. (NIC)

C. Các nước đang phát triển.

D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Khu công nghiệp tập trung ra đời và phát triển ở các nướ( tư bản vào giai đoạn nào?

A. Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

B. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

C. Sau chiến tranh thế giới thứ 2.

D. Vào những năm đầu thế kỉ XXI

**Câu 5**: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên đúng cho bảng sau:

| *Nước* | *Tên gọi khu công nghiệp. (Khu công nghiệp tập trung)* |
|---|---|
| 1. Hàn Quốc | A. Khu thương mại tự do |
| 2. Trung Quốc | B. Khu chế xuất. |
| 3. Ma-lai-xi-a | C. Đặc khu kinh tế. |
| 4. Đài Loan. | D. Các tên gọi khác nhau. |

**Câu 6**: (0,5 điểm) Thập kỉ nào mà ở Châu Á (trong đó có Việt Nam) xuất hiện và phát triển mạnh hình thức khu công nghiệp tập trung?

A. Thập kỉ 1950 – 1960.
B. Thập kỉ 1960 – 1970.
C. Thập kỉ 1970 – 1980.
D. Những năm đầu thế kỉ XXI

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy khái quát những đặc điểm chính của hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp?

**Câu 2**: (3 điểm) Nêu vai trò của công nghiệp sản xuất hành tiêu dùng?

## Đáp án và biểu điểm đề 64:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | D | C | B | 1/B,2/C,3/A,4/B | B |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Điểm công nghiệp:
  + Có 1 → 2 xí nghiệp gần nguyên, nhiên liệu
  + Có một điểm dân cư gắn liền
  + Các xí nghiệp không liên kết nhau
- Khu công nghiệp tập trung:
  + Vị trí thuận lợi và có ranh giới cụ thể
  + Tập trung tương đối nhiều xí nghiệp
  + Sản phẩm dùng trong nước, xuất khẩu
  + Có các dịch vụ hỗ trợ
- Trung tâm công nghiệp:
  + Vị trí thuận lợi, gắn với đô thị vừa và lớn
  + Có các xí nghiệp nòng cốt

+ Bao gồm điểm công nghiệp, khu công nghiệp, có liên kết nhau về sản xuất, kĩ thuật.

- Vùng công nghiệp:
  + Có vùng lãnh thổ rộng lớn
  + Có vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa
  + Có mối liên hệ sản xuất
  + Có tương đồng trong quá trình hình thành công nghiệp

**Câu 2**: (3 điểm) Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có vai trò sau:

- Sản xuất nhiều sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của nhân dân
- Giải quyết nhiều việc làm
- Sản phẩm có khả năng xuất khẩu
- Tiêu thụ nguồn nguyên liệu đa dạng

## ĐỀ 65

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Điểm công nghiệp là hình thức của tổ chức lãnh thổ công nghiệp có ưu điểm là?

A. Dễ thay đổi thiết bị

B. Tính cơ động, dễ ứng phó với các sự cố

C. Không bị lệ thuộc các xí nghiệp khác

D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Gắn với đô thị lớn, và vừa, có vị trí thuận lợi đó là hình thức của tổ chức lãnh thổ công nghiệp?

A. Khu công nghiệp tập trung  B. Trung tâm công nghiệp

C. Điểm công nghiệp  D. Vùng công nghiệp

**Câu 3**: (0,5 điểm) Tổ chức lãnh thổ công nghiệp có mấy hình thức chủ yếu?

A. 3 hình thức  B. 4 hình thức  C. 5 hình thức  D. 6 hình thức

**Câu 4**: (0,5 điểm) Với đặc điểm là các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân) nằm trong hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào?

A. Điểm công nghiệp  B. Trung tâm công nghiệp

C. Vùng công nghiệp  D. Khu công nghiệp tập trung

**Câu 5**: (0,5 điểm) Sản xuất công nghiệp có một vài ngành chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hoá. Đó là đặc điểm của?

A. Khu công nghiệp tập trung  B. Trung tâm công nghiệp

C. Vùng công nghiệp  D. Điểm công nghiệp

**Câu 6**: (0.5 điểm) Đặc điểm nào sau đây đúng của khu chế xuất?

A. Thu hút vốn đầu tư của nước ngoài

B. Sản phẩm công nghiệp hướng ra xuất khẩu

C. Tiếp thu công nghệ tiên tiến

D. Các ý trên đúng

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm) Tại sao các nước đang phát triển châu Á, trong đó có Việt Nam phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung?

**Câu 2**: (3 điểm) Nêu vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp?

## Đáp án và biểu điểm đề 65:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | B | B | B | C | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Khu công nghiệp tập trung phát triển mạnh ở các nước đang phát triển châu Á, trong đó Việt Nam vào giai đoạn 1960-1970 của thế kỉ XX

- Là vì:

+ Các nước đang phát triển ở châu Á và Việt Nam đang thực hiện công nghiệp hoá, với chiến lược công nghiệp hướng ra xuất khẩu.

+ Thu hút kĩ thuật và công nghệ hiện đại của các nước tiên tiến

+ Thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài

+ Trao đổi học hỏi kinh nghiệm quản lí của các nước công nghiệp phát triển.

**Câu 2**: (3 điểm) Tổ chức lãnh thổ công nghiệp có các vai trò sau:

- Luôn phát triển từ hình thức đơn giản, trình độ thấp sang hình thức phức tạp có trình độ cao hơn.

- Đem lại hiệu quả cao về kinh tế- xã hội và môi trường

- Sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên và lao động

- Góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hóa đất nước.

# CHƯƠNG IX
# ĐỊA LÍ DỊCH VỤ

## ĐỀ 66

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Trong các ngành kinh tế thì ngành nào được coi là một khu vực có cơ cấu ngành hết sức phức tạp nhất?

A. Các ngành trong sản xuất nông nghiệp
B. Các ngành dịch vụ
C. Các ngành trong công nghiệp nhẹ
D. Công nghiệp thực phẩm

**Câu 2**: (0,5 điểm) Ở nhiều nước trên thế giới người ta chia các ngành dịch vụ thành mấy nhóm?

A. 2 nhóm B. 3 nhóm
C. 4 nhóm D. 5 nhóm

**Câu 3**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự phát triển cơ cấu ngành dịch vụ?

A. Số dân và sức mua của dân cư B. Tỉ lệ gia tăng dân số
C. Kết cấu theo độ tuổi, theo giới tính D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Các ngành dịch vụ tiêu dùng được phân bố và phát triển mạnh khi được gắn bó mật thiết với vùng?

A. Vùng phân bố dân cư B. Vùng sản xuất nguyên liệu
C. Vùng công nghiệp D. Khu công nghiệp tập trung

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ở nhiều nước trên thế giới người ta chia các ngành dịch vụ ra thành những nhóm nào?

A. Nhóm dịch vụ kinh doanh B. Nhóm dịch vụ tiêu dùng
C. Nhóm dịch vụ công cộng D. Các ý trên đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Các nước nào có tỉ trọng các ngành dịch vụ hàng năm trong cơ cấu GDP trên 60%?

A. Các nước đang phát triển
B. Các nước phát triển
C. Các nước công nghiệp mới
D. Các nước phát triển và các nước công nghiệp mới

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu ý nghĩa của các ngành dịch vụ đối với sản xuất và đời sống xã hội.

**Câu 2**: (3 điểm) Nêu sự phân loại của các ngành dịch vụ

## Đáp án và biểu điểm đề 66:

. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | B | D | A | D | B |

**I. Câu hỏi tự luận:**

**'âu 1**: (4 điểm) Ý nghĩa các ngành dịch vụ:

- Các ngành dịch vụ có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất hát triển
- Sử dụng tốt hơn nguồn lao động trong nước tạo thêm việc làm
- Phát triển các ngành dịch vụ sẽ khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên hiên và sự ưu đãi của tự nhiên
- Phát triển các ngành dịch vụ có tác động nhiều mặt tới nền kinh tế và ự phát triển xã hội

**'âu 2**: (3 điểm) Phân loại các ngành dịch vụ

- Nhiều nước trên thế giới chia các ngành dịch vụ thành 3 nhóm: Dịch ụ kinh doanh, Dịch vụ tiêu dùng, Dịch vụ công
- Dịch vụ kinh doanh: giao thông, thông tin liên lạc, tài chính,...
- Dịch vụ tiêu dùng: Buôn bán, du lịch, y tế, giáo dục,...
- Dịch vụ công: hành chính công, hoạt động các đoàn thể,...

## ĐỀ 67

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**'âu 1**: (0,5 điểm) Số người hoạt động trong các ngành dịch vụ ở các nước hát triển khoảng bao nhiêu phần trăm?

A. Từ 50 đến 55% | B. Từ 55 đến 60%
C. Trên 60% | D. Trên 70%

**'âu 2**: (0,5 điểm) Ở các nước đang phát triển tỉ lệ lao động trong khu vực ịch vụ khoảng?

A. Khoảng 20% | B. Khoảng 25%
C. Khoảng 30% | D. Khoảng 40%

**'âu 3**: (0,5 điểm) Ở nhiều nước trên thế giới ngành nào được thường gọi là: ngành công nghiệp không khói"?

A. Ngành sản xuất nông nghiệp. | B. Các ngành dịch vụ.
C. Nuôi trồng thủy, hải sản. | D. Các ý trên đều sai.

**'âu 4**: (0,5 điểm) Trong GDP ở các nước đang phát triển thì tỉ trọng của ác ngành dịch vụ chiếm khoảng?

A. Trên 25% | B. Trên 30%
C. Từ 35% đến 40% | D. Dưới 50%

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ở nước ta tỉ lệ lao động trong các ngành dịch vụ chiế khoảng bao nhiêu phần trăm lao động cả nước (2003)

A. Trên 23% B. Trên 30%

C. Trên 35% D. Trên 40%

**Câu 6**: (0,5 điểm) Trên thế giới các thành phố cực lớn, đồng thời cũng các trung tâm dịch vụ lớn nhất là?

A. Si-ca-gô (Hoa Kì) xin-ga-po, Xao-pao-lô (Bra-xin)

B. Niu-Iooc (Hoa kì), Luân Đôn (Anh), Tô-ki-ô (Nhật Bản).

C. Oa-sinh-tơn (Hoa kì), Pari (Pháp), Bruc-xen (Bỉ)

D. Mát-xcơ-va (Liên bang Nga), Bắc Kinh (Trung Quốc)

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Tại sao các thành phố cực lớn, đồng thời cũng là các trung tâm dịch vụ lớn?

**Câu 2**: (3 điểm) Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố cá ngành dịch vụ?

## Đáp án và biểu điểm đề 67:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | C | B | D | A | B |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Các thành phố cực lớn, đồng thời cũng là các trung tâ dịch vụ lớn, là do:

- Các thành phố lớn là môi trường nhân tạo. Cần đáp ứng nhu cầu cho dâ cư như: lương thực, thực phẩm, nguồn năng lượng, nước,... từ bên ngoài.
- Mức sống dân cư thành thị nhìn chung là cao.
- Các thành phố lớn thường là các trung tâm chính trị cua cả nước, hoặ địa phương.
- Vì vậy, các ngành dịch vụ, kinh doanh tiêu dùng, dịch vụ công cộn cũng tập trung và phát triển mạnh.

**Câu 2**: (3 điểm) Sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ tuỳ thuộc và các nhân tố sau:

- Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động.
- Qui mô cơ cấu dân số, sự phân bố dân cư.
- Phong tục tập quán, truyền thống văn hoá.
- Thu nhập thực tế, mức sống dân cư.
- Tài nguyên nhiên nhiên, tài nguyên văn hoá,...
- Sự phát triển của cơ sở hạ tầng.

# ĐỀ 68

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

**âu 1**: (0,5 điểm) Giao thông vận tải là ngành dịch vụ nhưng có tính chất là gành sản xuất đặt biệt, vì:

A. Có các loại hình giao thông B. Tạo ra sản phẩm mới

C. Không tạo ra sản phẩm mới D. Có cơ sở hạ tầng khá tốt.

**âu 2**: (0,5 điểm) Vùng nào sau đây nằm gần các đầu mối giao thông hoặc ác tuyến vận tải chính?

A. Vùng đông dân cư.

B. Vùng phân bố các ngành dịch vụ

C. Vùng tập trung các ngành sản xuất.

D. Các ý trên đúng.

**âu 3**: (0,5 điểm) Phát triển các loại hình giao thông vận tải sẽ ảnh hưởng ến sự thay đổi yếu tố nào?

A. Thay đổi các cơ sở kinh tế. B. Thay đổi phân bố các điểm dân cư.

C. Thay đổi phân bố sản xuất. D. Các ý trên đúng.

**âu 4**: (0,5 điểm) Số tấn hàng hoá và số hành khách được vận chuyển ường được gọi là tiêu chí nào?

A. Khối lượng vận chuyển

B. Khối lượng luân chuyển

C. Cự li vận chuyển trung bình.

D. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển.

**âu 5**: (0,5 điểm) Trong giao thông vận tải thì hành khách được tính bằng gười/km và hàng hoá được tính bằng tấn/km, thì gọi là?

A. Khối lượng vận chuyển B. Khối lượng luân chuyển

C. Cự li vận chuyển trung bình D. Các ý trên đúng

**âu 6**: (0,5 điểm) Yếu tố nào được thể hiện tiêu chí của cự li vận chuyển ung bình?

A. Số hàng hoá và hành khách được tính bằng km.

B. Tính bằng người/km, hàng hoá tấn/km

C. Số hành khách và số hàng hoá được vận chuyển.

D. Các ý trên sai.

**I. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Nêu vai trò của ngành giao thông vận tải?

**âu 2**: (3 điểm) Ngành giao thông vận tải có những đặc điểm gì?

## Đáp án và biểu điểm đề 68:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | D | D | A | B | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Vai trò của ngành giao thông vận tải:

- Đảm bảo các quá trình sản xuất xã hội diễn ra liên tục và bình thường.
- Là nhân tố quan trọng trong phân bố sản xuất, phân bố dân cư.
- Đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân.
- Thúc đẩy hoạt động kinh tế-văn hoá ở các vùng núi xa xôi.
- Củng cố tính thống nhất của nền kinh tế.
- Tăng cường sức mạnh quốc phòng.
- Tạo nên mối giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới.

**Câu 2**: (3 điểm) Đặc điểm của ngành giao thông vận tải:

- Là ngành dịch vụ đồng thời có tính chất là ngành sản xuất vật ch đặc biệt.
- Không tạo ra sản phẩm mới.
- Để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải hay dùng tiêu ch
  + Khối lượng vận chuyển.
  + Khối lượng luân chuyển.
  + Cự li vận chuyển trung bình.

## ĐỀ 69

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây để đánh giá chất lượng sản phẩm cı ngành giao thông vận tải?

A. Sự an toàn cho hành khách, hàng hoá B. Sự tiện nghi
C. Tốc độ chuyên chở D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Ảnh hưởng sâu sắc nhất tới hoạt động của các phươr tiện giao thông vận tải chính là?

A. Dạng địa hình
B. Khí hậu và thời tiết
C. Cơ sở hạ tầng của giao thông
D. Lực lượng lao động trong ngành giao thông

:âu 3: (0,5 điểm) Ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển, phân bố và các oạt động giao thông vận tải là?

A. Sự tập trung dân cư
B. Sự phát triển các ngành kinh tế
C. Sự phân bố các ngành kinh tế
D. Các ý trên đúng

:âu 4: (0,5 điểm) Nước nào trên thế giới có hệ thống giao thông hiện đại nhất?

A. Hoa Kì
B. Nhật Bản
C. Liên bang Nga
D. Đức

:âu 5: (0,5 điểm) Phương tiện vận tải đặc trưng của vùng hoang mạc ıường sử dụng là?

A. Ôtô
B. Đường sắt
C. Lạc đà
D. Đường sông

:âu 6: (0,5 điểm) Nhân tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố gành giao thông vận tải?

A. Điều kiện tự nhiên
B. Điều kiện kinh tế xã hội
C. Ý A và B đúng
D. Ý A và B sai

**I. Câu hỏi tự luận:**

:**âu 1**: (4 điểm) Tại sao người ta nói: Để phát triển kinh tế văn hoá miền úi, giao thông vận tải phải đi trước một bước?

:**âu 2**: (3 điểm) Hãy kể một số phương tiện giao thông đặc trưng ở vùng oang mạc, vùng băng giá, các đảo quốc?

## Đáp án và biểu điểm đề 69:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | B | D | A | C | C |

**I. Câu hỏi tự luận**:

:**âu 1**: (4 điểm)

- Địa hình miền núi bị chia cắt lớn.
- Để phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, giao thông vận tải phải đi ước một bước, là vì:

+ Tạo điều kiện khai thác các thế mạnh ở miền núi như: khoáng sản, im sản, chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện.

+ Thúc đẩy giao lưu các địa phương ở miền núi, giữa miền núi với ồng bằng.

+ Thúc đẩy phát triển công nghiệp, đô thị ở miền núi.

+ Thu hút dân cư từ đồng bằng lên miền núi, thúc đẩy phân công lao ộng theo lãnh thổ.

+ Hình thành cơ cấu kinh tế miền núi, phát triển các dịch vụ.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Ở vùng băng giá gần cực bắc: xe quẹt (thô sơ) và các phương tiệ hiện đại (tàu phá băng nguyên tử, trực thăng,...)

- Ở vùng hoang mạc: Lạc Đà (thô sơ) và các phương tiện hiện đại (x ô tô, trực thăng)

- Ở các đảo quốc: Anh, Nhật Bản, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a)

Vai trò của ngành hàng hải.

## ĐỀ 70

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Hiệu quả kinh tế cao ở cự li vận chuyển ngắn, trung bình thích nghi với các dạng địa hình. Đó là đặc điểm của loại hình giao thông nào?

A. Đường sắt | B. Ôtô

C. Đường sông | D. Hàng không

**Câu 2**: (0,5 điểm) Sự phân bố mạng lưới đường sắt trên thế giới phản án khá rõ của sự phân bố vùng?

A. Vùng tập trung công nghiệp

B. Vùng khai thác khoáng sản

C. Vùng chuyên canh cây công nghiệp

D. Vùng chăn nuôi đại gia súc

**Câu 3**: (0,5 điểm) Tổng chiều dài đường sắt trên thế giới hiện nay khoản bao nhiêu triệu km?

A. Khoảng 1 triệu km | B. Khoảng 1,2 triệu km

C. Khoảng 1,5 triệu km | D. Khoảng 2 triệu km

**Câu 4**: (0,5 điểm) Chở nặng, đi xa, tốc độ nhanh và giá cước phí thấp đó l đặc điểm của ngành giao thông vận tải nào?

A. Ngành ôtô | B. Ngành đường sắt

C. Ngành đường biển | D. Ngành hàng không

**Câu 5**: (0,5 điểm) Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến các khổ đường sắ rộng khác nhau trên thế giới?

A. Do liên quan đến sức kéo | B. Do nhu cầu vận chuyển

C. Do vấn đề quốc phòng | D. Các ý trên đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Trong giao thông đường sắt thì đường ray khổ tiêu chuẩ và khổ rộng là?

A. Từ 1m đến 1,2m | B. Từ 1,2m đến 1,4m

C. Từ 1,4m đến 1,6m | D. Từ 1,5m đến 1,7m

I. Câu hỏi tự luận:

:âu 1: (4 điểm) Mạng lưới sông ngòi dày đặc ở nước ta có ảnh hưởng như ıế nào đến ngành giao thông vận tải?

:âu 2: (3 điểm) Tại sao châu Âu và vùng đông bắc Hoa Kì mạng lưới ường sắt có mật độ cao?

## Đáp án và biểu điểm đề 70:

. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | A | B | B | D | C |

I. Câu hỏi tự luận:

:âu 1: (4 điểm)

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc thuận lợi cho ngành vận tải đường ông (ở nước ta vận tải đường sông có khối lượng vận chuyển hàng hoá ứng thứ 2 sau đường ôtô).
- Mạng lưới sông ngòi dày đặc lại không thuận lợi cho vận tải đường tô và đường sắt vì:
  + Phải làm nhiều cầu, khá tốn kém.
  + Dễ gây tắc ngẽn giao thông trong mùa lũ (được thể hiện rõ ở tuyến uốc lộ 1A, đường sắt thống nhất)

:âu 2: (3 điểm)

- Hai vùng châu Âu và đông bắc Hoa Kì phát triển mạnh nền công ghiệp tư bản chủ nghĩa lâu đời.
- Sự hình thành và phát triển đường sắt ở đây nhằm đáp ứng yêu cầu ận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của nền công nghiệp
- Hai vùng trên nằm ven hai bờ đại tây dương có nhiều hải cảng lớn.

## ĐỀ 71

. Câu hỏi trắc nghiệm:

:âu 1: (0,5 điểm) Trên các tuyến đường sắt tối tân nhất trên thế giới thì tốc ộ chạy tàu là?

A. Từ 100km đến 150km/h B. Từ 150km đến 200km/h

C. Từ 250km đến 300km/h D. Từ 300km đến 400km/h

:âu 2: (0,5 điểm) Ở Hoa Kì và Tây Âu vận tải bằng ôtô đang bị ngành giao ıông nào cạnh tranh khốc liệt?

A. Ngành hàng không B. Ngành đường sắt

C. Ngành đường sông D. Ngành đường biển

**Câu 3**: (0,5 điểm) Trên thế giới tàu đường sắt chạy trên đệm từ, có thể đạ tốc độ là?

A. Tốc độ 350km/h B. Tốc độ 400km/h

C. Tốc độ 450km/h D. Tốc độ 500km/h

**Câu 4**: (0,5 điểm) Sự phát minh ra đường ray và chế tạo ra đầu máy hơ nước đã mở ra kỉ nguyên của ngành đường sắt vào thời kì nào?

A. Từ đầu thế kỉ XVIII B. Từ đầu thế kỉ XIX

C. Từ đầu thế kỉ XX D. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai

**Câu 5**: (0,5 điểm) Trên thế giới khu vực nào sau đây, mạng lưới đường sắ có mật độ cao nhất?

A. Châu Âu B. Vùng đông bắc Hoa Kì

C. Châu Âu và vùng Đông nam Á D. Ý A và B đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Xu hướng đổi mới trong vận tải đường sắt trên thế giới là?

A. Đổi mới về sức kéo B. Đổi mới về toa xe

C. Đổi mới về đường ray D. Các ý trên đúng

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt ở các hoang mạc nhiệt đớ ảnh hưởng đến ngành giao thông vận tải như thế nào?

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy phân tích tác động của công nghiệp tới sự phát triển v phân bố của ngành giao thông vận tải?

## Đáp án và biểu điểm đề 71:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | C | B | D | B | D | D |

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Ở hoang mạc không có điều kiện phát triển vận tải đường sông v đường sắt
- Vận tải bằng ôtô cũng trở ngại do cát bay và bão cát sa mạc
- Vận tải bằng trực thăng có ưu việt
- Vận tải phổ biến nhất là lạc đà

**Câu 2**: (3 điểm)

- Sự phát triển các trung tâm công nghiệp lớn và sự tập trung hoá lãnh thổ sản xuất công nghiệp sẽ tăng nhu cầu vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm
- Làm mở rộng vùng cung cấp nguyên, nhiên liệu và vùng tiêu thụ sản phẩ
- Làm tăng khối lượng hàng hoá vận chuyển, luân chuyển và tăng cự l vận chuyển.

# ĐỀ 72

## . Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Chiếm khối lượng vận chuyển lớn nhất hiện nay là ngành vận tải nào?

A. Vận tải đường biển B. Vận tải đường ôtô

C. Vận tải đường sắt D. Vận tải đường hàng không

**Câu 2**: (0,5 điểm) Loại phương tiện vận tải nào phối hợp được với hoạt động của các phương tiện vận tải khác?

A. Vận tải đường biển B. Vận tải đường sắt

C. Vận tải ôtô D. Vận tải hàng không

**Câu 3**: (0,5 điểm) Để đáp ứng yêu cầu vận chuyển đa dạng của khách hàng thì ưu điểm của ngành giao thông nào?

A. Giao thông ôtô B. Giao thông đường sắt

C. Giao thông đường sông D. Giao thông đường biển

**Câu 4**: (0,5 điểm) Gây ô nhiễm không khí nhiều nhất là loại giao thông nào hiện nay?

A. Giao thông đường biển B.Giao thông ôtô

C. Giao thông đường sắt D. Giao thông đường hàng không

**Câu 5**: (0,5 điểm) Khu vực và quốc gia nào có số người sử dụng xe du lịch nhiều nhất thế giới?

A. Nhật Bản và Đông nam Á B. Hoa Kì và châu Mĩ La Tinh

C. Hoa Kì và Tây Âu D. Liên bang Nga và Tây Á

**Câu 6**: (0,5 điểm) Cầu Pon-sa-Tren I dài nhất thế giới, dành cho xe ôtô qua hồ Pon-sa-tren ở Hoa Kì dài bao nhiêu?

A. Dài: 34822m B. Dài 38422m

C. Dài 32824m D. Dài 37600m

## I. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Liệt kê các vấn đề nghiêm trọng về môi trường liên quan đến sự phát triển ồ ạt công nghiệp ôtô trên thế giới?

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy nêu ưu điểm và nhược điểm của giao thông vận tải ôtô

## Đáp án và biểu điểm đề 72:

## . Câu hỏi trắc nghiệm:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | C | A | B | C | B |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Sử dụng nhiều nguyên liệu kim loại
- Sử dụng nhiều nhiên liệu dầu mỏ
- Mạng lưới đường, nơi đỗ ôtô chiếm nhiều diện tích
- Tình trạng ô nhiễm không khí, tiếng ồn nhất là ở các thành phố lớn
- Tình trạng ùn tắc giao thông
- Tai nạn giao thông không ngừng tăng lên

**Câu 2**: (3 điểm)

- Ưu điểm:

+ Sự tiện lợi tính cơ động và khả năng thích nghi cao với các điề kiện địa hình

+ Có hiệu quả kinh tế cao trên các cự li vận chuyển ngắn và trung bình.

+ Đáp ứng các yêu cầu vận chuyển đa dạng khách hàng

+ Ôtô phối hợp được với hoạt động của các loại giao thông khác

- Nhược điểm: Trọng tải ít, giá chi phí cao, vùng miền núi giao thôn nguy hiểm.

## ĐỀ 73

**I. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 điểm) Khoảng một nửa chiều dài đường ống trên thế giới đượ xây dựng nhanh nhất ở giai đoạn nào?

A. Đầu thế kỉ XIX　　B. Cuối thế kỉ XIX

C. Đầu thế kỉ XX　　D. Sau năm 1950

**Câu 2**: (0,5 điểm) Sự phát triển của ngành vận tải đường ống gắn liền vó nhu cầu vận chuyển gì?

A. Vận chuyển dầu mỏ　　B. Vận chuyển khí đốt

C. Vận chuyển các sản phẩm dầu mỏ　　D. Các ý trên đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Những nước và vùng nào sau đây có hệ thống ống dẫ dài và dày đặc nhất thế giới?

A. Khu vực Trung Đông　　B. Hoa Kì, Liên bang Nga, Trung Quố

C. Braxin, Mêhicô, Chi Lê　　D. Ý A và B đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Ở nước ta ống dẫn dầu thô và sản phẩm dầu mỏ dà khoảng bao nhiêu km?

A. Khoảng 400km　　B. Khoảng 700km

C. Khoảng 900km　　D. Khoảng 1200km

**Câu 5**: (0,5 điểm) Có hệ thống ống dẫn dài và dày đặc nhất thế giới là nước nào sau đây?

A. Trung Quốc B. Hoa Kì

C. Liên bang Nga D. I-Rắc

**Câu 6**: (0,5 điểm) Đường ống dẫn khí đồng hành từ mỏ Bạch Hổ ở nước ta dài là?

A. 170Km B. 210Km C. 250Km D. 300Km

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu ý nghĩa kinh tế kỉ thuật của việc xây dựng hệ thống đường ống?

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy nêu ưu điểm và phân bố ngành vận tải bằng đường ống?

## Đáp án và biểu điểm đề 73:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | D | D | A | B | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Vận tải bằng đường ống là loại hình vận tải rất rẽ, được xây dựng nhanh nhất là sau năm 1950
- Gắn liền với vận chuyển dầu mỏ, khí đốt và sản phẩm dầu mỏ
- Vận tải bằng đường ống đòi hỏi phải có công nghệ tiên tiến (có thiết bị kiểm soát áp suất trong ống, thiết bị xử lí kịp thời khi xảy ra sự cố,..)
- Lắp đặt các đường ống dẫn dầu, khí dưới biển càng phức tạp hơn (nhất là vùng biển có sóng lớn, bão,..)

**Câu 2**: (3 điểm)

- Ưu điểm:
  + Giá vận tải rẽ
  + Không chuyển dịch trong quá trình vận tải
- Phân bố nhiều nhất:
  + Gắn liền sự phát triển và phân bố với ngành công nghiệp dầu, khí
  + Phân bố dày đặc ở khu vực Trung Đông, Hoa Kì, Liên bang Nga, Trung Quốc

## ĐỀ 74

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Ba nước nào sau đây phát triển mạnh giao thông đường sông, hồ là?

A. Hoa Kì, Liên bang Nga và Canada

B. Liên bang Nga, Braxin và Pháp

C. Nhật Ban, Hàn Quốc và Việt Nam

D. Anh, Đức và Tây Ban Nha

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hai đường sông quan trọng nhất ở châu Âu là sông?

A. Sông Vônga và sông Đôn B. Sông Rainơ và sông Đanuyp

C. Sông Vônga và sông Rainơ D. Sông Đanuyp và sông Đôn

**Câu 3**: (0,5 điểm) Hoa kì có năm hồ là: Hồ thượng, hồ Misigôn, hồ Hurôn, hồ Êri và hồ Ôntariô với tổng diện tích các hồ là?

A. 254050 $Km^2$ B. 245050 $Km^2$

C. 202550 $Km^2$ D. 225500 $Km^2$

**Câu 4**: (0,5 điểm) Việc buôn bán giữa ba trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới là EU Hoa Kì và Nhật Bản đều được thực hiện chủ yếu bằng loại giao thông nào?

A. Giao thông hàng không B. Giao thông đường biển

C. Giao thông đường ôtô D. Ý A và B đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây có tác động thúc đẩy đến sự phát triển ngành giao thông đường biển?

A. Nhu cầu về tài nguyên, nguyên liệu để sản xuất

B. Do sự mở rộng buôn bán quốc tế

C. Do sự phát triển của nền kinh tế

D. Quan hệ quốc tế được mở rộng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Giao thông vận tải đường biển chiếm bao nhiêu khối lượng luân chuyển so với các phương tiện vận tải khác?

A. Chiếm 1/5 B. Chiếm 2/5 C. Chiến 3/5 D. Chiếm 4/5

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu những ưu điểm và nhược điểm của ngành giao thông đường sắt

**Câu 2**: (3 điểm) Tại sao phần lớn các hải cảng lớn trên thế giới lại phân bố chủ yếu ở hai bờ Đại Tây Dương?

## Đáp án và biển điểm đề 74:

I. **Câu hỏi trắc nghiệm**:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | B | B | B | B | C |

II. **Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Ưu điểm:
  + Vận chuyển được các hàng nặng
  + Thực hiện vận chuyển trên những tuyến đường xa, có tốc độ nhanh
  + An toàn cao
  + Ổn định và giá vận chuyển rẽ
- Nhược điểm:
  + Cơ động kém (chỉ có một đường)
  + Xây dựng đường lâu, quá tốn kém

**Câu 2**: (3 điểm)

- Hai bờ Đại Tây Dương (chủ yếu là Bắc băng dương) là hai trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới là EU và Bắc Mĩ
- Các cảng ở đây vừa có hậu phương cảng rộng lớn và phát triển
- Có vùng tiền cảng rất phát triển

# ĐỀ 75

I. **Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1**: (0,5 điểm) Trên các đường biển quốc tế thì sản phẩm nào được vận chuyển nhiều nhất?

A. Sản phẩm nông sản  B. Sản phẩm công nghiệp nặng
C. Dầu thô và sản phẩm của dầu mỏ  D. Sản phẩm hàng tiêu dùng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Nối liền địa trung hải và biển đỏ là kênh đào nào sau đây?

A. Kênh Xuy-ê  B. Kênh Pa-na-ma
C. Kênh kiên  D. Các ý trên sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Quốc gia nào hiện nay có đội tàu buôn lớn nhất thế giới?

A. Hoa Kì  B. Nhật Bản
C. Anh  D. Ôtrâylia

**Câu 4**: (0,5 điểm) Kênh đào Pa-na-ma nối liền biển và đại dương nào?

A. Biển Ban Tích và Biển Bắc  B. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương
C. Biển Đỏ và Địa Trung Hải  D. Biển Bắc và Biển Đỏ

**Câu 5**: (0,5 điểm) Hoạt động hàng hải ở Ấn Độ dương và Thái bình dương ngày càng sầm uất, là do sự phát triển công nghiệp mạnh mẽ của các nước nào?

A. Hàn Quốc và Xingapo
B. Nhật Bản và Trung Quốc
C. Hàn Quốc và Bắc Triều Tiên
D. Trung Quốc và Xingapo

**Câu 6**: (0,5 điểm) Kênh Ki-en được nối liền hai biển nào sau đây?

A. Biển Ban-Tích và Biển Bắc
B. Biển Ban Tích và Biển Đỏ
C. Địa Trung Hải và Biển Đỏ
D. Biển Ban Tích và Địa Trung Hải

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Những đầu mối giao thông quan trọng như Niu-iooc, Mê-hi-cô xi-ti, Riôđê Gianêrô, Hôntôlulu, Luân Đôn, Pari, Rôttécđam, Tôkiô, Bắc Kinh, Mátxcơva, Xítni nằm ở quốc gia nào?

**Câu 2**: (3 điểm) Tại sao Rôt-tec-đam có thể trở thành cảng lớn nhất thế giới?

## Đáp án và biểu điểm đề 75:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | A | B | B | B | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Niu-Iooc (Hoa Kì), Mê-hi-cô xi-ti (Mêhicô), Ri-ôđê Gia-nê-rô Braxin), Hôn-tô-lu-lu (ở Thái bình dương của Hoa Kì), Luân Đôn (Anh Quốc), Pari (Pháp), Rôt-téc-đam (Hà Lan), Tô-ki-ô (Nhật Bản), Bắc Kinh (Trung Quốc), Mátxcơva (Nga), Xít-ni (Ôxtrâylia).

**Câu 2**: (3 điểm)

- Rôt-tec-đam là cảng lớn nhất EU
- Là cửa ngõ ra biển thuận tiện nhất của EU (các tuyến đường sắt, đường sông và cả đường ôtô xuyên lục địa châu Âu dẫn đến Rôt-tec-đam).
- Sự phát triển kinh tế của EU đã làm cho Rôt-tec-đam trở thành hải cảng lớn nhất thế giới.

# ĐỀ 76

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Trên thế giới hiện nay có khoảng bao nhiêu sân bay dân dụng đang hoạt động?

A. Khoảng 3500 sân bay
B. Khoảng 4000 sân bay
C. Khoảng 4500 sân bay
D. Khoảng 5000 sân bay

:âu 2: (0,5 điểm) Quốc gia và khu vực nào trên thế giới chiếm gần 1/2 sân ay quốc tế?

A. Trung Quốc và Đông Nam Á B. Nhật Bản và Tây Âu

C. Liên bang Nga và Bắc Mĩ D. Hoa Kì và Tây Âu

:âu 3: (0,5 điểm) Những nước nào sau đây được xem là các cường quốc àng không trên thế giới?

A. Hoạ Kì, Anh, Pháp, Liên bang Nga

B. Nhật Bản, Đức, Anh, Hàn Quốc

C. Hoa Kì, Canada, Braxin, Tây Ban Nha

D. Canada, Trung Quốc, Ấn Độ, Xigapo

:âu 4: (0,5 điểm)·Tuyến hàng không nào sầm uất nhất thế giới hiện nay là?

A. Tuyến nối châu Âu với Bắc Mĩ và Nam Mĩ

B. Tuyến nối Hoa Kì với các nước khu vực châu Á Thái bình dương

C. Ý A và B đúng

D. Ý A và B sai

:âu 5: (0,5 điểm) Các máy bay chở khách khổng lồ có tốc độ trung bình hoảng bao nhiêu Km/h?

A. Khoảng 500-600Km/h B. Khoảng 600-700Km/h

C. Khoảng 700-800Km/h B. Khoảng 800-900Km/h

:âu 6: (0,5 điểm) Hãy điền mũi tên thích hợp

| Quốc gia-khu vực | Các hảng sản xuất máy bay lớn nhất |
|---|---|
| 1. Eu<br>2. Hoa Kì<br>3. Anh | A. Bôcing<br>B. Aribus<br>C. Rolls Royce |

## I. Câu hỏi tự luận:

:âu 1: (4 điểm) Hãy nêu ưu điểm và nhược điểm của ngành giao thông vận ải đường biển và đường sông?

:âu 2: (3 điểm) Giao thông hàng không có ưu điểm và nhược điểm gì?

## Đáp án và biểu điểm đề 76:

. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | D | A | C | D | 1/B,2/A,3/C |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

*** *Ngành giao thông vận tải đường biển:***

- Ưu điểm:

+ Vận chuyển các tuyến đường quốc tế

+ Đảm nhận 3/5 khối lượng luân chuyển hàng hoá của tất cả các phương tiện giao thông trên thế giới

+ Giá vận chuyển rẽ

- Nhược điểm:

+ Xây dựng quá tốn kém (Tàu thủy, xây dựng hải cảng)

+ Tốc độ vận chuyển chậm

*** *Ngành giao thông vận tải đường sông:***

- Ưu điểm:

+ Trọng tải từ nhỏ, nhẹ đến nặng, cồng kềnh

+ Gia vận chuyển rẽ vì có sản trọng tự nhiên

- Nhược điểm:

+ Tốc độ chậm, hoạt động theo mùa

+ Hướng cố định

+ Sông miền núi nhiều thác ghềnh giao thông nguy hiểm

+ Sông ở đồng bằng phù sa lắng đọng nhiều.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Ưu điểm:

+ Tốc độ vận chuyển nhanh mà không có phương tiện nào sánh kịp

+ Chủ yếu là vận chuyển hành khách quốc tế

+ Đảm nhận tuyến đường xa, giao lưu quốc tế

- Nhược điểm:

+ Cước phí vận chuyển rất đắt

+ Trọng tải thấp

+ Chất thải từ động cơ máy bay là nguyên nhân gây thủng tầng ô dôn

## ĐỀ 77

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Kênh Xuy-ê được đào cắt ngang eo đất Xuy-ê của quốc gia nào sau đây?

A. Ai Cập B. Li-Bi C. I- Ran D. I- Rắc

**Câu 2**: (0,5 điểm) Ngay từ những năm đầu hoàn thành kênh Xuy-ê đã phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế của các nước phương tây mà chủ yếu là nước nào?

A. Pháp B. Anh C. Ai Cập D. Hoa Kì

'âu 3: (0,5 điểm) Hãy cho biết kênh Xuy-ê dài bao nhiêu Km?

A. Kênh dài 195Km B. Kênh dài 159Km

C.Kênh dài 519Km D. Kênh dài 915Km

'âu 4: (0,5 điểm) Tại sao khi tàu thuỷ qua kênh Xuy-ê thì không cần ao tàu?

A. Do kênh rộng và sâu

B. Do kĩ thuật các tàu thuỷ

C. Do mực nước biển ở Địa Trung Hải và ở vịnh Xuy-ê gần như bằng nhau

D. Các ý trên đúng

'âu 5: (0,5 điểm) Ai Cập tuyên bố quốc hữu hoá kênh Xuy-ê vào thời gian nào?

A. Tháng 6 năm 1956 B. Tháng 8 năm 1958

C. Tháng 9 năm 1960 D. Tháng 12 năm 1962

'âu 6: (0,5 điểm) Hoa Kì trao trả hoàn toàn kênh đào Pa-na-ma cho nhân ân Pa-na-ma vào thời gian nào?

A. Tháng 1 năm 1997 B. Tháng 6 năm 1998

C. Tháng 12 năm 1999 D. Tháng 2 năm 2000

**I. Câu hỏi tự luận:**

'âu 1: (4 điểm) Hãy nêu đặc điểm phân bố ngành vận tải sông, hồ?

'âu 2: (3 điểm) Tại sao phải nhấn mạnh đến vai trò của các kênh đào?

## Đáp án và biểu điểm đề 77:

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | B | A | C | A | C |

**I. Câu hỏi tự luận:**

'âu 1: (4 điểm)

- Phải có các dòng sông lớn, có giá trị về vận tải đường thuỷ
- Có các hệ thống sông nối với nhau tự nhiên tạo thành lưu vực vận tải
- Có các cơ sở kinh tế phân bố dọc theo các sông và hình thành nên ác cảng sông
- Các khu vực phát triển vận tải đường sông quan trọng trên thế giới ều có các kênh đào nối các lưu vực vận tải với nhau

'âu 2: (3 điểm)

- Nhờ có các kênh đào mà các lưu vực vận tải đường sông được nối ới nhau
- Các kênh đào được xây dựng vượt qua các trở ngại về địa hình (đó hính là lưu vực chia nước ngăn cách các lưu vực sông)
- Cần phải có các giải pháp kĩ thuật mới thực hiện được

# ĐỀ 78

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Ngành công nghiệp nào đóng vai trò quyết định nhất vớ sự phát triển của thông tin liên lạc?

A. Công nghiệp cơ khí B. Công nghiệp luyện kim màu

C. Công nghiệp điện tử tin học D. Công nghiệp luyện kim đen

**Câu 2**: (0,5 điểm) Ngành nào sau đây đảm nhiệm sự vận chuyển các tin tứ một cách nhanh chóng và kịp thời?

A. Ngành giao thông hàng không B. Ngành thông tin liên lạc

C. Ngành Ôtô D. Các ý trên đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Ở thời kì sơ khai con người thường chuyển thông tin vớ hình thức nào sau đây là chủ yếu?

A. Đốt lửa B. Đánh trống

C. Thổi tù và D. Các ý trên đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Các phương tiện thông tin được coi là sớm nhất của loà người dùng để cầu cứu?

A. Các phương tiện giao thông thô sơ (ngựa) B. Đốt lửa

C. Thổi tù và D. Đánh trống

**Câu 5**: (0,5 điểm) Cho phép con người lưu giữ và truyền thông tin chính xá hơn nhờ sự phát minh ra sản phẩm gì?

A. Phát minh ra điện lực B. Phát minh ra điện thoại

C. Phát minh ra giấy D. Phát minh ra máy in

**Câu 6**: (0,5 điểm) Thiết bị viễn thông nào cho phép truyền văn bản và hình ảnh đồ hoạ đi xa một cách dễ dàng và rẽ tiền?

A. Thiết bị Radiô B. Điện thoại

C. Fax D. Vô tuyến truyền hình

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Tại sao có thể coi sự phát triển của thông tin liên lạc như l thước đo của nền văn minh?

**Câu 2**: (3 điểm) Ngày nay để bảo đảm thông tin liên lạc người ta dùn những phương tiện và phương thức nào?

## Đáp án và biểu điểm đề 78:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | C | B | D | B | C | C |

. **Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm)

Sự phát triển ngành thông tin liên lạc hiện đại có tác dụng sâu sắc đến:

- Việc tổ chức đời sống xã hội
- Việc tổ chức lãnh thổ các hoạt động kinh tế - xã hội
- Góp phần quan trọng làm thay đổi các nhân tố phân bố sản xuất
- Làm tăng cường mạnh mẽ quá trình phi tập trung hoá trong hoạt động a các cơ sở kinh tế - văn hoá,...
- Tăng cường khả năng phối hợp hành động của con người trên thế giới.

**âu 2**: (3 điểm)

- Nhờ những tiến bộ của khoa học - kỉ thuật
- Nhờ sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử - tin học
- Thông tin liên lạc được sử dụng bằng nhiều phương tiện và phương ức khác nhau như điện thoại, điện báo, telex, fax, internet, rađiô và vô yến truyền hình.

## ĐỀ 79

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**ìu 1**: (0,5 điểm) Điện báo là hệ thống phi thoại được phát minh từ năm nào?

A. Năm 1827 B. Năm 1837

C. Năm 1844 D. Năm 1854

**ìu 2**: (0,5 điểm) Năm 1895 con người đã thành công trong việc truyền tín ệu điện báo không dây đã mở ra sự phát triển gì?

A. Mở ra cuộc cách mạng điện báo không dây

B. Mở ra cho sau này là ngành truyền thanh

C. Ý A và B sai

D. Ý A và B đúng

**ìu 3**: (0,5 điểm) Buổi phát truyền hình cho công chúng đầu tiên diễn ra o năm nào và ở đâu?

A. Năm 1930 ở Tô-ki-ô nước Nhật Bản

B. Năm 1932 ở Pari nước Pháp

C. Năm 1934 ở Oa-Sinh-Tơn nước Mĩ

D. Năm 1936 ở Luân Đôn nước Anh

**ìu 4**: (0,5 điểm) Với sự thành công trong nghiên cứu, con người đã cho ra ạng Internet toàn cầu vào năm nào?

A. Năm 1989 B. Năm 1993

C. Năm 1995 D. Năm 1998

**Câu 5**: (0,5 điểm) Với sự phát triển và thay đổi của ngành thông tin liên lạ
là nhờ sự tiến bộ của ngành nào sau đây?

A. Tiến bộ của công nghệ truyền dẫn B. Các trạm vệ tinh thông tin

C. Hệ thống truyền Viba D. Các ý trên đúng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Các vệ tinh thông tin đầu tiên được đưa lên quĩ đạo hoạ
động trong thời gian nào?

A. Những năm đầu thế kỉ XX

B. Từ cuối thập kỉ 1950 đầu 1960 của thế kỉ XX

C. Những năm cuối thế kỉ XX

D. Những năm đầu thế kỉ XXI

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu vai trò của hệ thống định vị toàn cầu?

**Câu 2**: (3 điểm) Viễn thông là gì?

## Đáp án và biểu điểm đề 79:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | D | D | A | D | B |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Đây là hệ thống thông tin vô tuyến dẫn đường trong hàng hải và hàng kh

- Hiện nay được ứng dụng rộng rãi trong giao thông ở các thành phố lớ
trên thế giới

- Cung cấp cho người sử dụng thông tin chính xác về vị trí, tốc đ
chuyển động bất cứ lúc nào về thời gian và địa điểm trong mọi điều kiệ
thời tiết.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Là sử dụng các thiết bị cho phép truyền các thông tin điện tử đến cá
khoảng cách xa trên trái đất.

- Nhờ có mạng lưới viễn thông mà con người từ các vùng khác nha
trên trái đất có thể liên lạc trực tiếp với nhau.

- Viễn thông thường phân ra thành các dịch vụ điện thoại và dịch vụ ph
thoại, nhưng phát triển viễn thông hiện đại đang xoá nhoà ranh giới này.

## ĐỀ 80

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**âu 1**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây được thể hiện rõ nhất của ngành ương mại?

A. Là khâu nối liền giữa sản xuất và sản xuất

B. Là khâu nối liền giữa sản xuất với tiêu dùng

C. Là khâu nối liền giữa ngành nông nghiệp với ngành công nghiệp

D. Các ý trên đúng

**âu 2**: (0,5 điểm) Tiền tệ là một loại hàng hoá đặc biệt, có chức năng nào u đây?

A. Thước đo giá trị, phương tiện cất giữ

B. Phương tiện thanh toán, trao đổi quốc tế

C. Phương tiện lưu thông

D. Các ý trên đúng

**âu 3**: (0,5 điểm) Để đo giá trị của hàng hoá và dịch vụ, cần có vật ngang á, hiện nay vật ngang giá đó là gì?

A. Vàng

B. Tiền

C. Ý A và B đúng

D. ý A và B sai

**âu 4**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây sai khi cung lớn hơn cầu?

A. Giá cả thị trường có xu hướng giảm.

B. Có lợi cho người mua

C. Không có lợi cho người bán

D. Sản xuất có khả năng phát triển

**âu 5**: (0,5 điểm) Theo qui luật cung và cầu, khi cung nhỏ hơn cầu thì trên ị trường sẽ diễn ra yếu tố nào?

A. Giá cả tăng

B. Kích thích mở rộng sản xuất

C. Có lợi cho người bán

D. Các ý trên đúng

**âu 6**: (0,5 điểm) Do quy luật cung cầu, nên giá cả thị trường thường xuyên biến động thì các hoạt động nào ngày càng quan trọng?

A. Cải tiến kĩ thuật sản xuất

B. Các hoạt động tiếp thị

C. Nâng cao chuyên môn cho người sản xuất

D. Mở rộng thị trường

**. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Hãy nêu khái niệm về thị trường?

**âu 2**: (3 điểm) Ngành thương mại có những vai trò gì?

## Đáp án và biểu điểm đề 80:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | D | B | D | D | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Thị trường là nơi gặp giữa người bán và người mua.
- Vật được mang ra trao đổi trên thị trường gọi là hàng hoá.
- Thị trườmg hoạt động theo qui luật cung và cầu.
- Do quy luật cung và cầu nên giá cả trên thị trường thường xuyên biến động.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Thương mại là khâu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.
- Có tác động lớn đến việc thay đổi cả qui mô số lượng và chất lượ sản xuất.
- Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.
- Hình thành và phát triển các ngành chuyên môn hoá và vùng chuy môn hoá.
- Làm thay đổi thị hiếu tiêu dùng, nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

## ĐỀ 81

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Vật mang ra thị trường là hàng hoá. Vậy hàng hoá là s phẩm của lao động có mấy thuộc tính?

A. Có hai thuộc tính. B. Có ba thuộc tính.
C. Có bốn thuộc tính. D. Không có giới hạn thuộc tín

**Câu 2**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây sai với các hoạt động của nội thươn

A. Tạo ra thị trường thống nhất trong nước.
B. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới.
C. Góp phần đẩy mạnh chuyên môn hoá sản xuất.
D. Góp phần phân công lao động theo vùng, lãnh thổ.

**Câu 3**: (0,5 điểm) Trong quan hệ so sánh, nếu giá trị hàng xuất khẩu l hơn hàng nhập khẩu thì gọi là:

A. Cân bằng. B. Nhập siêu. C. Xuất siêu.
B. Tuỳ thuộc hàng xuất khẩu và hàng nhập khẩu.

:âu 4: (0,5 điểm) Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của Nhật Bản ăm 2004 ở bảng sau: (Đơn vị tỉ USD). Vậy cán cân xuất nhập khẩu là?

| Nước | Xuất khẩu | Nhập khẩu | Cán cân xuất nhập khẩu |
|---|---|---|---|
| Nhật Bản | 565,6 | 454,5 | ? |

A. – 111,1 tỉ USD. B. + 111,1 tỉ USD.

C. 1020,1 tỉ USD. D. Các ý trên đúng.

:âu 5: (0,5 điểm) Cơ cấu hàng xuất khẩu nào chiếm tỉ trọng cao ở các nước ang phát triển?

A. Các loại khoáng sản. B. Các sản phẩm cây đặc sản.

C. Lâm sản. D. Các ý trên đúng.

:âu 6: (0,5 điểm) Sản phẩm nào sau đây mà các nước kinh tế phát triển ıường nhập khẩu?

A. Các loại nguyên liệu khoáng sản. B. Nhiên liệu (nhất là dầu mỏ).

C. Nguyên liệu từ nông nghiệp. D. Các ý trên đúng.

**I. Câu hỏi tự luận:**

:**âu 1**: (4 điểm) Hãy nêu vai trò của ngành ngoại thương?

:**âu 2**: (3 điểm) Nội thương có những vai trò gì? Hãy giải thích?

## Đáp án và biểu điểm đề 81:

**Câu hỏi trắc nghiệm:**

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | B | B | B | D | D |

**I. Câu hỏi tự luận:**

:**âu 1**: (4 điểm) Vai trò của ngành ngoại thương:

- Trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các nước trên thế giới.
- Sự phát triển ngoại thương sẽ góp phần tăng nguồn thu ngoại tệ cho ất nước.
- Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới.
- Ngoại thương phát triển làm cho kinh tế đất nước mạnh hơn.

:**âu 2**: (3 điểm)

- Có nhiệm vụ trao đổi hàng hoá, dịch vụ trong một quốc gia.
- Nội thương phát triển góp phần đẩy mạnh chuyên môn hoá sản xuất à phân công lao động theo lãnh thổ.
- Thương nghiệp bán lẻ còn phục vụ nhu cầu tiêu dùng của các cá hân trong xã hội.

## ĐỀ 82

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Hãy tính giá trị xuất khẩu theo số liệu sau đây? (Đơn v
Tỉ USD/2004)

| Nước | Tổng số | Xuất khẩu | Cán cân xuất nhập khẩu |
|---|---|---|---|
| Hoa Kì | 2345,4 | ? | - 707,4 |

A. 918 tỉ USD. B. 819 tỉ USD.

C. 981 tỉ USD. D. 891 tỉ USD.

**Câu 2**: (0,5 điểm) Nước nào sau đây dẫn đầu thế giới về giá trị xuất khẩu v
nhập khẩu năm 2004?

A. Nhật Bản. B. Hoa Kì.

C. Anh. D. Pháp.

**Câu 3**: (0,5 điểm) Nhật Bản là cường quốc kinh tế nhưng hoạt động xuấ
khẩu và nhập khẩu năm 2004 sau các nước nào sau đây?

A. Sau Hoa Kì và Cộng hoà Liên Bang Đức.

B. Sau Hoa Kì.

C. Sau Hoa Kì và Anh.

D. Sau Cộng Hoà Liên Bang Đức và Pháp.

**Câu 4**: (0,5 điểm) Hãy cho biết ba cường quốc nào sau đây dẫn đầu thế giớ
về giá trị xuất nhập khẩu vào năm 2004?

A. Nhật Bản – Pháp – Anh.

B. Hoa Kì – Cộng Hoà Liên Bang Đức - Nhật Bản.

C. Hoa Kì – Trung Quốc – Liên Bang Nga

D. Hoa Kì – Ca-na-đa - Italia

**Câu 5**: (0,5 điểm) Ý nào sau đây sai trong cơ cấu hàng nhập khẩu chủ yế
của các nước kinh tế phát triển?

A. Khoáng sản kim loại đen. B. Nhiên liệu (nhất là dầu mỏ)

C. Các loại máy công cụ. D. Khoáng sản kim loại màu.

**Câu 6**: (0,5 điểm) Dựa vào bảng số liệu sau đây (Đơn vị: Tỉ USD) năm
2004. Hãy tính giá trị nhập khẩu?

| Nước | Tổng số | Nhập khẩu | Cán cân xuất nhập khẩu |
|---|---|---|---|
| Nhật Bản | 1020,1 | ? | + 111,1 |

A. 454,5 tỉ USD B. 544,4 tỉ USD

C. 445,5 tỉ USD D. 554,4 tỉ USD

## I. Câu hỏi tự luận:

'âu 1: (4 điểm) Dựa vào bảng số liệu giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng oá của một số nước năm 2004 (Đơn vị tỉ USD)

| NƯỚC | TỔNG SỐ | XUẤT KHẨU | NHẬP KHẨU | CÁN CÂN XUẤT NHẬP KHẨU |
|---|---|---|---|---|
| Hoa Kì | 2345,4 | 819,0 | 1526,4 | ? |
| CHLB Đức | 1632,3 | ? | | + 197,3 |
| Pháp | 915,1 | | ? | - 13,1 |

'âu 2: (3 điểm) Hãy giải thích sự phát triển của ngành nội thương sẽ thúc ẩy sự phân công lao động lãnh thổ giữa các vùng?

## Đáp án và biểu điểm đề 82:

. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | B | A | B | C | A |

## I. Câu hỏi tự luận:

'âu 1: (4 điểm)

* *Hoa Kì:*

- Xuất khẩu 819,0 tỉ USD, nhập khẩu 1526,4 tỉ USD
- Nhập khẩu > xuất khẩu gọi là nhập siêu
- Cán cân xuất nhập khẩu là: 1526,4 - 819,0 = - 707,4 tỉ USD

* *CHLB Đức:*

- Tổng số xuất nhập khẩu là 1632,3 tỉ USD
- Cán cân xuất nhập khẩu là: + 197,3 tỉ USD
- Tính xuất khẩu: $\frac{1632,3 + 197,3}{2} = 914,8$ tỉ USD

* *Pháp:*

- Tổng số xuất nhập khẩu là 915,1 tỉ USD
- Cán cân xuất nhập khẩu là - 13,1 tỉ USD
- Tính nhập khẩu: $\frac{915,1 + 13,1}{2} = 464,1$ tỉ USD

'âu 2: (3 điểm)

- Mỗi vùng trong một nước hoặc các nước trên thế giới đều có thế ıạnh sản xuất ra các sản phẩm hàng hoá
- Hàng hoá được trao đổi với các vùng khác , nước khác
- Mỗi vùng, mỗi nước tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của vùng khác, ước khác mà mình không có.

# ĐỀ 83

## I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Để hoàn thiện kỉ thuật, công nghệ và nguyên vật liệu sả xuất có chất lượng cao hơn thì phải thông qua?

A. Xuất khẩu B. Nhập khẩu

C. Phát triển mạnh công nghiệp cơ khí D. Xuất khẩu và nhập khẩu

**Câu 2**: (0,5 điểm) Tổ chức thương mại thế giới thường được gọi là?

A. APEC B. OPEC C. WTO D. NAFTA

**Câu 3**: (0,5 điểm) Tổ chức thương mại thế giới được chính thức hoạt độn từ ngày nào?

A. Từ ngày 15/11/1994 B. Từ ngày 01/01/1995

C. Từ ngày 01/10/1995 D. Từ ngày 01/01/1996

**Câu 4**: (0,5 điểm) Hiệp định tự do thương mại Bắc Mĩ gồm có 3 nước nà sau đây?

A. Hoa Kì, Canada và Mêhicô B. Hoa Kì, Brxin và Mêhicô

C. Ac-hen-ti-na, Mêhicô và Hoa Kì D. Canada, Chi Lê và Mêhicô

**Câu 5**: (0,5 điểm) Nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập hiệ hội các quốc gia Đông nam Á?

A. Nước Campuchia B. Nước Mianma

C. Nước Đông Ti Mo D. Nước Brunây

**Câu 6**: (0,5 điểm) Ba cường quốc có giá trị hàng hoá xuất khẩu và nhậ khẩu lớn nhất thế giới vào năm 2001 là?

A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc

B. Hoa Kì, CHLB Đức, Nhật Bản

C. Liên bang Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc

D. Nhật Bản, Canada, Braxin

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy trình bày đặc điểm của thị trường thế giới?

**Câu 2**: (3 điểm) Hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu có mối quan hệ như thế nà

## Đáp án và biểu điểm đề 83:

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | B | C | B | A | C | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Là một hệ thống toàn cầu ngày càng phức tạp
- Do sự chật hẹp của thị trường thế giới nên sức ép cạnh tranh càng lớn
- Các nước tư bản phát triển đang kiểm soát thị trường thế giới
- Trong những năm vừa qua khối lượng buôn bán ở nhóm nước phát triển và đang phát triển tăng liên tục.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Đẩy mạnh nhập khẩu phải dựa trên đẩy mạnh xuất khẩu
- Việc đẩy mạnh xuất khẩu cũng tất yếu sẽ thúc đẩy nhập khẩu
- Do tăng cường vào quá trình phân công lao động quốc tế, đồng thời phải đẩy mạnh nhập khẩu các nguyên, nhiên liệu, mày móc, thiết bị để mở rộng sản xuất.

## ĐỀ 84

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình dương thường được gọi là?

A. OPEC | B. APEC
C. SAPTA | D. NAFTA

**Câu 2**: (0,5 điểm) Hiệp hội các quốc gia đông nam Á, được thành lập vào thời gian nào và ở quốc gia?

A. Ngày 08/08/1967 tại Thái Lan | B. Ngày 10/08/1968 tại Phlippin
C. Ngày 08/10/1969 tại Inđnêxia | D. Ngày 12/12/1969 tại Xigapo

**Câu 3**: (0,5 điểm) Liên minh châu Âu (EU) được thành lập vào năm nào?

A. Năm 1954 | B. Năm 1957
C. Năm 1959 | D. Năm 1963

**Câu 4**: (0,5 điểm) Hiệp hội các quốc gia Đông nam Á là một khối kinh tế lớn trên thế giới. Hiện nay (năm 2006) có mấy nước gia nhập?

A. Có 8 nước gia nhập | B. Có 9 nước gia nhập
C. Có 10 nước gia nhập | D. Có 11 nước gia nhập

**Câu 5**: (0,5 điểm) Các nước nào sau đây kiểm soát thị trường thương mại toàn cầu?

A. Các nước đang phát triển | B. Các nước xã hội chủ nghĩa
C. Các nước tư bản phát triển | D. Các nước công nghiệp mới

**Câu 6**: (0,5 điểm) Kể từ tháng 5 năm 2004 liên minh châu Âu (EU) có số thành viên là bao nhiêu nước gia nhập?

A. Có 15 thành viên	B. Có 20 thành viên
C. Có 25 thành viên	D. Có 28 thành viên

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm) Hãy nêu các chúc năng cơ bản của WTO?

**Câu 2**: (3 điểm) Hoạt động xuất khẩu có vai trò gì?

## Đáp án và biểu điểm đề 84:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | A | B | C | C | C |

**II. Câu hỏi tự luận:**

**Câu 1**: (4 điểm)

- Quản lí và thực hiện các hiệp định đa phương
- Giải quyết tranh chấp thương mại
- Diễn đàn cho các cuộc đàm phán thương mại đa phương
- Giám sát chính sách thương mại các quốc gia
- Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác liên quan đến hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Tạo đầu ra cho sản phẩm
- Tăng hiệu quả kinh tế của nhiều ngành sản xuất
- Đẩy mạnh xuất khẩu nhằm tạo vốn để phát triển công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước
- Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động
- Tạo điều kiện đẩy mạnh nhập khẩu

## *CHƯƠNG X*

# MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## ĐỀ 85

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Sự hạn chế của các tài nguyên thiên nhiên được thể hiện rõ nhất là loại tài nguyên nào?

A. Tài nguyên đất — B. Tài nguyên khoáng sản

C. Tài nguyên lâm sản — D. Tài nguyên thuỷ sản

**Câu 2**: (0,5 điểm) Con người sống và phát triển trên trái đất được sự tác động của môi trường nào sau đây?

A. Môi trường tự nhiên — B. Môi trường xã hội

C. Môi trường nhân tạo — D. Các ý trên đều đúng

**Câu 3**: (0,5 điểm) Bao gồm các đối tượng lao động do con người sản xuất ra và chịu sự chi phối của con người. Đó là môi trường nào?

A. Môi trường xã hội — B. Môi trường nhân tạo

C. Môi trường tự nhiên — D. Ý A và B đúng

**Câu 4**: (0,5 điểm) Chức năng nào sau đây là của môi trường địa lí?

A. Là không gian sống của con người

B. Là nguồn cung cấp tài nguyên thiên nhiên

C. Là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra

D. Các ý trên đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Sự phát triển của môi trường xã hội bao giờ cũng diễn ra chậm hơn sự phát triển của môi trường tự nhiên?

A. Đúng — B. Sai

**Câu 6**: (0,5 điểm) Ý nào không đúng khi sự phát triển của xã hội loài người sẽ dẫn đến môi trường như thế nào?

A. Là cân bằng môi trường sinh thái

B. Nâng cao chất lượng môi trường

C. Làm suy thoái chất lượng môi trường

D. Ý B và C đúng

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo khác nhau như thế nào?

**Câu 2**: (3 điểm) Hãy nêu ba chức năng cơ bản của môi trường địa lí?

## Đáp án và biểu điểm đề 85:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | B | D | B | D | B | A |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Môi trường của con người chính là không gian bao quanh trái đất, có quan hệ trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của con người
- Môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo có sự khác nhau là:
  + Môi trường tự nhiên:
    · Xuất hiện sớm trên bề mặt trái đất
    · Không phụ thuộc vào con người
    · Phát triển theo qui luật của tự nhiên
  + Môi trường nhân tạo:
    · Là kết quả lao động của con người tạo ra
    · Tồn tại hoàn toàn tuỳ thuộc vào con người
    · Nếu không có sự chăm sóc của con người thì môi trường nhân tạo sẽ bị huỷ hoại.

**Câu 2**: (3 điểm) Ba chức năng chính của môi trường địa lí:

- Là không gian sống của con người
- Là nguồn cung cấp tài nguyên thiên nhiên
- Là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra.

## ĐỀ 86

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Yếu tố nào sau đây là sai lầm của quan điểm duy vật địa lí?

A. Môi trường tự nhiên có vai trò quyết định nhất đến sự phát triển của xã hội

B. Môi trường tự nhiên có vai trò quan trọng đối với xã hội loài người

C. Phương thức sản xuất quyết định sự phát triển của xã hội loài người

D. Sự phát triển của công nghệ

**Câu 2**: (0,5 điểm) Nhân tố nào sau đây quyết định nhất sự phát triển của xã hội loài người?

A. Các loại khoáng sản phong phú

B. Sự thuận lợi của khí hậu, thời tiết

C. Phương thức sản xuất

D. Các ý trên đúng

**âu 3**: (0,5 điểm) Để giải quyết những vấn đề môi trường các nước phải có
 lực lớn nào sau đây?

A. Về chính trị

B. Về kinh tế và khoa học kĩ thuật

C. Về hậu quả con người tác động đến môi trường

D. Các ý trên đúng

**âu 4**: (0,5 điểm) Sự quan hệ xã hội trong sản xuất, trong giao tiếp, trong
ân phối, đó là đặc điểm của môi trường nào?

A. Của môi trường tự nhiên B. Của môi trường xã hội

C. Của môi trường nhân tạo D. Tất cả các môi trường trên

**âu 5**: (0,5 điểm) Các nước và khu vực nào phát ra khí thải gây ô nhiễm
ông khí lớn nhất thế giới hiện nay là?

A. Hoa Kì, Anh, CHLB Đức B. Ấn Độ, Trung Quốc, LB Nga

C. EU, Hoa Kì, Nhật Bản D. Hoa Kì, Canada, Mêhicô

**âu 6**: (0,5 điểm) Đại hội đồng liên hiệp quốc quyết định chọn "ngày môi
ường thế giới" là?

A. Ngày 5 tháng 6 hàng năm B. Ngày 6 tháng 5 hàng năm

C. Ngày 6 tháng 7 hàng năm D. Ngày 7 tháng 6 hàng năm

**. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm) Hãy giải thích quan điểm hoàn cảnh địa lí quyết định nhất
 phát triển của xã hội loài người là sai lầm?

**âu 2**: (3 điểm) Tại sao chúng ta phải bảo vệ môi trường?

## Đáp án và biểu điểm đề 86:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | A | C | D | B | C | A |

**. Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm)

- Môi trường tự nhiên có vai trò quan trọng (thuận lợi hoặc khó khăn) ưng không có vai trò quyết định đến sự phát triển của xã hội

- Bởi vì:

+ Sự phát triển của môi trường tự nhiên luôn diễn ra chậm

+ Trong khi sự phát triển của xã hội loài người luôn diễn ra nhanh

- Vai trò quyết định sự phát triển của xã hội loài người chính là:

+ Phương thức sản xuất

+ Quan hệ sản xuất

**Câu 2**: (3 điểm)

- Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng nhất hiện nay là không khí v
nguồn nước

- Trong khai thác, sản xuất (nhất là sản xuất công nghiệp) con ngườ
đã loại bỏ các chất phế thải khác nhau, làm cho môi trường bị ô nhiễm.

- Vì vậy muốn tồn tại và phát triển chúng ta cần phải bảo vệ sự tron
sạch của môi trường.

## ĐỀ 87

### I. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Nước nào phát thải lớn nhất các loại khí gây hiệu ứng nhà kín

A. Hoa Kì  B. Nhật Bản

C. CHLB Đức  D. Canada

**Câu 2**: (0,5 điểm) Tài nguyên đất, khoáng sản, nước, khí hậu, sinh vật tron
phân loại thì theo cách nào?

A. Theo công dụng kinh tế  B. Theo thuộc tính tự nhiên

C. Theo khả năng có thể bị hao kiệt  D. Các ý trên sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Các loại khoáng sản đang được khai thác để sử dụn
trong công nghiệp là loại tài nguyên?

A. Tài nguyên không phục hồi lại được

B. Tài nguyên phục hồi lại được

C. Tài nguyên có thể phục hồi lại được

D. Tài nguyên vô tận

**Câu 4**: (0,5 điểm) Phân loại tài nguyên theo công dụng kinh tế thì gồm c
tài nguyên nào?

A. Tài nguyên nông nghiệp  B. Tài nguyên công nghiệp

C. Tài nguyên du lịch  D. Các ý trên đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Năng lượng mặt trời, không khí, nước,...là loại tài nguyê
không bị hao kiệt?

A. Đúng  B. Sai

**Câu 6**: (0,5 điểm) Ở các nước nhiệt đới còn phổ biến tình trạng phá rừng đ
lấy đất canh tác. Điều đó là thể hiện?

A. Nền nông nghiệp quảng canh, năng suất thấp

B. Thiếu đất sản xuất

C. Nền nông nghiệp thâm canh

D. Các ý trên đúng

### II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1**: (4 điểm) Thế nào là sự phát triển bền vững?

**Câu 2**: (3 điểm) Nguyên nhân nào làm thủng tầng Ôdôn?

**Đáp án và biểu điểm đề 87:**

. Câu hỏi trắc nghiệm:

| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | B | A | D | A | A |

I. Câu hỏi tự luận:

:âu 1: (4 điểm)

- Các vấn đề về môi trường đều bắt nguồn từ sự phát triển
- Con người và các loại sinh vật khác, trong quá trình tồn tại luôn có ự phát triển
- Để giải quyết sự mâu thuẫn giữa môi trường và phát triển là phải hấp nhận sự phát triển, nhưng phải làm sao cho sự phát triển không tác ộng tiêu cực đến môi trường đó chính là sự phát triển bền vững.

:âu 2: (3 điểm)

- Trong tầng bình lưu, ở độ cao khoảng 25 km có một lớp không khí iàu khí Ôdôn ($O_3$) gọi là tầng ôdôn có vai trò bảo vệ sự sống trên trái đất
- Trong sản xuất công nghiệp, giao thông, thải vào bầu khí quyển các hất khí nhất là CFC là loại khí gây thủng tầng Ôdôn.

# ĐỀ 88

## . Câu hỏi trắc nghiệm:

:âu 1: (0,5 điểm) Mục tiêu nào sau đây của sự phát triển bền vững mà loài gười đang hướng đến?

A. Đảm bảo vật chất ngày càng cao  B. Sự phát triển về tinh thần
C. Sống trong môi trường lành mạnh  D. Các ý trên đúng

:âu 2: (0,5 điểm) Nguồn gốc nào sau đây gây ra ô nhiễm môi trường?

A. Do con người gây ra  B. Do tự nhiên
C. Ý A và B đúng  D. Ý A và B sai

:âu 3: (0,5 điểm) Gây nên ô nhiễm môi trường xuất phát từ nguồn gốc tự hiên là do hiện tượng nào chủ yếu?

A. Do động đất, bão lụt  B. Do núi lửa, sóng thần
C. Do cháy rừng  D. Các ý trên đúng

:âu 4: (0,5 điểm) Hiện tượng hiệu ứng nhà kính sẽ gây ra hậu quả gì trên ề mặt trái đất?

A. Nhiệt độ trung bình bề mặt trái đất tăng
B. Biển tiến
C. Khí hậu, thời tiết trên trái đất biến đổi theo chiều hướng xấu
D. Các ý trên đúng

**Câu 5**: (0,5 điểm) Nguyên nhân nào quyết định nhất mà loài người gây nên ô nhiễm môi trường:

A. Các chất thải sinh hoạt của con người
B. Do sản xuất công nghiệp
C. Do sản xuất nông nghiệp
D. Do sử dụng các nguồn năng lượng

**Câu 6**: (0,5 điểm) Ở các vùng khí hậu nhiệt đới khô hạn, đã thúc đẩy quá trình hoang mạc hoá là do?

A. Do phát quang rừng làm đồng cỏ
B. Do chăn thả gia súc quá mức
C. Nền sản xuất nông nghiệp phiến diện
D. Các ý trên đúng

## II. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1:** (4 điểm) Tại sao việc giải quyết vấn đề môi trường đòi hỏi sự nỗ lực chung của các quốc gia và toàn thể loài người?

**Câu 2**: (3 điểm) Giáo dục có vai trò như thế nào trong việc giải quyết vấn đề môi trường và phát triển bền vững.

## Đáp án và biểu điểm đề 88:

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đáp án** | D | C | D | D | D | D |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Giải quyết vấn đề môi trường và những hậu quả của con người tác động đến môi trường không hợp lí
- Qui luật về sự tuần hoàn của vật chất và năng lượng trong lớp vỏ địa lí liên quan toàn cầu
- Môi trường không thể chia cắt được nên có thể gây ra phản ứng dây chuyền, vì vậy giải quyết những vấn đề môi trường phải có sự phối hợp, nỗ lực chung của các quốc gia về chính trị, kinh tế và khoa học- kĩ thuật.

**Câu 2**: (3 điểm) Giáo dục có vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết vấn đề môi trường và phát triển bền vững là vì.

- Giáo dục tác động đến từng thành viên trong xã hội về sự cần thiết của môi trường
- Giáo dục làm cho con người thay đổi những kiến thức , ý thức tốt hơn về môi trường
- Giáo dục giúp cho con người thay đổi các hành vi trong mọi hoạt động sinh hoạt, sản xuất nhằm giải quyết những vấn đề về môi trường và sự phát triển bền vững.

# ĐỀ 89

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**iu 1**: (0,5 điểm) Môi trường trái đất đang bị suy thoái nặng nề là do sự ô iễm nào?

A. Ô nhiễm không khí B. Ô nhiễm nguồn nước ngọt

C. Ô nhiễm biển và đại dương D. Các ý trên đúng

**iu 2**: (0,5 điểm) Khi tầng ôdôn bị thủng thì con người bị tác động hậu quả gì?

A. Gây ra các bệnh ung thư da B. Đục thuỷ tinh thể

C. Tăng các bệnh về đường hô hấp D. Các ý trên đúng

**iu 3**: (0,5 điểm) Hội nghị thượng đỉnh về môi trường và phát triển bền ng ở Riôđê Gianêrô vào năm nào?

A. Năm 1990 B. Năm 1991

C. Năm 1992 D. Năm 1993

**iu 4**: (0,5 điểm) Với nền công nghiệp khổng lồ gây ra nhiều vấn đề ô iễm toàn cầu chủ yếu là ở các nước?

A. Các nước phát triển B. Các nước đang phát triển

C. Các nước công nghiệp mới D. Các ý trên đúng

**iu 5**: (0,5 điểm) Em hãy cho biết những tác hại của sự ô nhiễm môi trường?

A. Sẽ làm tổn hại đến sức khoẻ con người

B. Tác hại đến sự phát triển bình thường của sinh vật

C. Huỷ hoại các nguồn tài nguyên, các công trình do con người tạo nên

D. Các ý trên đều đúng

**iu 6**: (0,5 điểm) Theo số liệu của liên hiệp quốc thì cứ mỗi phút trái đất có m bao nhiêu hecta đất có thể sản xuất trở thành hoang mạc?

A. Có thêm 5 hecta B. Có thêm 10 hecta

C. Có thêm 15 hecta D. Có thêm 20 hecta

**Câu hỏi tự luận**:

**iu 1**: (4 điểm) Các nước đang phát triển gặp những khó khăn gì về mặt ıh tế- xã hội khi giải quyết vấn đề môi trường?

**iu 2**: (3 điểm) Hãy nêu các biện pháp cơ bản để sử dụng hợp lí tài nguyên ên nhiên?

## Đáp án và biểu điểm đề 89:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| âu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| áp án | D | D | C | A | D | B |

**II. Câu hỏi tự luận**:

**Câu 1**: (4 điểm)

- Thế giới các nước đang phát triển chiếm hơn 3/4 dân số và hơn 1, diện tích

- Là nhóm nước giàu tài nguyên (nhất là tài nguyên khoáng sản)

- Các nước đang phát triển sản xuất tăng chậm, song tỉ lệ gia tăng nhiên cao. Để đảm bảo lương thực, thực phẩm thì các nước đang phát triể phải khai thác triệt để đất, rừng (để lấy đất trồng cây lương thực), huỷ ho các nguồn thuỷ, hải sản.

- Sự chậm phát triển, sự huỷ hoại môi trường, sự bùng nổ dân số vòng lẩn quẩn bị trói buộc ở các nước đang phát triển trong vấn đề gi quyết vấn đề môi trường.

**Câu 2**: (3 điểm)

- Tiết kiệm trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên (nhất là các t nguyên không tái tạo được)

- Tận dụng tái chế, sử dụng lại các nguyên liệu, vật liệu từ nguồn t nguyên thiên nhiên

- Tìm kiếm các nguyên liệu, vật liệu thay thế các nguồn có sẵn tron thiên nhiên để giảm bớt việc khai thác và sử dụng các tài nguyên tự nhiên.

## ĐỀ 90

**I. Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1**: (0,5 điểm) Trong quá trình phát triển công nghiệp thì đối với t nguyên khoáng sản cần phải?

A. Sử dụng thật tiết kiệm  B. Phải sử dụng tổng hợp

C. Cần sản xuất các vật liệu thay thế  D. Các ý trên đúng

**Câu 2**: (0,5 điểm) Các loại tài nguyên như đất, động vật, thực vật, là loại t nguyên?

A. Không phục hồi lại được  B. Vô tận

C. Phục hồi lại được  D. Ý A và C sai

**Câu 3**: (0,5 điểm) Ý nào sau đây sai khi phân loại tài nguyên nào là vô tận?

A. Nguồn nước  B. Không khí

C. Năng lượng mặt trời  D. Các loại khoáng sản

**Câu 4**: (0,5 điểm) Những đặc điểm như Bùng nổ dân số, Khai thác triệt c tài nguyên khoáng sản, đất, rừng làm cho môi trường bị huỷ hoại chủ yếu nhóm nước nào?

A. Nhóm nước phát triển  B. Nhóm nước đang phát triển

C. Nhóm nước công nghiệp mới  D. Các ý trên đúng

âu 5: (0,5 điểm) Vấn đề môi trường ở các nước phát triển chủ yếu gắn liền ới yếu tố nào?

A. Vấn đề phát triển đô thị hoá

B. Sự phát triển của ngành công nghiệp

C. Hiệu ứng nhà kính và thủng tầng ôdôn

D. Các ý trên đúng

âu 6: (0,5 điểm) Hiện nay trung bình cứ mỗi phút trái đất lại mất đi bao iêu hecta rừng?

A. Mất 20 ha rừng

B. Mất 30 ha rừng

C. Mất 40 ha rừng

D. Mất 50 ha rừng

**. Câu hỏi tự luận:**

**âu 1**: (4 điểm) Hãy nêu các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường m bảo chất lượng môi trường sống?

**âu 2**: (3 điểm) Thế nào là hiệu ứng nhà kính?

## Đáp án và biểu điểm đề 90:

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

| âu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| áp án | D | C | D | B | D | B |

**Câu hỏi tự luận**:

**âu 1**: (4 điểm)

Để có thể chủ động phòng chống ô nhiễm môi trường đảm bảo chất lượng ôi trường sống có hiệu quả. Thì phải áp dụng đồng bộ các giải pháp sau:

- Giải pháp pháp chế:

+ Ban hành luật bảo vệ môi trường

+ Tham gia các qui định quốc tế về môi trường

- Giải pháp giáo dục, tuyên truyền: nhằm nâng cao nhận thức của toàn hội về môi trường,..

- Giải pháp khoa học công nghệ: sử dụng các thiết bị công nghệ tiên n để xử lí các vấn đề dẫn đến ô nhiễm môi trường.

**âu 2**: (3 điểm)

- Do sự phá rừng và tiêu thụ nhiều nhiên liệu hoá thạch nên nồng độ í $CO_2$ trong khí quyển tăng nhanh.

- Nhiệt lượng toả ra từ vỏ trái đất bị tầng khí $CO_2$ giữ lại không phát ı được vào vũ trụ.

- Hiện tượng đó là hiệu ứng nhà kính.

# *MỤC LỤC*

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715013; (04) 7547936. Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

* * *

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

*Giám đốc:* PHÙNG QUỐC BẢO
*Tổng biên tập:* NGUYỄN BÁ THÀNH

***Biên tập:*** HỒNG ÁNH

***Chế bản:*** Nhà sách HỒNG ÂN

***Trình bày bìa:*** VÕ THỊ THỪA

---

**BỘ ĐỀ TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN ĐỊA LÍ 10**

Mã số: 2L – 57 ĐH2006

In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Xưởng in Chi nhánh Công ti Phát triển Công nghệ Truyền hình - TP. Hồ Chí Minh.

Số xuất bản: 897 - 2006/CXB/12 – 184/ĐHQGHN, ngày 5/12/2006.

Quyết định xuất bản số: 418 LK/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2006.